

THE NEW YORK TIMES BESTSELLER

THOMAS CATHCART & DANIEL KLEIN

Plato và con thú mỏ vịt bước vào quán bar...



Lĩnh hội Triết học
thông qua truyện cười

www.dtv-ebook.com



"SÁCH" — CHICAGO SUN-TIMES

"VUA TỬ VUA HỌ" — THE BOSTON GLOBE

Tên eBook: Plato Và Con Thú Mỏ Vịt Bước Vào Quán Bar

**Tác giả: Thomas Cathcart
& Daniel Klein**

**Thể loại: Triết tếu, Triết học, Văn học
phương Tây**

Hình thức: Bìa Mềm

Giá bìa: 80.000 đ

Công ty phát hành: Nhã Nam

Nhà xuất bản: NXB Thế Giới

Trọng lượng vận chuyển: 300 g

Kích thước: 14 x 20.5 cm

Số trang: 272

Ngày xuất bản: 09/2013

Nguồn: tve-4u.org

Ebook: Đào Tiểu Vũ eBook
- <http://www.dtv-ebook.com>

Giới thiệu:

Sáng tạo thêm bên cạnh TRIẾT HỌC một khái niệm mới: TIỂU HỌC, *Thomas Cathcart* và *Daniel Klein* đã mở rộng cánh cửa để ánh sáng của rừng cười tràn vào ngôi đền triết học. *PLATO VÀ CON THÚ MỎ VỊT BƯỚC VÀO QUÁN BAR...* dẫn dắt người đọc vào cuộc du hành vui vẻ và hài hước, qua truyện cười để hiểu lịch sử triết học cổ kim, đưa ra những câu trả lời đơn giản đến bất ngờ cho những ai muốn đi sâu vào bản chất

Các Câu Hỏi Lớn mà không bị chìm
ngập trong lý luận hàn lâm.

Từ đây, các nhà tư tưởng lớn từ cổ chí
kim như *Aristotle, Plato, Descartes*
Kant, Hegel, Wittgenstein, Sartre... với
ta không còn quá xa cách; siêu hình học,
siêu triết học, nhận thức luận, triết học
tôn giáo hay đạo đức học... với ta không
còn nằm ngoài tầm hiểu.

Nhận định

“Không dễ tìm được món quà hoàn hảo
cho những người mà chúng ta yêu mến...
Thật tình cờ vì tôi có trên tay Plato và
con rái mỏ vịt bước vào quán bar... Sẽ
xảy điều gì, nếu pha trộn truyện cười,
những châm biếm sâu sắc và hài hước

vào các bài học lớn của đời sống? Bạn được đọc một cuốn sách thật hay và bạn muốn chia sẻ nó với càng nhiều người càng tốt. Khi nó không thuần túy là truyện cười!”- *Orlando Stinel*

"Thế giới này dù tuyệt diệu đến đâu, chúng ta cũng chỉ ghé qua trong chuyến thăm ngắn ngủi. Nhưng ngắn ngủi so với gì? Với vĩnh hằng ư?"- *Thomas Cathcart và Daniel Klein (Về Vô Tận và Vĩnh Hằng)*

“Plato và con rái mỏ vịt bước vào một quán bar... Lĩnh hội triết học thông qua truyện cười, của Thomas Cathcart và Daniel Klein là cuốn sách thật sinh động.” - *Chicago Sun-Times*

Mời các bạn đón đọc **Plato và Con thú**
mở vệt bước vào quán bar của tác giả
Thomas Cathcart & Daniel Klein.

Xem thêm các tác phẩm khác
của Thomas

Cathcart: [http://www.dtv-
ebook.com/search/label/Thomas
Cathcart](http://www.dtv-ebook.com/search/label/ThomasCathcart)

Xem thêm các tác phẩm khác
của Daniel

Klein: [http://www.dtv-
ebook.com/search/label/Daniel](http://www.dtv-ebook.com/search/label/Daniel)

TRIẾT TỂU

PLATO VÀ CON THÚ MỎ VỊT BƯỚC VÀO QUÁN BAR

Để tưởng nhớ GROUCHO MARX, ông tổ về Triết lý của chúng tôi – người đã tổng kết hệ tư tưởng cơ bản của chúng tôi khi nói: *“Đây là những nguyên tắc của tôi, nếu các vị không thích chúng, tôi có những nguyên tắc khác.”*

Dẫn nhập

DIMITRI: Nếu thần Atlas đỡ Địa cầu, vậy thì ai đỡ thần Atlas?

TASSO: Thần Atlas đứng trên lưng con rùa.

DIMITRI: Nhưng con rùa ấy đứng trên cái gì?

TASSO: Một con rùa khác.

DIMITRI: Thế con rùa *khác* ấy đứng trên cái gì?

TASSO: Dimitri thân mến à, *trở*

xuống toàn là rùa suốt lượt!

oOo

Mẫu đối thoại kiểu Hy Lạp cổ đại này minh họa hoàn hảo cho khái niệm triết học về sự hồi quy vô tận, một khái niệm nảy sinh khi chúng ta đặt câu hỏi liệu có hay không một Nguyên nhân Đầu tiên - của cuộc sống, của vũ trụ, của thời gian và không gian, và quan trọng nhất là của một Đấng Sáng tạo. Phải có một cái gì đó đã sáng tạo ra Đấng Sáng tạo, vậy thì cái bệ đỡ nguyên nhân - hay con rùa -

không thể dừng lại ở Đấng Sáng tạo ấy.
Hay - Đấng Sáng tạo đằng sau ông ấy.
Thậm chí không dừng lại ở cái ông sau
ông ấy nữa. Từ đó trở xuống - hay trở lên
- đều là các Đấng Sáng tạo suốt lượt, nếu
đó có vẻ là hướng đúng để truy tìm các
Đấng Sáng tạo.

Nếu thấy rằng sự hồi quy vô tận sớm
chẳng đưa bạn đến đâu, bạn có thể lưu ý
đến học thuyết về *creatio ex nihilo* -
sáng tạo từ hư vô - hay, như John Lennon
diễn tả trong một bài cảnh hơi khác một
chút, “Trước Elvis, không có gì cả.”

Nhưng chúng ta hãy lần nữa lắng nghe ông lão Tasso. Lời đáp của ông - “Trở xuống toàn là rùa suốt lượt!” không chỉ làm sáng tỏ câu chuyện - mà rõ ràng còn có tính tiểu lâm nữa. Ba-da-bing!

Điều đó không có gì đáng ngạc nhiên cả. Kết cấu và yếu tố gây cười của truyện tiểu lâm cũng như kết cấu và kết luận đúc rút từ các khái niệm triết học được tạo nên từ cùng thứ chất liệu. Chúng chọc ghẹo tâm trí theo cùng một cách. Đó là bởi triết học và tiểu lâm xuất phát từ cùng một thôi thúc: xáo trộn cảm thức

của chúng ta về cách mà sự vật hiện hữu, lật ngược thế giới của chúng ta lên, và lôi ra những sự thật bị che giấu, thường là không hay ho gì, về cuộc đời. Cái mà các triết gia gọi là thấu thị thì các tếu gia gọi là châm biếm.

Chẳng hạn, hãy xem truyện cười nổi tiếng sau đây. Thoạt nghe, nó chỉ có vẻ ngớ ngẩn rất buồn cười, nhưng xét kỹ hơn, nó nói tới điều hết sức cốt lõi của triết học kinh nghiệm chủ nghĩa Anh - vấn đề chúng ta có thể tin cậy loại thông tin nào về thế giới này.

Anh chàng Morty về nhà, thấy vợ đang trần như nhộng trên giường với gã bạn chí cốt của mình là Lou. Trong khi Morty còn chưa kịp há miệng ra thì Lou đã nhảy phắt khỏi giường và kêu lên, "Này bạn vàng, trước khi mày nói bất cứ điều gì, hãy thử xem mày tin vào cái gì, tin tao hay tin vào mắt mày?"

Bằng cách thách thức tính ưu việt của kinh nghiệm cảm giác, Lou đã đặt ra câu hỏi loại thông tin nào là chắc chắn và tại sao. Có hay không, một cách thức thu thập dữ kiện về thế giới - chẳng hạn như

nhìn [bằng mắt] - đáng tin cậy hơn những cách khác - chẳng hạn như bắt chấp tất cả đề tin cậy và chấp nhận mô tả [bằng lời] của Lou về thực tại?

Còn đây là ví dụ khác nữa về truyện triết tếu, liên quan đến phép loại suy, phát biểu rằng nếu có hai kết quả tương tự thì chúng phải có chung một nguyên nhân.

Một ông lão chín mươi tuổi đến gặp bác sĩ và nói, "Thưa bác sĩ, cô vợ mười tám tuổi của tôi sắp sinh con."

Ông bác sĩ bèn đáp, "Để tôi kể cụ

nghe câu chuyện này nhé. Một gã đi săn, đáng lẽ mang súng thì hắn lại vác nhăm theo cái ô. Khi bất thành linh bị gấu vồ, hắn giương ngay ô lên, bắn chết tươi con gấu."

Ông lão nói, "Làm gì có chuyện. Nhất định phải có ai khác đã bắn con gấu đó rồi."

Ông bác sĩ nói, "Thì ý tôi đúng là thế đấy!"

Thật khó có thể kiểm được minh họa nào hay hơn về phép Loại Suy, một mảnh khoe triết học vẫn đang được áp dụng

(và áp dụng sai) để bảo vệ thuyết Thiết kế Thông minh (tức là, nếu có một nhân cầu, thì nhất định phải có một Đấng-Thiết-kế-Nhân-cầu-trên-Trời).

Chúng tôi có thể cứ tiếp tục mãi - và thực tế là chúng tôi sẽ tiếp tục, từ thuyết Bất khả tri đến Thiên, từ Thông diễn học đến Vĩnh hằng luận. Chúng tôi sẽ cho thấy các khái niệm triết học có thể được soi sáng bằng những truyện tiểu lâm như thế nào, và có biết bao nhiêu truyện tiểu lâm chất chứa nội dung triết học hấp dẫn ra sao. Khoan đã, hai khái niệm ấy có phải là một không nhỉ? Chúng tôi có thể

trở lại đề tài này với các bạn được chứ?

Các sinh viên lơ ngơ bước vào lớp Triết thường hy vọng sẽ đạt đến một nhãn quan nào đó, về ý nghĩa của vạn sự chẳng hạn, nhưng rồi có một gã đầu bù tóc rối mặc bộ tuyết xộc xệch thông thả bước lên bục giảng và bắt đầu giảng về ý nghĩa của “ý nghĩa”.

Phải tuân tự trước sau rõ ràng đã, gã nói. Trước khi trả lời bất cứ câu hỏi nào, lớn hay nhỏ, chúng ta cần phải hiểu được bản thân câu hỏi có nghĩa gì. Miễn cưỡng lắng nghe, chẳng mấy chốc chúng tôi phát hiện ra rằng những gì gã kia nói thú vị ra

trò.

Triết học và các triết gia là như vậy đây. Câu hỏi nọ đẻ ra câu hỏi kia, rồi các câu hỏi lại đẻ ra cả loạt những câu hỏi khác. *Trở xuống toàn là câu hỏi suốt lượt.*

Chúng ta có thể bắt đầu với những câu hỏi cơ bản như, “Ý nghĩa của vạn sự là gì?”, “Chúa có tồn tại không?” rồi “Tôi có thể là chính mình như thế nào?” và “Có phải tôi đang ngồi nhầm lớp?” nhưng rồi chúng ta sẽ chóng phát hiện ra rằng chúng ta cần hỏi những câu hỏi khác để trả lời cho những câu hỏi ban đầu của

mình. Quá trình này đã khai sinh ra một loạt các phân môn triết học, mỗi môn đào sâu vào Những Câu Hỏi Lớn riêng bằng cách hỏi và cố gắng trả lời các câu hỏi nằm bên dưới chúng. Thế đấy, có ai hỏi gì không?

Kết quả là, “Ý nghĩa của vạn sự là gì?” được giải quyết bởi một môn có tên là Siêu hình học, “Chúa có tồn tại không?” bởi môn Triết học Tôn giáo, “Tôi có thể là chính mình như thế nào?” thuộc về trường phái Hiện sinh, “Có phải tôi đang ngồi nhầm lớp?” thuộc địa hạt mới của triết học gọi là Siêu Triết học,

bộ môn đặt ra câu hỏi “Triết học là gì?”. Và cứ như thế, mỗi lĩnh vực của triết học đảm nhiệm những loại câu hỏi và quan niệm khác nhau.

Chúng tôi sắp xếp cuốn sách này không theo trật tự thời gian mà theo trình tự những câu hỏi trong tâm trí mình khi lơ ngơ bước vào giờ triết học đầu tiên - và những phân môn triết học giải quyết chúng. Thật vừa khéo là toàn bộ chùm truyện tiểu lâm tình cờ lại nằm gọn trong vùng lãnh địa khái niệm của các phân môn kia. (Có hoàn toàn tình cờ không nhỉ? Hay rốt cuộc có một Đấng Thiết kế

Thông minh?) Và có một lý do lớn giải thích tại sao tất cả lại vừa khéo đến thế: Khi ngập ngừng *rời* lớp học, hai chúng tôi cảm thấy thật hoang mang bối rối bởi tin chắc rằng mình không bao giờ lĩnh hội được cái món nặng đầu này. Đúng lúc đó, một sinh viên khóa trên ung dung lại gần và kể cho chúng tôi nghe chuyện anh chàng Morty về nhà bắt quả tang gã Lou chí cốt đang trên giường với vợ mình.

“*Đấy mới là triết học!*” anh ta nói.

Còn chúng tôi gọi nó là *triết tếu*.

THOMAS CATHCART DANIEL
KLEIN

Tháng Tám, 2006.

I

SIÊU HÌNH HỌC

Siêu hình học giải quyết Những Câu Hỏi Lớn: Bản thể là gì? Bản chất của thực tại là gì? Chúng ta có ý chí tự do không? Bao nhiêu thiên thần có thể nhảy múa trên đầu một cây kim? Cần bao nhiêu vị để thay một bóng đèn?

DIMITRI: Gần đây có một điều cứ làm tôi bất ổn, Tasso ạ.

TASSO: Điều gì vậy?

DIMITRI: Ý nghĩa của mọi sự là gì?

TASSO: Mọi sự gì?

DIMITRI: Cậu biết đấy: cuộc sống, cái chết, tình yêu - toàn bộ cái mớ hỗn độn đó.

TASSO: Sao cậu nghĩ rằng những thứ đó đều có ý nghĩa?

DIMITRI: Bởi vì nó phải có chứ. Nếu không cuộc sống sẽ chỉ là...

TASSO: Là gì?

DIMITRI: Tôi cần một cốc ouzo.
(Rượu khai vị đặc trưng của Hy Lạp.)

MỤC ĐÍCH LUẬN

Vũ trụ có mục đích không?

Theo Aristotle, *mọi vật* đều có một *telos*, tức là một mục đích nội tại mà nó nhằm đạt tới. Một quả sồi có *telos*: một cây sồi. Đó là cái mà quả sồi “nhằm đạt tới”. Chim có mục đích của chim, ong có mục đích của ong. Người ta nói rằng ở Boston ngay đến những quả đậu cũng có

mục đích. Mục đích là một phần trong chính cấu trúc của thực tại.

Nếu các lập luận trên có vẻ hơi trừu tượng, thì trong câu chuyện sau đây, bà Goldstein đã khiến *telos* trở nên cụ thể.

Bà Goldstein đang xuôi phố cùng hai đứa cháu nội. Một người bạn dừng lại hỏi bà lũ nhỏ mấy tuổi.

Bà đáp, "Thằng bác sĩ này lên năm, còn thằng luật sư kia lên bảy."

Đời người có *telos* không?

Aristotle cho rằng có. Ông cho rằng *telos* của đời người là hạnh phúc, một quan điểm mà các nhà triết học khác đã tranh cãi suốt cả lịch sử loài người. Bảy thế kỷ sau, Thánh Augustine tuyên bố *telos* của đời người là yêu Chúa. Còn với một nhà hiện sinh thế kỷ hai mươi như Martin Heidegger, thì *telos* của con người chính là sống không chối bỏ bản chất người đích thực, đặc biệt là không chối bỏ cái chết. *Hạnh phúc ư? Vớ vẩn!*

Các truyện cười về ý nghĩa cuộc sống đưa nhau sinh sôi cùng với các ý nghĩa của cuộc sống, thứ vốn dĩ cũng sinh sôi

nảy nở nhanh như các nhà triết học.

Một kẻ tâm sư học đạo nghe nói vị *guru* thông thái nhất toàn cõi Ấn Độ sống trên đỉnh ngọn núi cao nhất của Ấn Độ. Vì vậy anh ta vất vả lặn lội khắp núi non và thành Delhi cho đến khi tới được ngọn núi trứ danh nọ. Ngọn núi dốc đứng quá sức tưởng tượng, anh ta trầy trật leo lên ngã xuống không ít lần. Lên được tới đỉnh núi, anh ta trầy xước thâm tím khắp cả mình mẩy, nhưng rốt cuộc đã gặp được vị *guru* đang ngồi kiết già trước cửa hang.

"Ôi, thưa tôn sư thông thái," kẻ tầm sư học đạo lên tiếng. "Con đến để hỏi thầy bí mật của cuộc sống là gì ạ."

"À, bí mật của cuộc sống," vị *guru* nói. "Bí mật của cuộc sống là một tách trà."

"Một tách trà? Con cực nhọc đi bao đường đất tới đây để tìm ý nghĩa cuộc sống, thế mà thầy lại bảo con rằng nó là một tách trà thôi ư!"

Vị *guru* nhún vai. "VẬY có thể nó không phải là một tách trà."

Như vậy, vị *guru* thừa nhận rằng xác định được *telos* của cuộc sống là điều nan giải. Hơn nữa, không phải với ai nó cũng là một tách trà.

Có sự khác biệt giữa *telos* của cuộc sống - thứ mà con người được *án định* phải là - và những mục tiêu riêng của cá nhân trong cuộc sống - thứ mà anh ta *muốn* là. Liệu Sam, chàng nha sĩ trong câu chuyện dưới đây, thực ra đang tìm kiếm *telos* phổ quát của cuộc sống hay đơn giản chỉ giải quyết vấn đề của cá nhân mình? Nhưng bà mẹ anh ta thì rõ ràng là có hình dung riêng về *telos* của

cuộc đời con trai bà.

Một nhà sĩ người Philadelphia là Sam Lipschitz sang tận Ấn Độ để tìm ý nghĩa của cuộc sống. Hàng tháng trời đã trôi qua mà mẹ anh ta không nhận được tin tức gì của con mình. Cuối cùng, bà bèn đáp máy bay sang Ấn Độ và hỏi thăm xem người thông thái nhất xứ đó sống ở đâu. Bà được chỉ đường đến một tịnh thất, nơi người canh cửa nói với bà rằng bà có thể phải đợi một tuần lễ để được tiếp kiến *guru*, và khi gặp, bà chỉ được phép nói ba từ với ông ấy. Bà mẹ đã đợi,

cẩn thận chuẩn bị những lời định nói. Khi
rót cuộc cũng được dẫn vào gặp nhà
thông thái, bà nói với ông ta, "Sam, về
nhà!"

oOo

Hãy tra từ “Siêu hình học”
(Metaphysics) trong từ điển, bạn sẽ thấy
rằng nó xuất phát từ tên một khảo luận
của Aristotle, và rằng nó giải quyết
những vấn đề trừu tượng vượt ra ngoài
(*meta*) quan sát khoa học. Nhưng đây
hóa ra lại là một trường hợp mà trong
tiếng Latin gọi là *post hoc hokum* (từ cái
sai này dẫn đến cái sai khác). Trên thực

tế, Aristotle chưa bao giờ gọi khảo luận của ông là “Siêu hình học”, hơn nữa cái tên này không dính dáng gì đến việc các vấn đề được đề cập đến trong khảo luận nằm ngoài phạm vi của khoa học. Thật ra, nó được người sắp xếp tuyển tập của Aristotle đặt cho cái tên này vào thế kỷ thứ nhất Công nguyên. Ông ta chọn tên này vì chương đó “vượt ra ngoài” (có nghĩa là “có sau”) khảo luận của Aristotle về “Vật lý” (Physics).

BẢN CHẤT LUẬN

Cấu trúc của thực tại là gì? Những thuộc tính đặc thù nào khiến sự vật là chính nó? Hay như các nhà triết học quen nói: Những thuộc tính nào không làm cho sự vật không phải là nó?

Aristotle rút ra sự khác biệt giữa đặc tính *bản chất*, và đặc tính *ngẫu nhiên*. Theo cách ông trình bày, đặc tính bản chất là những tính chất mà nếu không có chúng thì sự vật không còn là nó nữa, còn đặc tính ngẫu nhiên là những tính chất xác định sự vật *như thế nào*, chứ không phải nó *là gì*. Chẳng hạn, Aristotle cho rằng lý trí là bản chất để làm nên

một con người, và vì Socrates là một con người nên lý trí của ông là phẩm chất thiết yếu để ông là Socrates. Không có đặc tính lý trí, thì Socrates đơn giản không phải là Socrates nữa. Thậm chí ông còn không thể là một con người, vậy thì sao có thể là một Socrates được? Mặt khác, Aristotle nghĩ rằng đặc tính mũi hếch của Socrates chỉ là ngẫu nhiên, cái mũi hếch chỉ là một phần của việc Socrates nom như *thế nào*, nhưng nó không có tính bản chất đối với việc ông ta là ai, hay là cái gì. Nói cách khác, lấy đi lý trí khỏi Socrates thì ông không còn

là Socrates nữa, nhưng nếu giải phẫu
thăm mý cho ông thì ông sẽ là Socrates
vói chiếc mũi mới. Nó nhắc chúng ta nhớ
đến một câu chuyện cười.

Khi Thompson tròn bảy mươi, ông ta
quyết định thay đổi hoàn toàn lối sống để
thọ được lâu hơn. Ông duy trì một chế độ
ăn kiêng nghiêm ngặt, ông tập chạy bộ,
bơi lội và tắm nắng. Mới được ba tháng,
ông đã sút đi khoảng mười ba cân rưỡi,
giảm vòng bụng đi 15 cm, và ngực nở
thêm 13 cm. Người thon gọn và rám
nắng, ông quyết định hoàn thành quá trình

tân trang ấy bằng một kiểu đầu mới theo phong cách xì-po. Sau đó, vừa bước ra khỏi tiệm cắt tóc, ông bị xe buýt tông.

Giữa cơn hấp hối, ông kêu lên, "Ôi Chúa, Người nữ lòng nào làm chuyện này với con?"

Và một giọng nói từ trên cao vọng xuống, "Nói thật với con, Thompson ạ, quả tình ta không nhận ra con."

Ông lão Thompson khốn khổ dường như đã thay đổi một số đặc tính ngẫu nhiên cụ thể của bản thân, mặc dầu chúng ta biết rằng về bản chất ông ta vẫn là

Thompson. Chính Thompson cũng không nghi ngờ gì về điều này. Thực ra, đối với câu chuyện cười, cả hai điều kiện đó đều quan trọng. Trớ trêu thay, nhân vật duy nhất trong truyện *không* nhận ra Thompson lại chính là Chúa, đáng mà ta nghĩ thực ra phải Toàn tri. Sự khác nhau giữa các đặc tính bản chất và ngẫu nhiên được minh họa bằng khá nhiều truyện cười khác cùng một dạng như thế này.

Abe: Này Sol, tớ có câu đố này cho cậu. Cái gì màu xanh lá cây, được treo trên tường và huyết sáo?

Sol: Tổ chịu.

Abe: Con cá trích.

Sol: Nhưng cá trích đâu có xanh lá cây.

Abe: Thì cậu có thể sơn nó màu xanh lá cây.

Sol: Nhưng cá trích đâu có treo trên tường.

Abe: Cậu đóng một cái đinh và treo nó lên.

Sol: Nhưng cá trích đâu có huyết sáo!

Abe: Vậy hả? Thế thì nó không huyết sáo.

Dị bản dưới đây của truyện cười đó có lẽ không khiến bạn cười ha hả như ở Câu lạc bộ Hài kịch Caroline (Caroline's Comedy Club: Một trong những câu lạc bộ hài kịch nổi tiếng ở New York), nhưng nó có thể giúp bạn ghi điểm ở hội nghị thường niên của Hội Triết học Hoa Kỳ.

Abe: Một vật thể "X" có các đặc tính xanh lá cây, treo trên tường, và có khả năng huyết sáo, là cái gì?

Sol: Tôi không nghĩ ra nổi một vật nào khớp với mô tả của cậu.

Abe: Con cá trích.

Sol: Cá trích đầu có màu xanh lá cây.

Abe: Đặc tính *bản chất* thì không, Solly ạ. Nhưng một con cá trích có thể *ngẫu nhiên* có màu xanh lá cây, đúng không? Thử sơn nó đi. Cậu sẽ thấy.

Sol: Nhưng con cá trích không phải vật treo trên tường.

Abe: Nếu cậu *ngẫu nhiên* đóng đinh nó lên tường thì sao?

Sol: Làm sao mà cậu có thể *ngẫu nhiên* đóng đinh nó lên tường?

Abe: Tin tớ đi. Mọi chuyện đều có thể. Thế mới là triết học.

Sol: Ô kê, nhưng dù ngẫu nhiên thế nào thì con cá trích cũng không huýt sáo.

Abe: Cậu có giỏi thì kiện tớ đi.

Abe và Sol quay về phía cử tọa của Hội Triết học Hoa Kỳ, lúc này đang im phăng phắc.

Sol: Cái gì thế nhỉ, hội nghị của các nhà Khắc kỷ à? Này các vị, lúc công kích Vatican, Nietzsche còn cười nhiều hơn các vị đấy.

Đôi khi sự vật có những đặc tính thoát nhìn thì tưởng là ngẫu nhiên, nhưng hóa ra chỉ là ngẫu nhiên trong giới hạn nhất

định, như được minh họa trong truyện cười này:

"Tại sao một con voi lại to, màu xám và nhăn nheo?"

"Bởi vì nếu nhỏ, trắng và tròn trịa, thì nó là một viên aspirin mất rồi."

Chúng ta có thể tưởng tượng ra một con voi có kích thước nhỏ - gọi nó là “con voi nhỏ”. Thậm chí chúng ta có thể tưởng tượng ra một loại voi màu nâu xỉn, và gọi nó là “loại voi màu nâu xỉn”. Còn một con voi không nhăn nheo có thể gọi

là “con voi trơn láng”. Nói cách khác, độ lớn, màu xám, và nếp nhăn hoàn toàn không thỏa mãn tiêu chuẩn của Aristotle về định nghĩa một con voi *bản chất* là gì. Thay vào đó chúng mô tả hình dung về lũ voi, một cách chung chung, và *ngẫu nhiên*. Tuy nhiên, suy ra từ truyện cười thì điều này chỉ đúng đến một chừng mực nhất định. Một cái gì đó nhỏ, trắng và tròn như một viên aspirin không thể là một con voi, và nếu bắt gặp *một* vật như thế, chẳng có lý do gì chúng ta lại hỏi, “Cậu đang cầm một viên aspirin phải không, Bob, hay là một con voi đột

biến?”

Vấn đề là độ lớn, màu xám, và da
nhân không phải là những từ ngữ đủ
chính xác chuyển tải những đặc tính bản
chất của một con voi. Nó chỉ là một
phạm vi nhất định của kích cỡ, một *phạm*
vi nhất định của màu sắc, trong số nhiều
phẩm chất khác xác định một vật nào đó
có phải là một con voi hay không. Mặt
khác, nói đến nhãn nheo, có thể là một
con cá trích màu đỏ, hay biết đâu một
con cá trích biết huyết sáo cũng nên.

CHỦ NGHĨA DUY LÝ

Còn bây giờ chúng ta sẽ chuyển hẳn chủ đề, đề bàn đến một trường phái triết học siêu hình đã trở thành mục tiêu châm biếm của không ít tác giả. Chỉ có một vấn đề là: những truyện cười đó đều nhắm trọt trọng tâm.

Khi triết gia duy lý thế kỷ 17 Gottfried Wilhelm Leibniz thốt ra câu nói nổi tiếng: “*Đây là thế giới tốt nhất trong tất cả các thế giới có thể*”, ông đã bị chế nhạo không thương tiếc. Tất cả bắt đầu vào thế kỷ tiếp theo với *Candide*, cuốn tiểu thuyết hết sức vui nhộn của

Voltaire về anh chàng tốt bụng (Candide) và ông thầy triết của chàng, tiến sĩ Pangloss (Voltaire ám chỉ Leibniz). Trong những chuyến đi của mình, chàng Candide trải qua bao nhiêu trận đòn roi, những hình phạt bất công, dịch bệnh và một trận động đất mô phỏng động đất Lisbon năm 1755 từng san phẳng cả thành phố. Tuy nhiên không gì lay chuyển nổi lý lẽ khẳng khẳng của tiến sĩ Pangloss rằng “Mọi sự đều hướng tới hoàn thiện trong thế giới tốt nhất của tất cả những thế giới có thể có này.” Khi Candide định lao xuống cứu Jacques,

một tín đồ phái Rửa tội lại (Anabaptist) người Hà Lan sắp chết đuối, thì Pangloss đã ngăn chàng lại, lý sự rằng vịnh Lisbon “được tạo ra cốt là để cho gã tín đồ giáo phái Rửa tội lại này chết chìm trong đó”.

Hai thế kỷ sau, vở nhạc kịch hài của Leonard Bernstein năm 1956 nhan đề là *Candide* đã góp thêm tiếng cười cho trò vui. Khúc hát nổi tiếng nhất của vở diễn, “Thế giới tốt nhất trong tất cả các thế giới có thể” – lời của Richard Wilbur, được Pangloss và ca đoàn hát lên ngợi ca chiến tranh như một phúc lành trong tai họa, bởi vì nó đoàn kết tất cả chúng ta

lại, như những nạn nhân.

Terry Southern và Mason Hoffenberg cũng nhập cuộc vui này bằng việc sáng tác một phiên bản thô tục, *Candy*, nói về một cô gái trẻ chất phác, mặc dù bị tất cả những gã đàn ông mà cô ta gặp lợi dụng, nhưng vẫn ngây thơ và lạc quan. Năm 1964, tác phẩm này được chuyển thể thành phim với dàn diễn viên ngôi sao, trong đó có triết gia Ringo Starr.

Tất cả đều rất vui nhộn, nhưng đáng tiếc rằng những tác phẩm hài hước nói

trên đều hiểu sai luận đề của Leibniz. Leibniz là một *nhà duy lý*, một thuật ngữ triết học để chỉ những người theo quan điểm coi lý trí là ưu việt so với các cách thức thu nhận tri thức khác (đối lập, chẳng hạn, với các *nhà kinh nghiệm chủ nghĩa* kiên trì quan điểm cho rằng cảm giác là con đường chủ yếu để đạt đến tri thức). Leibniz đi đến kết luận rằng thế giới này là tốt nhất trong các thế giới có thể nhờ lập luận thuần túy lý trí như sau:

1. Nếu Thượng đế không chọn sáng tạo ra thế giới, thì có thể chẳng hề có một thế giới nào hết.

2. “Quy luật lý do đầy đủ” nói rằng khi có nhiều hơn một lựa chọn, ắt phải có giải thích tại sao lại chọn cái này mà không chọn cái khác.

3. Trong trường hợp Thượng đế đã lựa chọn một thể *giới* nhất định để sáng tạo, thì nguyên do nhất thiết phải được tìm kiếm trong các thuộc tính của chính Thượng đế, vì tại thời điểm đó ngoài ngài ra chưa có gì khác.

4. Bởi vì Thượng đế là toàn năng và toàn thiện, ngài ắt phải sáng

tạo ra thế giới *tốt nhất* có thể. Nếu suy nghĩ một chút, thì trong hoàn cảnh này, đây là thế giới *duy nhất* có thể. Là toàn năng và toàn thiện, Thượng đế không thể sáng tạo ra một thế giới không tốt nhất.

Voltaire, Bernstein và cộng sự, Terry Southern và Mason Hoffenberg, thấy đều châm biếm tư tưởng của Leibniz đã bị hiểu theo cách của họ: “Mọi thứ thật tuyệt cú mèo”. Nhưng Leibniz không cho rằng thế giới chẳng có gì xấu. Ông chỉ cho rằng, nếu Thượng đế sáng tạo thế

giới khác đi, có thể cái xấu còn nhiều hơn.

May thay, chúng ta cũng sẵn có hai truyện cười thực sự rọi sáng triết học Leibniz.

Một người lạc quan nghĩ rằng đây là thế giới tốt nhất trong tất cả các thế giới có thể. Một người bi quan lại sợ rằng nó đúng là như vậy.

Mẫu chuyện cười này ngụ ý rằng người lạc quan tán đồng quan điểm coi thế giới này tốt nhất trong tất cả các thế giới có thể, trong khi người bi quan thì

không. Từ cái nhìn duy lý của Leibniz, thế giới chỉ đơn giản là cái mà nó là; mầu chuyện chứng tỏ sự thật hiển nhiên rằng lạc quan và bi quan là những thái độ cá nhân không liên quan đến mô tả trung tính, duy lý của Leibniz về thế giới.

Người lạc quan nói: "Cốc này đầy một nửa." Người bi quan nói: "Cốc này vơi một nửa." Người duy lý nói: "Cái cốc to gấp đôi so với cần thiết."

Điều này thật sáng rõ như thủy tinh vậy.

VÔ TẬN VÀ VĨNH HẰNG

Hóa ra, dù thế giới này tuyệt vời hay không, thì chúng ta cũng chỉ ghé qua trong một cuộc viếng thăm ngắn ngủi. Nhưng ngắn ngủi so với cái gì nhỉ? Với năm tháng vô tận ư?



"Dù hơi xấu hổ nhưng cũng phải thừa nhận rằng, mọi việc đã xảy ra chẳng có lý do rõ ràng nào cả."



Leibniz bước tới đối diện với Thượng đế hiện ra ở góc trái (đừng nhầm với Thượng đế trên kia). Là một nhà duy lý, Leibniz không hài lòng với việc nói rằng một cái gì đó chỉ đơn giản “xảy ra”, như thể một cái gì khác có thể dễ dàng xảy ra thay thế. Ông cảm thấy phải có một *lý do* khiến mọi hoàn cảnh là *cần thiết*. Tại sao ở Seattle mưa nhiều hơn ở Albuquerque? Bởi vì các điều kiện A, B và C khiến nó *không thể* xảy ra khác đi được. Với các điều kiện A, B và C, không thể có hoàn cảnh nào khác. Cho đến nay, đa phần chúng ta đều đồng ý với ông, đặc biệt là các cư dân Seattle. Nhưng Leibniz lập luận tiếp, rằng ngay cả các điều kiện cho trước này (A, B và

C) cũng không thể khác. Và các điều kiện trước chúng, và trước chúng nữa, cứ thế và cứ thế liên tu bất tận. Đây là cái mà ông gọi là “Luật lý do đầy đủ”, nghĩa là lý do để bất kỳ trạng thái thực của sự việc nào *là* thực, không thể diễn ra theo cách nào khác. Một vũ trụ không có lượng mưa chênh lệch ở Seattle và *tập hợp các điều kiện dẫn đến tình trạng mưa đó* đơn giản không còn là một vũ trụ. Một vũ trụ mà không có cái “đơn nhất” thì chỉ là hỗn độn. (Tác giả chơi chữ: vũ trụ (universe), và cái đơn nhất (uni))

Ý niệm về vô tận, trạng thái vĩnh hằng chẳng hạn vẫn làm cho các nhà siêu hình học bối rối. Tuy nhiên các nhà phi-siêu

hình học thì không quan tâm lắm.

Hai con bò đang đứng trên bãi cỏ. Một con quay sang con kia nói, "Mặc dù *pi* thường được rút ngắn còn năm con số, thật ra nó kéo dài đến vô tận."

Con bò thứ hai quay sang con thứ nhất và đáp, "Bòòòò."

Truyện cười tiếp theo sau đây gắn tư tưởng về vĩnh hằng với một khái niệm triết học nổi tiếng khác là tính tương đối:

Một bà được bác sĩ cho biết bà ta chỉ

còn sống thêm sáu tháng. "Liệu tôi có thể làm gì được nữa không?" bà ta hỏi.

"Có chứ," bác sĩ đáp. "Bà có thể kết hôn với một viên kế toán thuế."

"Việc ấy sẽ giúp tôi chữa bệnh thế nào?"

"Ồ, chữa bệnh thì không," bác sĩ nói, "nhưng nó sẽ làm cho sáu tháng đó như thể vĩnh hằng!"

Câu chuyện nêu lên câu hỏi triết học “Làm thế nào mà một thứ hữu hạn, như sáu tháng, lại có thể tương tự một thứ vô

tận, như vĩnh hằng?” Những ai đặt câu hỏi này hẳn chưa bao giờ phải sống với một viên kế toán thuế.

QUYẾT ĐỊNH LUẬN ĐỘ VỚI Ý CHÍ TỰ DO

Trong khi chúng ta đang ở đây lúc này, liệu chúng ta có thể kiểm soát chút nào vận mệnh của mình không?

Suốt nhiều thế kỷ qua, các triết gia đã tốn không biết bao nhiêu giấy mực để tìm kiếm lời đáp cho câu hỏi: liệu con người có tự do quyết định và hành động, hay

những quyết định và hành động của chúng ta bị định đoạt bởi các lực lượng bên ngoài: di truyền, môi trường, lịch sử, số mệnh, Microsoft.

Các bi kịch gia Hy Lạp nhấn mạnh rằng tính cách và các khiếm khuyết không tránh khỏi của nó có ảnh hưởng quyết định đến quá trình của các sự kiện.

Khi được hỏi ông có tin vào ý chí tự do không, tiểu thuyết gia thế kỷ hai mươi Isaac Bashevis Singer hóm hỉnh đáp, “Tôi làm gì có lựa chọn nào khác.” (Thật ra đây là quan điểm mà một số triết gia hoàn toàn nghiêm túc tán thành: rằng

chúng ta buộc phải tin vào ý chí tự do của bản thân, bởi nếu không thì sẽ không có cơ sở cho niềm tin của chúng ta vào trách nhiệm đạo đức. Những lựa chọn đạo đức của chúng ta sẽ tuột khỏi tay chúng ta).

Gần đây, thứ tư tưởng cho rằng những tác động tâm lý ngoài tầm kiểm soát của chúng ta quyết định hành vi của chúng ta, đã ăn mòn quan niệm về trách nhiệm đạo đức, đến mức ngày nay chúng ta có “lối biện hộ chày cối”, kiểu như một bị cáo kêu rằng lượng đường trong chút rượu hần uống đã đẩy hần đến chỗ phạm tội

giết người. Đó vẫn là lối nói “ma dẫn lối quỷ đưa đường” cũ kỹ ngụy trang dưới lớp áo tâm lý học hiện đại.

Mặt khác, có những người theo quyết định luận nói rằng, "Chúa khiến tôi làm thế. Thật ra, Chúa đã định đoạt mọi thứ trong vũ trụ cho đến từng chi tiết cuối cùng." Baruch Spinoza, nhà triết học người Hà Lan gốc Do Thái thế kỷ mười bảy, và Jonathan Edwards, nhà thần học Mỹ thế kỷ mười tám là những người đề xuất quyết định luận thần học này. Con đại bàng, con ếch và người lái xe tải trong câu chuyện dưới đây hẳn đã nghĩ

rằng họ lựa chọn và thực hiện các hành động của mình một cách tự do.

Moses, Jesus, và một ông lão để râu đang chơi golf. Moses đánh một cú văng xa, bóng đập xuống đường lăn nhưng rồi lại lăn thẳng về phía đầm nước. Moses giơ gậy golf của ông lên, rẽ nước, và quả bóng nhẹ nhàng lăn sang bờ bên kia.

Jesus cũng đánh một phát bóng xa về phía cái đầm ấy, nhưng đúng lúc sắp rơi xuống giữa đầm thì bóng bay lơ lửng lên trên mặt nước. Jesus thong thả bước đi trên mặt đầm nước và hất bóng lên cỏ.

Ông lão để râu đánh một phát, bóng đập vào hàng rào và bật nảy ra phố, ở đó nó đập trúng một chiếc xe tải vừa chạy tới rồi văng trở lại phía đường lãn bóng, thẳng hướng đầm nước, nhưng lại rơi xuống một lá hoa súng. Một con ếch ngồi trên chiếc lá trông thấy quả bóng, há miệng dớp ngay lấy. Một con đại bàng sà xuống, quắp con ếch và bay đi mất. Khi con đại bàng và con ếch bay qua bãi cỏ xanh, con ếch đánh rơi quả bóng, và nó rơi trúng ngay vào lỗ.

Moses quay sang Jesus và nói, "Tôi ghét chơi với bố của cậu."

TRIẾT HỌC DIỄN TIẾN

Đến một lúc nào đó, nhất định phải có một triết gia chống lại quan niệm về vị Chúa áp đặt, nhúng tay vào mọi sự. Triết gia thế kỷ hai mươi Alfred North Whitehead lập luận rằng không những Chúa không có khả năng quyết định tương lai, mà chính tương lai sẽ quyết định ngài. Theo triết thuyết diễn tiến của Whitehead thì Chúa không toàn năng cũng chẳng toàn thiện, mà bị thay đổi theo diễn biến của các sự kiện. Hay như

các vị thời Kỷ Nguyên Mới từng nói, “Chúa ư, có vẻ ông ấy cũng tiến hóa nhiều đấy.”

Alvin đang làm việc trong cửa tiệm của mình thì nghe thấy một giọng ồm ồm từ trên cao phán xuống, "Alvin, hãy bán cửa hiệu của người đi!" Anh ta mặc kệ. Nhưng giọng nói đó cứ tiếp tục ra lệnh hết ngày nọ sang ngày kia, "Alvin, hãy bán cửa hiệu của người lấy ba triệu đô la!" Sau nhiều tuần lễ, anh ta mềm lòng và bán cửa hiệu.

Giọng nói phán, "Alvin, hãy đến Las

Vegas!"

Alvin hỏi tại sao.

"Alvin, cứ đem ba triệu đô và đến Las Vegas đi."

Alvin vâng lời, đến Las Vegas và ghé vào một sòng bạc.

Giọng đó nói, "Alvin, hãy đến bàn chơi bài xì dách và đặt hết tiền đi!"

Alvin lưỡng lự nhưng cũng đặt cược. Anh ta được chia hai quân, tổng điểm là mười tám. Nhà cái lật ra một con sáu.

"Alvin, cầm một quân bài lên!"

"Cái gì cơ? Nhà cái có mỗi..."

"Cầm một quân bài lên!"

Alvin bảo nhà cái chia bài cho anh ta, và nhận được một quân Át. Mười chín. Anh ta thở dễ hơn.

"Alvin, lấy một quân bài nữa."

"Cái gì cơ?"

"LẤY MỘT QUÂN BÀI NỮA!"

Alvin xin một quân bài nữa. Lại là một con Át. Anh ta có hai mươi.

"Alvin, lấy một quân bài nữa!" giọng nói ra lệnh. "Tôi có hai mươi rồi!" Alvin gắt lên.

"LẤY MỘT QUÂN BÀI NỮA!"

giọng nói vang lên.

“Lấy bài!” Alvin nói. Anh ta lại được một con Át nữa. Hai mươi mốt!

Giọng nói ồm ồm từ trên cao thốt lên, "Ôi ngũ linh, con bà nó không thể tin được!

(Theo luật chơi bài xì dách Blackjack, khi có năm quân bài trên tay mà tổng điểm từ 21 trở xuống thì người chơi thắng tuyệt đối.)

Ô, có gì đó thật là thú vị khi Chúa có thể ngạc nhiên về chính mình.

NGUYÊN TẮC TIẾT KIỆM

Trong triết học vẫn luôn tồn tại khuynh hướng phản siêu hình học, phát triển tới đỉnh điểm đồng thời với cuộc khai hoàn của thế giới quan khoa học trong hai thế kỷ qua. Rudolf Carnap và Nhóm Vienna (The Vienna Circle, hiệp hội các nhà triết học tập hợp xung quanh đại học Vienna năm 1922, còn có tên là Hội Ernst Mach (the Ernst Mach Society)).(không phải nhóm nhạc disco của thập niên bảy mươi như nhiều người hay nhầm lẫn) còn đi xa đến mức tuyên bố đặt dấu chấm hết cho siêu hình học như một tập hợp các tư tưởng phi lý đã bị khoa học bác bỏ.

Rudy và Nhóm Vienna đã lấy cảm hứng từ nhà thần học thế kỷ mười bốn

William Occam, cha đẻ của nguyên tắc tiết kiệm, nổi tiếng với tên gọi “dao cạo Occam”. Nguyên tắc này tuyên bố rằng “Các lý thuyết không nên phức tạp hơn mức cần thiết.” Hoặc, như Occam diễn tả theo siêu hình học, các lý thuyết không nên “sản sinh ra các thực thể một cách vô ích”.

Giả sử Isaac Newton nhìn quả táo rơi và kêu lên, “Tôi hiểu rồi! Quả táo đang bị kẹt trong một cuộc kéo co giữa hai lũ quỷ, một lũ kéo lên và một lũ kéo xuống, và bọn kéo xuống mạnh hơn!”

Occam chắc sẽ đập lại, “Tốt lắm,

Isaac, vậy là lý thuyết của ông giải thích được tất cả những sự kiện có thể quan sát, nhưng hãy tuân theo nguyên tắc - giữ cho nó đơn giản!”

Carnap có lẽ tán thành.

Có lần sau bữa tối, một cậu bé năm tuổi hỏi bố, "Bố ơi, mẹ đi đâu rồi?"

Bố cậu bé đáp, "Mẹ đang dự tiệc Tupperware."

Câu trả lời chỉ làm cậu bé thỏa mãn trong tích tắc, sau đó nó lại hỏi, "Tiệc Tupperware là cái gì hở bố?"

Ông bố nghĩ một cách giải thích đơn giản là hay nhất. "Thế này, con trai ạ," ông nói, "ở bữa tiệc Tupperware, có một đám các bà tụ tập lại và bán những chiếc bát nhựa cho nhau."

Thằng bé bật cười. "Thôi mà, bố! Thật ra nó là cái gì?"

Sự thật đơn giản, bữa tiệc Tupperware đúng là một đám các bà tụ tập và bán bát nhựa cho nhau. Nhưng các chuyên gia tiếp thị ở Tập đoàn Tupperware, vốn là những người siêu hình, hẳn sẽ khiến chúng ta tin rằng nó phức tạp hơn thế.

(Công ty Tupperware sản xuất đồ đựng thức ăn và dụng cụ nhà bếp do Earl Silas Tupper sáng lập vào năm 1946 tại Mỹ hiện nay đã phát triển thành một tập đoàn bán lẻ trực tiếp đa quốc gia. Bữa tiệc Tupperware là hình thức bán lẻ bát đĩa thông qua tổ chức tiệc, người đứng ra tổ chức tiệc thường là phụ nữ, tình cảm của khách mời dành cho nữ chủ nhân sẽ khiến họ mua hàng hóa của chủ nhà.)

DIMITRI: Tôi hỏi cậu một câu hỏi đơn giản, mà cậu lại cho tôi cả chục câu trả lời khác nhau. Thật chả giúp ích gì.

TASSO: Nếu cậu cần được giúp, thì đi mà tìm đám công tác xã hội. Tôi nghe

nói ở Sparta bọn họ đông lắm.

DIMITRI: Không, tôi chỉ muốn biết câu trả lời nào là đúng thôi.

TASSO: Aha! Bây giờ chúng ta đã đạt được cái gì rồi đó.

II

LOGIC

Không có logic, lý lẽ vô dụng.

Có nó, bạn có thể thắng trong những
cuộc tranh cãi

và khiến các đám đông phải tránh xa.

DIMITRI: Có nhiều môn phái triết học cạnh tranh nhau quá. Làm sao tôi biết chắc cái nào đúng?

TASSO: Ai nói có cái gì đúng nào?

DIMITRI: Cậu lại thế rồi. Tại sao cậu luôn trả lời một câu hỏi bằng một câu hỏi khác vậy?

TASSO: Cậu bực mình vì thế à?

DIMITRI: Tôi thậm chí chẳng biết tại sao tôi lại hỏi nữa, vì một số thứ nhất định phải đúng chứ. Như hai cộng hai

bằng bốn chẳng hạn. Nó đúng, chấm hết.

TASSO: Nhưng sao cậu tin chắc như thế?

DIMITRI: Bởi vì tôi là một người Athen thông minh.

TASSO: Đó là vấn đề khác. Nhưng lý do cậu có thể tin chắc hai cộng hai bằng bốn là bởi vì nó tuân theo những quy tắc logic bất di bất dịch.

oOo

LUẬT PHI MÀU THUẦN

Tasso đúng.

Chúng ta hãy bắt đầu bằng một truyện cười kinh điển xuất phát từ logic của Aristotle.

Một giáo sĩ Do Thái đang xử kiện trong làng. Schmuel đứng lên tố cáo: "Thưa thầy, hằng ngày Itzak lừa cừu của hấn qua ruộng nhà tôi và giẫm nát lúa của tôi. Đây là đất của tôi. Như vậy không công bằng."

Giáo sĩ nói, "Anh nói đúng!"

Nhưng Itzak đứng lên và nói, "Nhưng thưa thầy, đi qua đất của hấn là con đường duy nhất để bẫy cừu của tôi có thể

uống được nước ở đầm. Nếu không thể, chúng sẽ chết. Hàng trăm năm nay, những người chăn cừ có quyền lừa cừ qua mảnh đất xung quanh đầm, và tôi cũng thế."

Giáo sĩ nói, "Ông nói đúng!"

Bà quét dọn nghe lỏm được câu chuyện, nói với giáo sĩ, "Nhưng thưa thầy, không thể cả hai người đều đúng được!"

Và giáo sĩ trả lời, "Bà nói đúng!"

Bà quét dọn đã thông báo cho giáo sĩ

biết rằng ông ta vi phạm Luật Phi Mâu Thuẫn của Aristotle; đối với giáo sĩ thì việc này không đến nỗi tồi tệ như vi phạm luật cấm thềm muốn đầy tớ gái nhà hàng xóm, nhưng cũng gần như thế. Luật Phi Mâu Thuẫn nói rằng không có cái gì cùng lúc vừa như thế lại vừa không như thế.

LẬP LUẬN PHI LOGIC

Lập luận phi logic là tai họa của các triết gia, nhưng có Trời hiểu, đôi khi nó cũng có ích. Có lẽ đó là lý do vì sao nó

phổ biến đến thế.

Một người Ireland bước vào một quán bar ở Dublin, gọi ba vại bia Guinness, lần lượt uống mỗi vại một ngụm cho đến khi cả ba vại bia đều cạn sạch. Ông ta gọi thêm ba vại nữa. Chủ quán nói, "Có lẽ, ông nên gọi mỗi lần một cốc thì nó sẽ đỡ nhạt đi."

Người kia nói, "Ồ tôi biết chứ, nhưng tôi có hai ông anh, một ở Mỹ, một ở Úc. Khi chia tay nhau mỗi người đi một ngả, chúng tôi đã cùng hứa sẽ uống theo cách này để nhớ những ngày còn được ngồi

uống với nhau. Mỗi một cốc này là uống cho mỗi anh tôi, còn cốc thứ ba là uống cho tôi."

Chủ quán xúc động nói, "Thật là một thói quen tuyệt vời!"

Người Ireland ấy trở thành khách quen ở quán và luôn luôn gọi bia theo cách đó.

Một hôm, ông ta bước vào và gọi hai vại bia. Các khách quen khác nhận ra điều này, và một bầu không khí im lặng bao trùm trong quán. Khi ông ta đến quầy để gọi lượt hai, chủ quán nói, "ông bạn,

tôi xin chia buồn cùng ông."

Người Ireland nói, "Ồ không, mọi người vẫn khỏe cả. Chỉ là tôi vừa gia nhập Giáo hội Mormon, và tôi phải bỏ bia rượu."

Nói cách khác, logic vị kỷ cũng có thể được việc cho bạn lắm chứ.

LOGIC QUY NẠP

Logic quy nạp đi từ các trường hợp riêng biệt đến các lý thuyết chung, và là phương pháp được sử dụng để khẳng

định các lý thuyết khoa học. Nếu quan sát đủ lượng táo rụng từ trên cây, bạn sẽ kết luận rằng táo luôn rơi xuống chứ không bay lên hoặc sang ngang. Từ đó, bạn có thể đi đến một giả thuyết tổng quát hơn, gộp cả những vật thể rơi khác, như quả lê chẳng hạn. Tiến trình khoa học diễn ra như vậy đấy.

Trong lịch sử văn học, không có nhân vật nào nổi tiếng về năng lực “suy diễn” như thám tử Sherlock Holmes gan dạ, nhưng phương pháp của Holmes nhìn chung không hề dùng logic diễn dịch. Thực ra ông dùng logic quy nạp. Trước

tiên, ông nghiên cứu kỹ tình huống, sau đó, dựa trên những kinh nghiệm trước đó của mình, dùng phép loại suy và xem xét các khả năng có thể xảy ra, rồi mới đưa ra kết luận chung, tương tự như trong mẩu chuyện sau đây:

Holmes và Watson đi cắm trại. Nửa đêm Holmes thức giấc, huých bác sĩ Watson một cái:

"Watson," ông nói, "hãy nhìn lên bầu trời và nói cho tôi biết anh thấy gì?"

"Tôi thấy hàng triệu ngôi sao, Holmes ạ," Watson đáp.

"Và từ đó anh rút ra kết luận gì hả Watson?"

Bác sĩ Watson suy nghĩ một lát. "Ờ", ông nói, "về thiên văn, tôi thấy rằng có hàng triệu thiên hà và có thể có hàng tỷ hành tinh, về chiêm tinh, tôi thấy Sao Thổ đang ở trong cung Sư tử, về thời khắc, tôi suy ra bây giờ vào khoảng ba giờ mười lăm. Về thời tiết, tôi hy vọng ngày mai chúng ta sẽ có một ngày đẹp trời, về thần học, tôi thấy Chúa là toàn năng còn chúng ta thật nhỏ bé và vô nghĩa. À, còn anh thì thấy gì, Holmes?"

"Watson, anh ngốc quá! Có kẻ đã trộm

mất cái lều của chúng ra rồi!"

Chúng ta không biết chính xác Holmes đã đi đến kết luận của mình như thế nào, nhưng có lẽ đại khái là thế này:

1. Tôi đã đi ngủ trong lều, nhưng bây giờ tôi có thể thấy sao trời.

2. Trực giác của tôi đưa ra giả thuyết, dựa trên việc loại suy các kinh nghiệm tương tự tôi có trong quá khứ, rằng ai đó đã lấy trộm lều của chúng tôi.

3. Để kiểm tra giả thuyết đó, chúng ta hãy xem xét các giả thuyết lựa chọn

khác:

a.Có lẽ chiếc lều vẫn còn đây, nhưng ai đó đang chiếu một bức tranh trời sao lên mái lều. Điều này khó có thể xảy ra, dựa trên kinh nghiệm quá khứ của tôi về hành vi của con người và kinh nghiệm bảo tôi nhất định phải có thiết bị trong lều trại, nhưng rõ ràng là không có.

b.Có lẽ chiếc lều bị gió thổi bay đi mất. Điều này khó có thể xảy ra, vì kinh nghiệm quá khứ của tôi đã dẫn tôi đến kết luận rằng nếu gió mạnh đến thế hẳn đã đánh thức tôi dậy, mặc dù có thể không làm Watson thức giấc.

c. Vân vân, vân vân và vân vân.

4. Không, tôi nghĩ giả thuyết ban đầu của tôi có lẽ là đúng. Kẻ nào đó đã lấy trộm cái lều.

Đây chính là quy nạp. Hóa ra bao lâu nay chúng ta đã dùng sai thuật ngữ khi ca ngợi kỹ năng suy luận của Holmes.

KHẢ NĂNG PHẢN NGHIỆM

Bệnh nhân: Đêm qua tôi mơ thấy tôi lên giường với Jennifer Lopez và Angelina Jolie, và ba chúng tôi đã làm tình suốt đêm.

Bác sĩ tâm thần: Không còn nghi ngờ gì nữa, ông có mong muốn thầm kín ngủ với mẹ ông.

Bệnh nhân: Cái gì?! Không ai trong hai người đó giống mẹ tôi chút xíu nào.

Bác sĩ tâm thần: A ha! Một phản ứng ngược! Ông nhất định đang kìm nén những dục vọng thật của ông.

Trên đây không phải là một truyện cười, thực ra đó là cách mà một số tín đồ của Freud lập luận. Và cách lập luận này phức tạp ở chỗ: không lấy đâu ra những tình huống thực tế mà ta có thể nhận biết

để bác bỏ lý thuyết về phức cảm Oedipe kia. Trong bài phê phán logic quy nạp, triết gia thế kỷ hai mươi Karl Popper lập luận rằng để một lý thuyết đứng vững được, nhất định phải có một số tình huống khả dĩ có thể chứng minh rằng nó là sai. Trong câu chuyện núp bóng tiểu lâm ở trên, không có tình huống nào như thế để ông bác sĩ tâm thần tin đồ của Freud có thể thừa nhận là chứng cứ.

MỘT CÚ NHẢY VỢ KIỂU QUY NẠP



*"Ý tôi là, cái kiểu trộm gì chỉ lấy
mỗi bát thức ăn cho chó thế?"*

Còn đây là một truyện cười thực thụ,
mô tả quan điểm của Popper rõ ràng
hơn:

Hai gã đang ăn sáng. Một gã phết bơ
vào miếng bánh mì nướng và nói, “Cậu
có bao giờ để ý thấy, nếu cậu đánh rơi
một lát bánh mì, mặt phết bơ luôn úp
xuống dưới không?”

Gã thứ hai nói, "Không, tớ dám cá là
chỉ có vẻ thôi, vì nếu mặt phết bơ úp
xuống thì phải lau dọn sàn nhà rất khó
chịu. Tớ cược là khi nó rơi mặt có bơ

thường quay lên trên."

Gã thứ nhất nói, "Thế hả? Nhìn đây này." Anh ta thả lát bánh xuống sàn nhà, mặt phết bơ quay lên trên.

Gã thứ hai nói, "Thấy chưa, tớ đã bảo mà".

Gã thứ nhất nói, "Ồ, tớ biết tại sao rồi. Tại tớ phết bơ sai mặt!"

Đối với anh chàng này, không có bất kỳ chứng cứ nào có thể chứng minh lý thuyết của gã là sai.

LOGIC DIỄN DỊCH

Logic diễn dịch đi từ cái chung đến cái riêng. Cốt lõi của lập luận diễn dịch là phép tam đoạn luận “Mọi người đều phải chết; Socrates là người; suy ra Socrates phải chết.” Điều đáng ngạc nhiên là mọi người rất hay lẫn lộn, và họ lập luận thế này, “Mọi người đều phải chết; Socrates chết, suy ra Socrates là người,” như vậy là phi logic. Nói thế chẳng khác nào nói, “Mọi người đều phải chết, con chuột lang của thằng con tôi chết, vậy con chuột lang là người.”

Một cách khác để làm hỏng suy luận

diễn dịch là lập luận từ một tiền đề sai.

Một anh cao bồi già bước vào quán rượu gọi một ly. Trong lúc anh ta đang ngồi nhăm nháp whiskey thì có một cô gái trẻ ngồi xuống bên cạnh. Cô gái quay sang hỏi, "Anh có phải là cao bồi chính hiệu không?"

Anh ta đáp, "Ờ, tôi sống cả đời ở nông trại, chăn ngựa, chữa hàng rào, đóng dấu gia súc, nên tôi nghĩ tôi là cao bồi."

Cô gái nói, "Còn tôi là người đồng tính nữ, suốt ngày tôi chỉ nghĩ về đàn bà. Buổi sáng vừa ngủ dậy tôi nghĩ ngay đến

đàn bà. Khi tôi tắm hay xem ti vi, dường như cái gì cũng khiến tôi nghĩ đến đàn bà cả."

Lát sau, một đôi trai gái ngồi xuống bên cạnh gã cao bồi và hỏi, "Anh có phải là cao bồi chính hiệu không?"

Anh ta đáp, "Trước tôi cứ tưởng tôi là cao bồi, nhưng tôi vừa mới phát hiện hóa ra tôi là người đồng tính nữ."

Phân tích chính xác xem anh chàng cao bồi kia đã sai ở đâu có lẽ là một việc khá vui. Cũng có thể không vui. Nhưng dù sao chúng tôi cũng sẽ thử.

Lần đầu tiên, trả lời cho câu hỏi anh ta có phải cao bồi thật không, anh ta lập luận như sau:

1.Nếu ai đó dành toàn bộ thời gian của mình làm những công việc của cao bồi, thì anh ta là cao bồi chính hiệu.

2.Tôi dùng toàn bộ thời gian của tôi làm những công việc của cao bồi.

3 Do đó, tôi là một cao bồi chính hiệu.

Cô gái lập luận:

1. Nếu một người phụ nữ dành toàn bộ thời gian của mình nghĩ về phụ nữ, thì cô

ta là một người đồng tính nữ.

2. Tôi là một phụ nữ.

3. Tôi dành toàn bộ thời gian của mình nghĩ về phụ nữ.

4. Do đó, tôi là một người đồng tính nữ.

Khi anh cao bồi đi đến cùng kết luận như cô gái, anh ta đã thừa nhận một tiên đề sai đối với trường hợp của bản thân: đó là (2) - tôi là một phụ nữ.

Sao nào, chúng tôi chưa từng hứa với các bạn rằng triết học và truyện cười là một.

LẬP LUẬN QUY NẠP THEO PHÉP LOẠI SUY

Không có gì giống như một lập luận từ phép loại suy. Ồ, có lẽ một con vịt thì giống. Có thể thấy lập luận loại suy được sử dụng trong câu trả lời cho câu hỏi: ai hoặc cái gì đã tạo ra vũ trụ. Một số nhà tư tưởng lý luận rằng: Vì vũ trụ giống như chiếc đồng hồ, nên phải có Đấng chế tạo đồng hồ. Như triết gia Anh theo chủ nghĩa kinh nghiệm thế kỷ mười tám David Hume đã chỉ ra, đó là một lý lẽ

không đáng tin cậy, vì không có cái gì hoàn toàn tương tự với cả vũ trụ, trừ phi nó là một vũ trụ khác, do đó chúng ta không nên đi chệch sang bất cứ cái gì vốn chỉ là một phần của vũ trụ *này*. Tại sao lại là chiếc đồng hồ? Hume đặt câu hỏi. Tại sao không nói vũ trụ tương tự con chuột túi chẳng hạn? Nói cho cùng, thì cả hai đều là những hệ thống gắn kết hữu cơ. Nhưng nếu dùng con chuột túi chúng ta sẽ đi đến một kết luận rất khác về nguồn gốc vũ trụ: đó là, nó được sinh ra từ một vũ trụ khác sau khi vũ trụ khác đó giao phối với một vũ trụ thứ ba. Lập

luận loại suy cơ bản dựa trên giả định rằng, vì một số khía cạnh của A tương tự với B, nên các khía cạnh khác của A cũng tương tự với B. Tuy nhiên thực tế không phải lúc nào cũng thế.

oOo

Gần đây, lập luận về chiếc đồng hồ và Đấng chế tạo đồng hồ đã quay lại dưới hình thức “lý thuyết” Thiết kế Thông minh. Lý thuyết này cho rằng cấu tạo cực kỳ phức tạp của các vật thể tồn tại trong tự nhiên (như bông tuyết, nhãn cầu, hạt quartz) chứng tỏ phải có một nhà thiết kế

siêu thông minh. Khi Hội đồng Giáo dục của thành phố Dover, Pennsylvania được đề nghị đưa Thiết kế Thông minh vào chương trình giảng dạy trong nhà trường như một “lựa chọn thêm” bên cạnh thuyết tiến hóa, ông chủ tịch Hội đồng John Jones III đã khuyên các tác giả của ý tưởng này nên quay trở lại ngồi trên ghế nhà trường. Trong ý kiến trả lời bằng văn bản thường là hóm hỉnh của mình, Jones đã không cưỡng lại được việc châm chọc những chuyên gia phe bảo vệ lý thuyết Thiết kế Thông minh. Chẳng hạn, một vị giáo sư thừa nhận rằng lập luận theo

phép loại suy thường có khiếm khuyết, nhưng “nó vẫn hữu hiệu trong các phim khoa học giá tưởng”.

Thế đây, còn ai tiếp tục bênh vực nữa, xin mời!

Lập luận loại suy còn có một vấn đề khác là từ những quan điểm khác nhau bạn sẽ có những cách loại suy hoàn toàn khác nhau.

Ba sinh viên ngành kỹ thuật đang thảo luận về ngành nghề của vị Chúa đã thiết kế cơ thể con người. Sinh viên thứ nhất

nói, "Chúa phải là kỹ sư cơ khí. Cứ xem các khớp thì biết."

Anh thứ hai nói, "Tôi nghĩ Chúa phải là kỹ sư điện. Hệ thần kinh có hàng ngàn mối liên kết điện."

Người thứ ba nói, "Thật ra, Chúa là kỹ sư xây dựng dân dụng. Ngoài Ngài ấy ra, còn ai có thể đặt đường ống nước thải độc hại đi qua khu vui chơi giải trí nào?"

Nói chung, các lập luận loại suy không thuyết phục lắm. Chúng không cung cấp cho ta độ chắc chắn cần thiết trong những vấn đề liên quan đến những

niềm tin cơ bản như sự tồn tại của Chúa. Không gì tệ hơn phép loại suy tồi của một nhà triết học, có lẽ chỉ trừ phép loại suy của một học sinh trung học. Bằng chứng là kết quả cuộc thi “Những câu loại suy dở nhất trong một bài luận trường trung học” do tờ Washington Post tổ chức:

1. “Bị số phận nghiệt ngã chia cắt lâu ngày, đôi tình nhân bất hạnh băng qua đồng cỏ lao đến gặp nhau như hai đoàn tàu chở hàng, một đoàn tàu rời Cleveland lúc 6:36 chiều, chuyển động với tốc độ 55 dặm một giờ, đoàn tàu kia xuất phát

từ Topeka lúc 7:47 tối với tốc độ 35 dặm một giờ”

2. “John và Mary chưa bao giờ gặp nhau. Họ giống như hai con chim ruồi cũng chưa bao giờ gặp nhau.”

3. “Con thuyền nhỏ êm đềm trôi qua đầm đúng như cái cách mà một quả bóng bowling không bao giờ có thể trôi.”

4. Từ trên căn buồng áp mái vọng xuống tiếng hú ghê rợn. Toàn bộ cảnh này có một tính chất ma quái, dị thường - như thể bạn đang đi nghỉ ở một thành phố khác và chương trình Jeopardy lên sóng

lúc 7 giờ tối thay vì 7:30.

PHÉP NGỤY BIỆN “POST HOC ERGO PROPTER HOC”*

**Tiếng Latinh, có nghĩa là: “Đến sau do đó là hậu quả của cái trước” – một lỗi logic có thể diễn giải như sau: “Vì sự kiện đó đi sau sự kiện này, nên sự kiện đó do sự kiện này mà ra.”*

Trước hết, xin nói qua về tập quán xã hội của thuật ngữ này: trong một số nhóm giao tiếp, khi được thốt lên kèm một bộ mặt nghiêm trang, câu này có thể giúp

bạn gặp may ở một bữa tiệc. Thật thú vị, hiệu quả sẽ ngược lại hoàn toàn khi nó được nói bằng tiếng Anh: “After this, therefore because of this.” (“Đến sau, do đó là kết quả của cái trước.”) Hãy tự tìm hiểu đi.

Câu này mô tả lỗi giả định rằng vì một sự vật *theo sau* sự vật khác, nó phải do cái kia *gây ra*. Vì những lý do rõ ràng, cách suy luận sai lầm này phổ biến trong những diễn ngôn chính trị xã hội, như “phần lớn những người dính vào heroin đều bắt đầu từ cần sa”. Đúng, nhưng còn nhiều người bắt đầu từ sữa hơn.

Post hoc được luận giải khá thú vị trong một số nền văn hóa: “Mặt trời mọc khi gà gáy, do đó tiếng gà gáy làm mặt trời mọc.” Cảm ơn gà trống nhé. Hoặc đây, một câu chuyện của đồng nghiệp chúng tôi:

Sáng nào cô ấy cũng bước ra trước hiên nhà và trang trọng nói lớn, “Cầu cho ngôi nhà này không bị lũ hồ quấy nhiễu!” Rồi lại bước vào.

Cuối cùng, chúng tôi bảo cô ấy, "Cô nói cái gì thế? Trong bán kính một nghìn dặm quanh đây làm gì có hồ."

Cô ấy đáp, "Các anh thấy chưa? Có tác dụng thế còn gì!"

Truyện cười theo mô tip *post hoc* sinh sôi tỷ lệ thuận với những nhầm lẫn của con người.

Một quý ông Do Thái lớn tuổi cưới một cô vợ trẻ, và họ yêu nhau thắm thiết. Tuy nhiên, dù đức ông chồng nỗ lực cách mấy trên giường, chị vợ cũng không bao giờ đạt cực khoái. Vì một người vợ Do Thái có quyền hưởng khoái cảm tình dục, nên họ quyết định đến hỏi giáo sĩ. Nghe

đôi vợ chồng trình bày xong, ông giáo sĩ vuốt râu, và đưa ra lời gợi ý sau đây:

"Hãy thuê một thanh niên to khỏe. Khi hai người làm tình, thì nhờ anh ta vẩy vẩy chiếc khăn tay ở phía trên. Việc đó sẽ giúp cho người vợ trở nên mơ màng và hẳn sẽ đem lại cực khoái."

Đôi vợ chồng đi về nhà và làm theo lời khuyên của giáo sĩ, họ thuê một anh chàng đẹp mã vung vẩy chiếc khăn khi họ làm tình. Vô ích, chị vợ vẫn không thỏa mãn.

Bối rồi, họ lại tìm tới ông giáo sĩ.

"Thôi được", giáo sĩ nói với đức ông chồng, "hãy thử làm ngược lại. Để người thanh niên làm tình với vợ ông, còn ông thì vấy khăn phía trên họ." Một lần nữa, hai vợ chồng lại làm theo lời khuyên của giáo sĩ.

Anh chàng đẹp trai lên giường với chị vợ, còn ông chồng đứng vấy khăn. Chàng trai vào việc hết sức khí thế, chẳng mấy chốc chị vợ đã cực khoái, la hét rung chuyển cả căn buồng.

Người chồng mỉm cười nhìn chàng trai, đắc thắng nói, "Thằng đàn ă, phải biết vấy khăn như thế chứ!"

Tiếp nhé, một truyện cười *post hoc* cuối cùng. Chắc chắn đây.

Trong nhà dưỡng lão, một ông lão ngoại bát tuần diện quần lửng màu hồng tươi đến gặp một bà sắp lên lão và nói, "Hôm nay là sinh nhật tôi!"

"Tuyệt," bà kia đáp. "Tôi cá tôi có thể nói chính xác ông bao nhiêu tuổi."

"Thật ư? Bao nhiêu?"

Bà kia nói, "Dễ lắm, ông cởi quần ra."

Ông già cởi quần.

"Tốt lắm," bà ta nói, "bây giờ cởi tiếp quần đùi ra."

Ông lão làm theo lệnh của bà ta. Bà ta sờ mó ông một lúc rồi nói, "ông tám mươi tư tuổi!"

Ông lão sùng sốt, "Sao bà biết?"

Quý bà đáp, "Ông nói với tôi hôm qua."

Ông lão đã sập một cái bẫy cũ nhất trong những cái bẫy được mô tả trong sách này, *post hoc ergo propter hoc*:

quý bà nói tuổi của ông lão *sau khi* sờ mó, còn ông lão nghĩ vì đã sờ mó nên bà ta đoán được... Những thứ gọi là *nhân quả* này lúc nào cũng khiến người ta lẫn lộn.

Nói chung, chúng ta thường bị *post hoc ergo propter hoc* đánh lừa vì không để ý đến tác động của một nguyên nhân khác.

Một thằng bé người New York được anh họ dẫn đi qua đầm lầy ở Louisiana. "Có phải cá sấu sẽ không tấn công nếu mình mang theo đèn pin không?" thằng bé

thành thị hỏi.

Anh họ nó đáp, "Tùy mày mang đèn pin có nhanh không?"

Thằng bé thành thị nghĩ đèn pin là *proter* (nguyên nhân) trong khi nó chỉ là chỗ dựa tinh thần.

NGUY BIỆN MONTE CARLO

Các tay cờ bạc không xa lạ gì với Nguy biện Monte Carlo. Nhưng một số họ có thể sẽ ngạc nhiên khi biết ra nó là một phép nguy biện. Có thể bọn họ coi

nó là Chiến lược Monte Carlo. Quả thật, đó chính là điều đăm hồ li trông đợi.

Chúng ta biết rằng bánh xe rulét có một nửa số ô đỏ và một nửa số ô đen, nghĩa là có 50% cơ hội nó dừng ở ô đỏ. Nếu chúng ta quay bánh xe rất nhiều lần - chẳng hạn 1.000 - và bánh xe không bị chơi gian hay bị lỗi, thì trung bình nó dừng lại 500 lần ở vị trí đỏ. Do đó, nếu quay bánh xe sáu lần mà cả sáu lần nó đều dừng lại ở ô đen, chúng ta có khuynh hướng nghĩ mình có lợi thế nếu đặt cược ô đỏ ở vòng thứ bảy. Đỏ phải “tới” rồi chứ, đúng không? Sai. Bánh xe cũng có

xác suất dừng ở đỏ trong vòng quay thứ bảy đúng 50 phần trăm y như ở các vòng quay khác, và dù đèn liên tục xuất hiện bao nhiêu lần đi nữa thì điều này vẫn đúng.

Và đây là một lời khuyên khôn ngoan dựa trên Ngụy biện Monte Carlo dành cho các bạn:

Nếu sắp lên một chiếc máy bay thương mại, vì lý do an toàn cho bản thân, hãy mang theo một quả bom... bởi vì xác suất có hai gã mang bom lên cùng một chiếc máy bay là quá nhỏ.

LẬP LUẬN VÒNG QUANH

Lập luận vòng quanh là lối lập luận mà trong đó luận cứ cho một mệnh đề chứa đựng chính mệnh đề đó. Thông thường, lập luận vòng quanh vốn đã khôi hài, chẳng cần ai phải thêm mắm dặm muối cả.

Mùa thu. Dân trong khu Anh-điêng đến hỏi thủ lĩnh mới của mình liệu mùa đông tới có lạnh giá hay không. Nhưng vị thủ lĩnh này lại là người hiện đại, chưa

hề được truyền dạy các bí quyết cổ xưa, không sao biết được mùa đông tới sẽ lạnh giá hay ấm áp. Để phòng xa, ông khuyên bộ lạc hãy đi kiếm củi chuẩn bị cho mùa đông giá rét. Một ngày sau, sức nghĩ ra, mặc dù hơi muộn, ông gọi điện cho Nha Khí tượng, hỏi họ có dự báo mùa đông sẽ lạnh hay không. Nha Khí tượng trả lời rằng quả thật họ nghĩ mùa đông này có thể sẽ rất lạnh. Vị thủ lĩnh bèn khuyên bộ lạc trữ thêm nhiều củi nữa.

Vài tuần sau, vị thủ lĩnh quyết định hỏi lại Nha Khí tượng. "Các vị vẫn dự

đoán mùa đông sẽ lạnh đấy chứ?"

"Chắc đấy," Nha Khí tượng trả lời.
"Có vẻ sẽ là một mùa đông rất lạnh."
Thủ lĩnh bèn khuyên bộ lạc tích cả đến
từng mảnh củi vụn mà họ kiếm được.

Vài tuần sau, thủ lĩnh gọi điện cho
Nha Khí tượng, hỏi tới đây mùa đông sẽ
thế nào. Nha Khí tượng nói, "Chúng tôi
dự báo sẽ là một mùa đông lạnh nhất từ
trước đến nay."

"Thật ư?" vị thủ lĩnh kêu lên. "Làm
sao các ông biết chắc thế?"

Nha Khí tượng đáp: "Người Anh-

điêng đang đi kiếm củi như điên!"

Vậy là luận cứ để vị thủ lĩnh cần tích trữ thêm nhiều củi té ra chính là việc ông đang cho tích trữ củi. May sao, ông ấy đang dùng cưa máy.

NGUY BIỆN DỰA VÀO TÔN TRỌNG THẨM QUYỀN

*ARGUMENTUM AD
VERECUNDIAM.*

Lập luận dựa vào tôn trọng thẩm quyền là một trong những kiểu lập luận

ưa thích của những người có chức tước. Viện dẫn thẩm quyền để hỗ trợ lập luận tự thân không phải là một nguy biến logic; ý kiến chuyên gia là luận cứ chính đáng, bên cạnh những luận cứ khác. Cái sai ở đây là ta dùng sự tôn trọng thẩm quyền như khẳng định duy nhất cho ý kiến của mình, bất chấp các luận cứ có tính thuyết phục khẳng định điều ngược lại.

Ted gặp bạn mình là Al, kêu lên, "Al! tớ nghe nói cậu đã chết!"

"Làm gì có chuyện đó," Al bật cười

đáp. "Cậu thấy đấy, tớ đang sống nhàn
rảnh."

"Không thể thế được!" Ted lẩm bẩm.
"Người nói với tớ điều đó đáng tin hơn
cậu nhiều."

Lập luận dựa vào thẩm quyền luôn
gắn với nhân vật được ai đó xem là có
thẩm quyền chính đáng.

Một người bước vào tiệm bán vật
nuôi hỏi xem vẹt. Chủ tiệm cho anh ta
xem hai con vẹt đẹp nhất trong gian hàng.
"Con này 5.000 đô la còn con kia 10.000

đô la", ông ta nói.

"Chà!" người kia nói. "Con 5.000 đô la biết làm gì?"

"Con vẹt này có thể hát mọi khúc aria do Mozart sáng tác," chủ tiệm nói.

“Còn con kia?"

"Nó hát được cả chùm Opera Ring của Wagner. Còn con nữa ở trong kia giá 30.000 đô la."

"Ôi trời! Nó làm được gì?"

"Tôi chưa nghe nó hát cái gì bao giờ, nhưng hai con kia gọi nó là ‘Đại sư’.

Theo các ý kiến có thẩm quyền của chúng tôi, có một số bậc thẩm quyền có uy tín hơn những bậc thẩm quyền khác; nhưng rắc rối nảy ra khi người đối thoại với bạn không chấp nhận những uy tín ấy. Ta hãy xem câu chuyện từ kinh Talmud của người Babylon hồi thế kỷ 1 dưới đây.

Bốn vị giáo sĩ thường xuyên tranh cãi về thần học, nhưng có ba vị luôn hòa nhau chống lại một vị. Một hôm, ông giáo sĩ lẻ loi, sau khi lại một lần nữa thua do ba chọi một, quyết định cầu đến

một bậc thẩm quyền cao hơn.

"Lạy Chúa!" ông kêu lên. "Trong thâm tâm con biết rằng con đúng và họ sai! Xin Chúa cho con một dấu hiệu để chứng minh điều đó với họ!"

Hôm đó là một ngày nắng đẹp. Giáo sĩ vừa cầu nguyện xong, lập tức có ngay một đám mây đông lướt qua bầu trời trên đầu bốn người. Một tiếng sấm nổ rền, và đám mây tan biến. "Một dấu hiệu từ Chúa! Thấy chưa, tôi đúng, tôi biết mà!" Nhưng ba người kia không đồng ý, họ lý sự rằng mây đông vẫn thường hình thành vào những ngày nóng nực.

Vì vậy, giáo sĩ kia lại cầu nguyện lần nữa. "Lạy Chúa, con cần một dấu hiệu lớn hơn để chứng tỏ rằng con đúng và họ sai. Vậy con cầu xin Chúa cho con một dấu hiệu lớn hơn!"

Lần này, bốn đám mây đông xuất hiện, lao thẳng vào nhau để hình thành một đám mây lớn, rồi một tia sét giáng xuống cái cây trên ngọn đồi gần đó.

"Tôi đã bảo các ông là tôi đúng mà!" ông giáo sĩ kêu lên, nhưng các bạn ông khẳng khẳng nói rằng mọi hiện tượng xảy ra không thể giải thích được bằng nguyên nhân tự nhiên.

Vị giáo sĩ kia đang chuẩn bị cầu xin một dấu hiệu rất, rất lớn, nhưng mới vừa thốt lên "Lạy Chúa..." thì bầu trời bỗng đen kịt, mặt đất rung chuyển, rồi một giọng nói vang dội phán xuống, "ÔÔÔÔÔÔÔNG ẤY Đ Ú Ú Ú Ú NG!"

Vị giáo sĩ chống tay ngang hông, quay lại ba người kia và nói, "Được chưa?"

"Thế thì," một trong ba giáo sĩ còn lại nhún vai, "bây giờ là ba chọi hai."

NGHỊCH LÝ ZENO

Nghịch lý là đoạn lập luận tưởng như

hợp lý dựa trên những giả định có vẻ đúng nhưng dẫn đến một kết luận mâu thuẫn hoặc sai bét. Nói khác đi một chút thì ý trên có thể dùng để định nghĩa cho truyện cười - hoặc ít ra là cho hầu hết các truyện cười trong cuốn sách này. Có gì đó thật phi lý khi những lập luận đúng lại biến ra sai một cách có logic; và điều phi lý thì thường gây cười. Nếu cùng lúc giữ hai ý tưởng đối chọi nhau trong đầu, óc bạn sẽ choáng váng. Nhưng quan trọng nhất là, bạn có thể kể một nghịch lý lắt léo trong bữa tiệc và đem lại tiếng cười vui cho mọi người.

Về truyện cười liên quan đến hai ý tưởng mâu thuẫn, Zeno thành Elea là bậc thầy. Bạn hẳn đã nghe câu chuyện của ông về cuộc chạy đua giữa Achilles và con rùa? Achilles vốn chạy nhanh hơn con rùa, nên con rùa được chấp cho xuất phát sớm hơn nhiều. Khi nghe tiếng súng lệnh, hay như người ta nói vào thế kỷ năm trước Công nguyên, khi ngọn lao phóng ra, mục tiêu đầu tiên của Achilles là đến được điểm xuất phát của rùa. Tất nhiên, lúc đó thì con rùa đã đi được một đoạn đường ngắn rồi, cho nên bây giờ Achilles phải đến được điểm *đó*. Nhưng

lúc chàng đến đó, con rùa đã lại rời đi rồi. Dù Achilles đến được điểm mà rùa đã tới trước đó bao nhiêu lần, thậm chí vô hạn lần, Achilles cũng không bao giờ bắt kịp được con rùa, mặc dù chàng đã đến cực gần. Tất cả những gì mà con rùa cần làm để thắng cuộc đua là không dừng lại.

Phải, Zeno không phải là Leno (James Douglas Muir "Jay" Leno, người dẫn chương trình và là diễn viên hài nổi tiếng người Mỹ), nhưng ở thế kỷ năm trước Công nguyên, ông là một triết gia không tồi. Và giống như một diễn viên tấu hài nổi tiếng của thời ấy, Zeno có thể nói, “Truyện thể này

tôi có cả triệu.” Thực ra tất cả chỉ có bốn truyện. Một truyện khác là nghịch lý đường đua của ông. Để chạy đến cuối đường đua, người chạy trước hết phải hoàn thành vô số quãng đường. Anh ta phải chạy đến điểm giữa, rồi phải chạy đến điểm giữa của khoảng cách còn lại, rồi điểm giữa của khoảng cách vẫn còn lại, v.v. và v.v. Nói theo lý thuyết, vì anh ta phải chạy đến các điểm giữa vô hạn lần, anh ta sẽ không bao giờ đến được cuối đường. Nhưng tất nhiên [thực tế thì], anh ta đến được. Ngay cả Zeno cũng có thể thấy điều đó.

Còn đây là một truyện hài cũ như thể do chính Zeno nghĩ ra:

Người bán hàng: "Thưa bà, cái máy hút bụi này sẽ khiến công việc của bà vui đi một nửa."

Bà khách: "Hay quá! Lấy cho tôi hai cái."

Trong câu chuyện này có một điều lạ lùng. Nghịch lý đường đua đi ngược với lẽ thường, ngay cả khi không thể chỉ ra nó sai ở đâu, chúng ta vẫn tin rằng có *cái gì đó* sai. Trong truyện cười về máy hút bụi, cách lập luận của Zeno lại không hề nghịch lý. Nếu mục đích của bà khách là hoàn thành công việc mà không hề tốn dù

chỉ một chút thời gian, thì không có số lượng máy hút bụi tiết kiệm thời gian nào (và người sử dụng chúng đồng thời với bà) có thể đáp ứng. Bật hai máy hút bụi chỉ có thể giảm thời gian làm sạch thảm đi ba phần tư; chạy ba cái, giảm được năm phần sáu; và tiếp tục như thế, khi số lượng máy hút bụi tăng đến vô hạn.

NGHỊCH LÝ LOGIC VÀ NGHỊCH LÝ NGŨ NGHĨA

Gốc của toàn bộ các nghịch lý logic và nghịch lý ngữ nghĩa là nghịch lý

Russell - gọi theo tên tác giả của nó, triết gia Anh thế kỷ hai mươi - Bertrand Russell. Nghịch lý đó thế này: “Liệu tập hợp của tất cả các tập hợp không phải là phần tử của chính chúng có phải là phần tử của chính nó?” Điều này thật gây sốc - đúng thế, nếu bạn tình cờ có bằng cấp cao về toán học. Nhưng hãy khoan. Thật may, hai nhà logic học khác của thế kỷ hai mươi là Grelling và Nelson đã xuất hiện, với phiên bản dễ tiếp cận hơn của nghịch lý Russell. Nghịch lý ngữ nghĩa này xét khái niệm của các từ có ý nghĩa với chính bản thân chúng.

Nghịch lý ngữ nghĩa còn được gọi là Nghịch lý Grelling, hay Nghịch lý Nelson, hoặc Nghịch lý heterological: Nếu nó là vậy, thì nó không vậy; còn nếu nó không vậy, thì nó là vậy. Tiến sĩ Kurt Grelling (1886-1942) là một nhà toán học Đức từng có nhiều công trình chung với triết gia người Đức Leonard Nelson (1882-1927). Về cuối đời hai người tuyệt giao do nhiều bất đồng "không thay đổi" được, trong đó có bất đồng chính trị.

Thử tìm hiểu tiếp: có hai loại từ, một loại tự nó mô tả nó (từ tự tả - autological), còn loại kia không tự nó mô tả được nó (từ không tự tả - heterological). Ví dụ, các từ như “ngắn”

(bản thân nó ngắn), hoặc “dài ngoẵng” (bản thân vốn dài, nhiều âm tiết) là autological. Còn “dài” (chỉ có một âm tiết) là heterological. Vậy từ heterological phải chẳng là heterological? Nếu nó không là vậy, thì nó không vậy; còn nếu nó không là vậy, thì nó là vậy. Ha! Ha!

Các bạn vẫn chưa cười được? Vậy thì, đây là một trường hợp khác, khái niệm triết học được chuyển dịch sang truyện cười để trở nên sáng tỏ hơn:

Một thị trấn nọ chỉ có một bác phó

cạo duy nhất - nhân tiện nói thêm, bác ta là đàn ông - cạo mặt cho tất cả đàn ông trong thị trấn, và chỉ cạo cho những người đàn ông nào không tự cạo mặt. Vậy bác phó cạo có tự cạo mặt cho mình không?

Nếu bác ta có (tự cạo mặt) thì không. Nếu bác ta không (tự cạo mặt) thì có.

Đó là một nghịch lý Russell mà bạn có thể kể khi dự tiệc.

Chúng tôi không thường vào thăm nhà vệ sinh nữ, nên không biết trong đó xảy ra những gì, nhưng chúng tôi biết chắc

rằng các độc giả nam giới đã quá quen thuộc với những nghịch lý nguệch ngoạc trên tường các ngăn vệ sinh nam, nhất là trong các khu đại học. Chúng là những nghịch lý logic ngữ nghĩa kiểu Russell và Grelling - Nelson, nhưng ngắn gọn hơn. Các bạn còn nhớ những nghịch lý đó không? Có nhớ bạn đã bắt gặp chúng ở đâu không?

"Câu này sai." Nó đúng hay sai?

Hay:

Một người cố gắng để thất bại và đã thành công, vậy anh ta đã thất bại hay thành công?

Chỉ để cho vui, lần tới, nếu vào nhà vệ sinh, bạn hãy viết lên tường: “Tù ‘không tự tử’ thuộc loại tù *tự tử* hay tù *không tự tử*?” Một chuyện hay đáng để làm đấy.

oOo

DIMITRI: Hay đấy, nhưng tất cả những điều này liên quan gì đến việc trả

lời những Câu Hỏi Lớn?

TASSO: Này, giả sử cậu đến thăm Nhà tiên tri ở Delphi và hỏi, “Tất cả những điều này có nghĩa gì?” Và ông ấy trả lời, “Cuộc đời là một chuyến du hí, mọi chuyến du hí đều vui: nên cuộc đời rất vui.” Logic luôn gọi cho cậu một cái gì đó để tán chuyện.

III

NHẬN THỨC LUẬN: LUẬN VỀ TRI THỨC

Làm sao anh biết rằng anh biết thứ mà anh nghĩ là anh biết? Loại bỏ phương án trả lời “Đơn giản là tôi biết!” những gì còn lại là nhận thức luận.

DIMITRI: Giờ tôi thấy dễ chịu rồi, Tasso ạ. Nuốt trôi xong được món logic, phần còn lại xem ra sẽ chỉ là một chuyến dạo chơi trong Acropolis.

TASSO: Acropolis nào?

DIMITRI: Kia kìa! Ngay trước mặt đây! Có lẽ cậu nên làm một ly ouzo cho dịu đầu óc, bạn ạ.

TASSO: Nhưng đó là Acropolis hay chỉ là thứ mà cậu *tin* là Acropolis? Làm sao cậu biết được nó là thật? Mà trong chuyện này, làm sao cậu biết được một *cái gì đó* là thật?

DIMITRI: Đây, cậu lại thế.

LÝ TÍNH ĐỘ VỚI THIÊN KHẢI

Vậy làm sao ta *biết* rằng mình biết điều gì đó, nếu quả thực ta biết điều gì đó?

Suốt thời Trung cổ, câu hỏi này đã dẫn đến niềm tin coi thiên khải vượt trên

lý tính, là nguồn gốc của tri thức con người, hoặc ngược lại.

Một người trượt chân rơi xuống giếng sâu, lao thẳng đến mấy chục mét mới dừng lại nhờ níu được vào một đoạn rễ cây nhỏ. Nhưng bàn tay nắm đoạn rễ cứ yếu dần, yếu dần, anh ta tuyệt vọng kêu lên, "Có ai ở trên đó không?"

Anh ta nhìn lên, chỉ thấy một mảnh trời tròn. Đột nhiên, những đám mây rẽ ra, rồi một tia sáng chói lòa chiếu thẳng xuống anh ta. Một giọng trầm sâu rền vang, "Ta, Đức Chúa Trời đây. Con hãy

buông tay khỏi cái rễ cây, ta sẽ cứu."

Anh chàng gặp nạn thoáng nghĩ trong tích tắc rồi gào lên, "Có ai khác ở trên đó không?"

Bị treo trên một cái rễ cây, người ta dễ có xu hướng nghiêng cán cân về phía lý tính.

Ở thế kỷ mười bảy, René Descartes đã chọn lý tính thay vì thần linh là nguồn gốc của tri thức. Điều này sẽ được nhận rõ khi đặt Descartes trước nguồn gốc ấy.

Có lẽ Descartes ước gì ông chưa từng

nói “*Cogito ergo sum*” (*Tôi tư duy vậy tôi tồn tại*), bởi vì đó là tất cả những gì mà mọi người nhớ về ông - câu nói đó và chuyện ông đã thốt ra nó khi đang ngồi trong một lò bánh mì. Dường như thế còn chưa đủ tệ, mà “cogito” (tôi tư duy) của ông thường xuyên bị hiểu sai thành Descartes tin tư duy là đặc tính căn bản của con người. Phải, thực sự ông đã tin như thế, nhưng điều đó không liên quan đến *Cogito ergo sum*. Descartes đi đến cái cogito thông qua một thử nghiệm hoài nghi triệt để nhằm phát hiện liệu có cái gì mà ông có thể tin chắc; tức là, một cái

gì mà ông không thể nghi ngờ. Ông khởi đầu bằng cách nghi ngờ sự tồn tại của thế giới bên ngoài. Điều đó khá dễ dàng. Có lẽ ông đang mơ màng hay đang bị ảo giác. Rồi ông thử nghi ngờ sự tồn tại của chính ông. Nhưng khi ông hoài nghi, ông vấp phải thực tế rằng để hoài nghi cần có kẻ hoài nghi. Đó là chính ông! Ông không thể hoài nghi chính sự hoài nghi của mình. Lẽ ra ông đã có thể tránh được nhiều diễn giải sai lạc nếu chỉ nói, *"Dubito ergo sum."* (Tôi hoài nghi vậy tôi tồn tại).

Các quan tòa ở tòa án hình sự Mỹ

luôn yêu cầu bồi thẩm đoàn áp dụng phương pháp tìm kiếm độ xác tín của Descartes bằng cách xem xét bằng chứng kết tội bị cáo dựa trên tiêu chuẩn khắt khe gần như ngang với Descartes. Yêu cầu dành cho bồi thẩm đoàn không giống như dành cho Descartes; quan tòa không quan tâm liệu bồi thẩm đoàn có *bất kỳ* nghi ngờ nào về tội trạng của bị cáo, mà quan tâm đến những nghi ngờ *xác đáng*. Nhưng thậm chí tiêu chuẩn thấp hơn ấy cũng đòi hỏi bồi thẩm đoàn phải tiến hành những thử nghiệm trí não tương tự, và gần như triệt để không kém Descartes.

Một bị cáo hầu tòa vì tội giết người. Các chứng cứ buộc tội anh ta trong vụ án đã rất rõ ràng, nhưng không có xác chết. Kết thúc phần tranh biện của mình, vị luật sư bào chữa quyết định phải dùng mẹo. "Kính thưa quý bồi thẩm đoàn," ông ta nói. "Tôi có một điều ngạc nhiên dành cho tất cả quý vị - trong vòng một phút nữa, người bị cho rằng đã chết sẽ bước vào phòng xử án này."

Ông ta ngó ra cửa phòng xử án. Các vị hội thẩm sững sờ, cũng hăm hờ ngó ra. Một phút trôi qua. Không có gì xảy

ra. Cuối cùng, luật sư nói, "Nói thật là tôi đã bịa ra chuyện người chết sẽ bước vào. Nhưng tất cả quý vị đều nhìn ra cửa chờ đợi. Vậy, tôi có thể nói với các vị rằng trong vụ này có một nghi ngờ hợp lý, rằng có phải có người đã bị giết hay không, do đó tôi phải yêu cầu các vị quay lại phán quyết 'vô tội'.

Bồi thẩm đoàn giải lao để cân nhắc. Vài phút sau, họ trở lại và ra phán quyết "có tội."

"Nhưng sao các vị có thể làm thế?" viên luật sư gầm lên. "Chắc chắn các vị đã nghi ngờ. Tôi thấy tất cả các vị đều

nhìn chăm chăm ra cửa."

Chủ tịch bồi thẩm đoàn trả lời, "Ồ, chúng tôi đã nhìn, nhưng thân chủ của ông thì không."

CHỦ NGHĨA KINH NGHIỆM

Theo triết gia kinh nghiệm chủ nghĩa người Ireland thế kỷ mười tám, giám mục George Berkeley, thì "*Esse est percipi*" ("*Tồn tại là được tri giác*"), hay nói cách khác thì cái gọi là thế giới khách quan chỉ ở trong trí óc của chúng ta. Berkeley lập luận rằng chúng ta chỉ nhận

được tri thức về thế giới này thông qua các giác quan của mình. (Các nhà triết học gọi loại thông tin này là “dữ liệu giác quan.”) Vượt khỏi các dữ liệu giác quan này, Berkeley nói, ta không thể suy đoán được bất cứ điều gì khác, chẳng hạn như sự tồn tại của các vật chất ngoài kia đang phát ra những rung động kích thích các giác quan của chúng ta. Nhưng vị giám mục đáng kính này lại tiếp tục suy luận rằng những dữ liệu giác quan *phải* đến từ nơi nào đó, do đó *nơi nào đó* phải là Chúa. Về cơ bản, tư tưởng của Berkeley là Chúa ở trên kia đang gõ

những dữ liệu giác quan lên một Website vũ trụ mà tất cả chúng ta đều cập nhật được 24/7. (Thế mà chúng ta cứ nghĩ Chúa chỉ làm việc 24/6!)

George Berkeley (1685-1753): giám mục Ireland, nhà thần học và triết gia đề xướng thuyết duy tâm chủ quan cực đoan với luận điểm nổi tiếng: "*Esse est percipi aut percipere*" (Sự tồn tại của các đối tượng là cái được tri giác, còn sự tồn tại của các chủ thể là sự tri giác.)

Có câu chuyện rằng người cùng thời với Berkeley là tiến sĩ Samuel Johnson, khi biết đến luận điểm "*Esse est percipi*", đã đá vào một cái cột và la lên,

“Tôi bác bỏ giám mục Berkeley như thế đấy!”

Đối với Berkeley, câu chuyện đó hẳn giống như một trò cười. Cú đá ấy và ngón chân bị đau sau cú đá chỉ chứng tỏ rằng Chúa vẫn đang bận rộn với nhiệm vụ của ngài là gửi các dữ liệu giác quan đã được định vị đến với tiến sĩ Johnson: đầu tiên là cảm giác cử động của chân bị chặn, và ngay sau đó là cảm giác đau.

Tình huống phức tạp hơn nhiều khi nguồn gốc dữ liệu giác quan của chúng ta là một người khác:

Một người đàn ông lo vợ mình nghẽn
ngãng bèn tìm đến bác sĩ. Bác sĩ khuyên
ông ta thực hiện một bài kiểm tra đơn
giản ở nhà như sau: đứng phía sau vợ hỏi
một câu gì đó, đầu tiên cách sáu mét, rồi
ba mét, và cuối cùng đứng sát sau lưng.

Người đàn ông đi về nhà, thấy vợ
đang đứng nấu nướng, quay mặt vào bếp
lò.

"Tối nay nhà ta có món gì thế bà?"
ông ta hỏi từ ngoài cửa.

Không có câu trả lời.

Tiến lên cách vợ ba mét, ông ta nhắc

lại câu hỏi, "Tối nay nhà ta có món gì thế bà?"

Vẫn không có câu trả lời.

Cuối cùng, ông ta đứng sát sau lưng vợ và hỏi, "Tối nay nhà ta có món gì thế bà?"

Đến lúc này, bà vợ mới quay lại đáp, "Tôi bảo ông đến lần thứ ba rồi đấy nhé - gà!"

A, đôi vợ chồng này đúng là có rắc rối lớn với việc diễn giải dữ liệu giác quan.

PHƯƠNG PHÁP KHOA HỌC

Ngày nay, có lẽ không cần thông minh lắm ta cũng biết rằng toàn bộ tri thức về thế giới bên ngoài đều được lĩnh hội thông qua các giác quan của chúng ta. Nhưng xưa kia thì không phải lúc nào cũng vậy. Trong quá khứ, nhiều triết gia cho rằng có những ý niệm bẩm sinh hiện hữu trong trí óc chúng ta là *tiên nghiệm* (a priori) - tức là có trước kinh nghiệm. Một số triết gia coi các ý niệm của chúng ta về Chúa là bẩm sinh; nhiều người khác khẳng định rằng tư tưởng của

chúng ta về tính nhân quả cũng là bẩm sinh.

Thậm chí bây giờ, khi ai đó nói, “Mọi sự xảy ra đều có lý do”, hay “Tôi tin vào sự đầu thai”, thì mệnh đề anh ta nêu lên đều không thể khẳng định hay phủ định bằng kinh nghiệm. Những phần lớn chúng ta thừa nhận rằng bằng chứng xác tín nhất về tình trạng thế giới bên ngoài là kinh nghiệm thuộc cảm giác, và theo nghĩa đó tất cả chúng ta đều là những nhà chủ nghĩa kinh nghiệm. Tất nhiên, trừ phi chúng ta là vua nước Ba Lan, một ngoại lệ chứng minh cho nguyên tắc sau:

Đức vua Ba Lan cùng đoàn tùy tùng toàn các vị vương hầu bá tước vào rừng săn nai. Đoàn săn hoàng gia vừa đến gần khu rừng, bỗng từ sau một thân cây có gã nông nô chạy vụt ra, vẫy tay rồi rít và la lên, "Tôi không phải là một con nai!"

Nhà vua bèn rút cung tên, bắn thủng tim gã nông nô, giết chết hắn trong tích tắc.

"Tâu bệ hạ," một công tước thưa, "sao ngài tại làm thế? Hắn đã kêu rằng hắn không phải là nai kia mà."

"Trời ơi," nhà vua đáp. "Thế mà ta cứ

tưởng hấn nói hấn là một con nai."

Thôi được, giờ ta sẽ so sánh ông vua ấy với một nhà khoa học có đẳng cấp.

Một nhà khoa học cùng vợ chạy xe về nông thôn. Cô vợ nói, "ô, anh nhìn kia! Lũ cừu đã được xén lông."

"Ừ," nhà khoa học đáp. "Phía bên này thôi."

Thoạt tiên chúng ta có thể nghĩ rằng người vợ chỉ nói ra một ý kiến dựa trên kinh nghiệm thông thường, còn nhà khoa

học thì nêu quan điểm cần trọng và mang tính khoa học hơn, từ chối sử dụng bằng chứng không có trong cảm giác của bản thân. Nhưng chúng ta đã lầm. Thật ra chính câu nói của người vợ mới là định thức được đa số các nhà khoa học coi là giả thuyết mang tính khoa học hơn. “Kinh nghiệm” của nhà kinh nghiệm chủ nghĩa không hạn chế trong kinh nghiệm cảm giác trực tiếp. Các nhà khoa học dùng những kinh nghiệm *trước đó* của mình để tính toán các khả năng và suy ra những nhận định tổng quát hơn. Điều mà người vợ nói thật ra là, “Thứ tôi nhìn thấy là

những con cừu đã được xén lông, ít nhất là từ phía bên này. Từ kinh nghiệm trước đây tôi biết rằng người nuôi cừu thường không xén lông cừu chỉ một bên hông, và ngay cả khi họ làm như thế, thì khả năng để lũ cừu tự sắp xếp trên sườn đồi sao cho phần đã xén lông của chúng quay ra đường là vô cùng nhỏ. Nên tôi cảm thấy chắc chắn khi nói rằng, ‘Lũ cừu kia đã được xén *sạch* lông.’”

Chúng tôi đồ rằng nhà khoa học trong truyện cười này thuộc loại ngộ chữ. Hoặc nói rõ hơn, chúng tôi cho rằng một người không thể suy luận bằng kinh

nghiệm sẵn có của mình thì thật tối dạ, hay đúng là một *Sardar* - theo cách nói của người Ấn Độ.

Sardar là tước vị phổ biến trong cộng đồng người Sikh (Ấn Độ). Trước khi người Anh chiếm Punjab vào năm 1849, Sardar được dùng để gọi các thủ lĩnh quân sự và đại diện tầng lớp phong kiến người Sikh. Khi chiêm bái, hài hước, Sardar đồng nghĩa với "tối dạ, ngốc..."

Một cảnh sát New Delhi tiến hành sát hạch ba Sardar được huấn luyện làm thám tử. Để khảo sát kỹ năng nhận diện kẻ tình nghi của bọn họ, anh ta cho

Sardar thứ nhất xem một bức ảnh trong năm giây rồi giấu đi. "Đây là một kẻ tình nghi. Anh nhận ra hắn bằng cách nào?"

Anh chàng Sardar đáp, "Rất dễ, chúng ta sẽ tóm được hắn ngay vì hắn chỉ có một mắt!"

Viên cảnh sát nói, "Anh đúng là Sardar! Đó là bởi vì bức ảnh tôi cho anh xem là hình chụp nghiêng."

Sau đó, viên cảnh sát lại giơ bức ảnh ra trong năm giây và hỏi Sardar thứ hai, "Đây là một kẻ tình nghi. Anh nhận ra hắn bằng cách nào?"

Sardar thứ hai mỉm cười và nói, "Ha! Bắt hấn quá dễ, vì hấn chỉ có một tai."

Viên cảnh sát giận dữ, "Hai người các anh làm sao thế? Tất nhiên chỉ có một mắt và một tai lộ ra, vì đây là hình trông nghiêng của hấn! Đó là câu trả lời hay ho nhất mà các anh có được đấy rồi sao?"

Hết sức thất vọng, viên cảnh sát giao bức ảnh cho Sardar thứ ba, hỏi bằng giọng gay gắt, "Đây là một kẻ tình nghi. Anh nhận ra hấn bằng cách nào?"

Sandar thứ ba nhìn bức ảnh chăm chú một lát rồi nói, "Kẻ tình nghi này mang

kính áp tròng."

Viên cảnh sát giật mình, vì chính anh ta cũng không biết kẻ tình nghi có mang kính áp tròng hay không. "Hay lắm, thật là câu trả lời thú vị," anh ta nói. "Anh đợi đây một lát để tôi kiểm tra lại hồ sơ của hắn, rồi sẽ thông báo kết quả."

Anh ta về phòng làm việc của mình, kiểm tra hồ sơ của kẻ tình nghi trong máy tính, rồi quay lại mỉm cười. "Chà! Không thể tin được. Đúng thế đấy! Kẻ tình nghi này quả nhiên có mang kính áp tròng. Giỏi lắm! Làm sao anh có thể quan sát sắc sảo thế?"

"Dễ ợt," Sardar trả lời. "Hắn không thể đeo kính thường bởi vì hắn chỉ có một mắt và một tai."

Sự thắng thế của chủ nghĩa kinh nghiệm trong nhận thức luận phương Tây được phản ánh qua thực tế rằng chúng ta mặc nhiên coi nó là phương pháp kiểm tra mà mọi người đều sử dụng:

Ba phụ nữ đang thay quần áo trong phòng thay đồ để chuẩn bị chơi bóng vợt (Racquetball) thì có một người đàn ông trần truồng trùm mỗi cái bao trên đầu

chạy qua. Bà thứ nhất nhìn mẩu xúc xích của anh ta và nói, "Không phải chồng tôi". Bà thứ hai nói, "Không, không phải đâu". Bà thứ ba nói, "Hắn thậm chí không phải thành viên câu lạc bộ này".

Tuy vậy, bất chấp sự thắng thế của chủ nghĩa kinh nghiệm và khoa học, nhiều người vẫn tiếp tục lý giải các sự kiện khác thường như là những phép lạ chứ không phải là kết quả của những nguyên nhân tự nhiên. David Hume, triết gia kinh nghiệm chủ nghĩa hoài nghi Anh, phát biểu rằng niềm tin vào phép lạ có thể có

cách giải thích hợp lý duy nhất nếu tất cả những phương án khác còn khó tin hơn. Chẳng hạn, một người khẳng khẳng cho rằng anh ta có cây cọ cảnh biết hát những khúc aria trong vở Aida của Verdi. Điều nào khó tin hơn đây: cây cọ cảnh có khả năng phá vỡ quy luật tự nhiên hay anh chàng này điên, bịa tạc, hoặc ăn phải nấm độc? Câu trả lời của Hume: “Vớ vẩn!” (Chỗ này chúng tôi quả tình có hơi xuyên tạc lời ông ấy!) Do khả năng người kể chuyện bịa đặt hoặc thổi phồng sự thật cao hơn nhiều so với khả năng cây cọ phá vỡ quy luật tự nhiên, Hume hẳn

không thấy có cái lý nào để kết luận rằng đã có một phép lạ xảy ra. Ngoài ra, hầu như ai cũng biết cây cọ cảnh thích Puccini hơn Verdi.

Thật thú vị, trong câu chuyện dưới đây, Bill, một người có vẻ giống môn đệ của Hume, đã thẩm định cả điều coi là phép lạ, nhưng rốt cuộc thì đi đến kết luận rằng phương án giải thích khác thậm chí còn khó tin hơn:

Một hôm Bill than phiền với người bạn rằng khuỷu tay anh ta rất đau. Người bạn khuyên anh ta đến gặp vị đạo sư

sống trong một cái hang gần đó. "Cậu chỉ việc để lại chút nước tiểu ở ngoài cửa hang, ông ấy sẽ quán tưởng về nó, sẽ chẩn đoán chuẩn xác bệnh của cậu, và nói cho cậu biết phải làm gì. Chỉ mất có mười đô la thôi."

Bill nghĩ cũng chẳng tốn kém mấy, nên lấy một ít nước tiểu vào bình rồi đặt ngoài cửa hang cùng tờ mười đô la. Hôm sau, anh quay lại, ở đó đã có mẫu giấy viết sẵn cho anh: "Anh bị đau khuỷu tay. Hãy ngâm cánh tay bằng nước ấm. Tránh nâng vật nặng. Sau hai tuần sẽ đỡ."

Tối muộn hôm đó Bill mới sức nghi

ngờ rằng "phép lạ" của đạo sư chỉ là trò bịp do anh bạn kia bày đặt ra, có thể chính anh ta đã viết mẫu giấy và để ngoài cửa hang. Nghĩ vậy, Bill bèn quyết định chơi lại anh bạn kia. Anh khoảng một chút nước vôi (robinet), một chút phân chó, cùng nước tiểu của vợ và con trai. Anh hoàn tất bằng cách thêm vào đó chút chất thải của chính mình rồi để hỗn hợp trước cửa hang cùng tờ mười đô la. Xong xuôi, anh mới gọi người bạn để bảo anh gặp vài vấn đề nữa về sức khỏe và đã để một mẫu khác cho đạo sư.

Hôm sau, anh quay trở lại hang và

thấy một mẫu giấy khác ghi rằng, "Nước vôi nhà anh quá nhiều tạp chất. Hãy kiểm một chiếc máy lọc. Con chó của anh có giun. Cho nó uống thuốc. Con trai anh đã dính cocain. Đưa nó đi cai nghiện. Vợ anh có song thai, con gái. Chúng không phải con anh. Tìm một luật sư. Còn anh nếu không chấm dứt tự sướng, cái tay đau sẽ không bao giờ khỏi."

Nhưng thông thường trong truyện cười cũng như trong triết học, những lý giải gây hoài nghi vẫn phổ biến hơn.

Ông lang già Bloom, chủ một tiệm đồ sắt trong vùng, nổi tiếng trị bệnh viêm khớp rất thần tình, bệnh nhân xếp hàng dài chờ ngoài cửa, trong đó có một bà già lưng còng, chống gậy lê từng bước.

Khi đến lượt, bà già bước vào phòng, nửa giờ sau đã bước ra, và thật kinh ngạc, lưng thẳng băng, đầu ngẩng cao.

Một bà đang đợi đến lượt mình kêu lên, "Kỳ diệu quá! Bà vào đây lưng còng mà sau nửa giờ bước ra lưng lại thẳng. Thầy lang đã làm gì vậy?"

Bà già đáp, "ông ấy cho tôi cái gậy

dài hơn."

Một người mù đương nhiên cũng có thể là người kinh nghiệm chủ nghĩa, như anh chàng sau đây, mặc dầu dữ liệu thị giác không có trong kinh nghiệm của anh ta:

Hôm ấy là lễ Quá hải, một người Do Thái đang dùng bữa trưa trong công viên. Chợt một người mù ngồi xuống bên cạnh, người Do Thái bèn mời người mù chia sẻ đồ ăn với mình - một miếng bánh không men. Người mù đón lấy miếng

bánh, sờ sẫm một lát rồi hỏi, "Ai viết những cuội gì thế này?"

Bánh không men (matozh) mỏng như giấy, do cách nướng đặc biệt nên nổi sần lên thành hàng như những hàng chữ khiến người mù tưởng là chữ nổi.

Còn anh chàng trong câu chuyện dưới đây mắc sai lầm ngớ ngẩn khi tưởng rằng người mù không thể kiểm tra thông tin khi sử dụng những giác quan khác:

Một người dắt chó vào quán bar gọi đồ uống. Người pha rượu nói, "ông

không được mang con chó đó vào đây!" Người kia không hề bối rối, đáp, "Nó là con chó dẫn đường của tôi đây."

"Ồ, tôi xin lỗi!" người pha rượu nói. "Đây, ly thứ nhất tôi mời nhé." Người kia cầm lấy ly rượu đến ngồi xuống một bàn gần cửa.

Lại có người nữa dắt chó đi vào quán bar. Người dắt chó lúc này ngăn anh ta lại khẽ nhắc, "Anh không được dắt chó vào đây đâu, trừ phi anh bảo với anh ta nó là chó dẫn đường." Người thứ hai nhã nhặn cảm ơn, tiếp tục đi đến quầy và gọi đồ uống. Người pha rượu nói, "Này, ông

không được mang con chó đó vào đây!"

Người đàn ông đáp, "Đây là con chó dẫn đường của tôi."

Người pha rượu nói, "Không, tôi không nghĩ thế. Không ai dùng Chihuahua làm chó dẫn đường cả."

Người đàn ông thoáng khựng lại nửa giây rồi kêu lên, "Hả?!?! Họ đưa cho tôi một con Chihuahua?!?"

CHỦ NGHĨA DUY TÂM ĐỨC

Nhưng nếu để tâm suy nghĩ, thì dù sao

mỗi vật thể cũng phải gắn với một cái gì đó khác nữa ngoài các dữ liệu giác quan chứ! Ấn đầu đó ở đằng sau nó chẳng hạn.

Triết gia Đức thế kỷ mười tám Immanuel Kant nghĩ vậy. Ông đọc các nhà kinh nghiệm chủ nghĩa Anh, và như ông diễn tả, họ đã làm ông thức tỉnh khỏi cơn mê giáo điều. Kant từng cho rằng trí óc của chúng ta có thể cho ta biết chắc thế giới thực sự thế nào. Nhưng các nhà kinh nghiệm chủ nghĩa đã chứng minh, vì tri thức của chúng ta về thế giới bên ngoài đến với chúng ta qua các giác quan, nên ở một mức độ nào đó, nó luôn

không chắc chắn. Một quả dâu chỉ đỏ và ngọt khi nó được kiểm tra bằng những công cụ nhất định - mắt và các nụ vị giác của chúng ta. Chúng ta biết một số người có cấu tạo nụ vị giác khác thường có thể không cảm thấy quả dâu ngọt. Vì vậy, Kant thắc mắc, quả dâu “tự thân” là gì mà có vẻ đỏ và ngọt - hoặc ở một trạng thái khác - khi đi qua công cụ cảm giác của chúng ta?

oOo

Có lẽ nhiều người trong chúng ta cho rằng khoa học có thể giúp ta biết một vật *tự thân thực sự là gì*, kể cả khi giác

quan của chúng ta bắt lực. Nhưng nếu để tâm suy nghĩ, ta sẽ thấy khoa học thực ra không thể đưa chúng ta đến gần hơn với quả-dâu-tự-thân. Thực tế thì khoa học không giúp ta khẳng định được rằng một cấu trúc hóa học nhất định của quả dâu và một cấu trúc thần kinh nhất định của con người kết hợp lại có thể quyết định quả dâu sẽ ngọt hay chua - và rằng cấu trúc hóa học này chính là cái mà quả dâu tự thân “thực sự là”. “Một cấu trúc hóa học nhất định” mà chúng ta nói đến đó thực ra là “hiệu quả mà ta quan sát được khi ta cho quả dâu đi qua những thiết bị

nào đó”. Cho quả dâu đi qua những thiết bị nào đó chỉ cho chúng ta biết quả dâu có vẻ như thế nào khi nó đi qua những thiết bị ấy, cũng như căn vào một quả dâu cho chúng ta biết quả dâu có vẻ như thế nào khi nó đi qua những nụ vị giác của chúng ta.

oOo

Kant kết luận rằng chúng ta không thể biết sự vật tự thân là gì. *Ding an sich*, vật-tự-thân, theo Kant là “bằng x” (ẩn số). Chúng ta chỉ có thể biết *thế giới hiện tượng*, thế giới của các biểu hiện

bên ngoài; chúng ta không thể biết gì về thế giới bản thể, siêu nghiệm ở phía sau các biểu hiện bên ngoài.

Với quan điểm đó, Kant đã thách thức vô số các luận thuyết triết học. Lý trí không thể cho ta biết về thế giới nằm bên ngoài giới hạn các cảm giác của ta. Kể cả vị Chúa-thư-ký-nhập-dữ-liệu của Berkeley, lẫn tất cả các giải thích siêu hình về thế giới đều không đem lại cho chúng ta hình dung chân thực về thế giới. Triết học từ nay không bao giờ còn như trước nữa.

Thư ký: Thưa bác sĩ , có một người vô hình trong phòng đợi.

Bác sĩ: Bảo là tôi không thể gặp anh ta được. (*)

(*)Chơi chữ:*I can't see him: không thể nhìn thấy, hay từ chối gặp.*

Có thể chuyện cười này không giúp bạn hiểu được những lý giải phân biệt thế giới hiện tượng và thế giới bản thể của Kant. Đó là vì nó đã bị rơi rụng ít nhiều khi chuyển ngữ. Đây là nguyên bản chúng tôi nghe được trong quán rượu tầng hầm của trường đại học Königsberg:

Thư ký: Herr Doktor (thưa bác sĩ), có một *ding an sich* trong phòng đợi.

Bác sĩ tiết niệu: Lại một *ding an sich*! Nếu hôm nay mà tôi thấy thêm một gã nữa thì tôi sẽ khóc thét lên mất! Ai vậy?

Thư ký: Làm sao tôi biết được?

Bác sĩ tiết niệu: Cô tả hẩn cho tôi.

Thư ký: Ông đang đùa à!



Chân dung một đình an sich

Bạn có nó rồi đây: một truyện cười chính hiệu về *sich* (vật tự thân).

Câu chuyện này sâu sắc hơn ta thoát tưởng. Cô thư ký đã chọn, vì một lý do nào đó chỉ có một mình cô rõ nhất, không chia sẻ với bác sĩ dấu hiệu cô biết về việc có một *ding an sich* trong phòng đợi. Dù dấu hiệu đó là cái gì, nó phải là mang tính *hiện tượng!*. (Nếu bạn vẫn đang theo sát chúng tôi nói gì). Cái gì mách nước cho cô? Phải là cái gì đó trong phạm vi các giác quan, có thể là giác quan *thứ sáu*, có thể chỉ là giác quan từ một đến năm, nhưng chắc chắn

nó là một giác quan theo nghĩa nào đó. Ở đây có một câu chuyện ẩn phía sau. Là cô thư ký đã hoàn thành luận án tiến sĩ về *Phê phán Lý tính Thuần túy* của Kant trước khi phát hiện ra rằng lựa chọn sự nghiệp thích hợp nhất với cô chính là nghề thư ký và công việc với nồi xoong bếp núc. Do đó, cô hiểu yêu cầu của bác sĩ, “tả hấn cho tôi”, không có nghĩa là “Cô đang trải nghiệm hiện tượng cảm tính nào?” mà là “hãy tả hấn như hấn vốn là, đằng sau những biểu hiện bề ngoài”. Dễ hiểu vì sao cô phật ý với yêu cầu này, mặc dù về sau cô đã bình tâm lại và

cưới Helmut, người em họ của bác sĩ, và đã nuôi nấng ba đứa con đáng yêu.

Đối với Kant và những nhà nhận thức luận sau ông, câu hỏi chúng ta có thể biết cái gì và biết nó như thế nào có thể được diễn giải thành: chúng ta có thể nói gì, *một cách đầy đủ ý nghĩa*, về việc chúng ta biết cái gì và biết nó như thế nào. *Loại mệnh đề nào về thế giới chứa đựng tri thức về thế giới?*

Kant bắt tay giải quyết nhiệm vụ trả lời câu hỏi đó bằng cách chia các mệnh đề ra làm hai phạm trù: phân tích và tổng hợp. Mệnh đề phân tích là mệnh đề đúng

theo định nghĩa. Mệnh đề “Tất cả thú mỏ vịt là động vật có vú” là mệnh đề phân tích. Nó không cung cấp thêm điều gì mới về bất kỳ con thú mỏ vịt có thật nào, ngoài những gì mà ta có thể biết được đơn giản bằng cách tra từ “thú mỏ vịt” trong từ điển. Trái lại, “Một số con thú mỏ vịt bị lác mắt” là mệnh đề tổng hợp. Nó cho chúng ta một thông tin mới về thế giới, bởi vì “bị lác mắt” không nằm trong định nghĩa về “thú mỏ vịt”. “Một số con thú mỏ vịt “bị lác

Chân dung một đấng an sich

mắt” nói với chúng ta thông tin về những con thú mỏ vịt mà chúng ta không thể tìm thấy bằng cách tra từ “thú mỏ vịt” trong từ điển.

Tiếp theo, Kant phân biệt mệnh đề *a priori* (tiên nghiệm) với *a posteriori* (hậu nghiệm). Các mệnh đề tiên nghiệm là mệnh đề mà chúng ta có thể thiết lập trên cơ sở thuần túy lý tính, không cầu viện đến kinh nghiệm cảm tính. Mệnh đề trên của chúng ta, “Tất cả thú mỏ vịt là những động vật có vú”, được coi là mệnh đề *tiên nghiệm*. Chúng ta không cần quan sát một đám thú mỏ vịt để thấy

điều đó đúng. Chúng ta chỉ cần tra trong từ điển. Phán đoán *hậu nghiệm*, trái lại, dựa trên kinh nghiệm cảm giác về thế giới. Mệnh đề “Một số con thú mỏ vịt bị lác mắt” chỉ có thể thiết lập được qua kết quả quan sát nhiều con thú mỏ vịt - hoặc của chính chúng ta, hoặc của người khác mà chúng ta tin cậy.

oOo

Đến đây chúng ta đã thấy những thí dụ về các mệnh đề phân tích *tiên nghiệm* (“Tất cả thú mỏ vịt là động vật có vú”) và mệnh đề tổng hợp *hậu nghiệm* (“Một số con thú mỏ vịt bị lác mắt”). Kant hỏi,

“Liệu có loại mệnh đề thứ ba, tổng hợp *tiên nghiệm* không?” Chúng sẽ cho chúng ta những tri thức mới về thế giới bên ngoài nhưng chỉ có thể được biết nhờ lý trí mà thôi. Các nhà kinh nghiệm chủ nghĩa đã ngụ ý rằng không tồn tại tri thức tổng hợp *tiên nghiệm*, vì nguồn gốc tri thức của chúng ta về thế giới bên ngoài là những kinh nghiệm cảm giác của chúng ta. Nhưng Kant nói, “Khoan đã! Thế còn những mệnh đề như ‘Mỗi sự kiện đều có một nguyên nhân’ thì sao?” Nó là tổng hợp: Nó nói với chúng ta một điều mới về thế giới vượt ra khỏi những

gì chứa trong định nghĩa về “nguyên nhân” và “sự kiện”. Nhưng nó cũng là *tiên nghiệm*, chỉ nhờ lý trí mà biết được, không phải từ kinh nghiệm. Thế là thế nào? Kant nói, “Bởi vì nó *phải* được giả định là đúng ngay cả nếu chúng ta *có* loại kinh nghiệm chỉ có thể nhận thức được bằng trí óc.” Nếu chúng ta không giả định rằng hoàn cảnh hiện tại có nguyên nhân từ một chuỗi những sự kiện diễn ra từ trước, chúng ta không thể cắt nghĩa bất cứ điều gì. Như vậy sẽ giống như sống trong bộ phim *Mulholland Drive*, trong đó các sự kiện diễn ra theo một trật tự

không mạch lạc. Chúng ta phải quên đi việc đưa ra *bất kỳ* loại phán đoán hoặc mệnh đề nào về thế giới bởi vì chúng ta không thể trông mong thế giới nhất quán từ phút này sang phút khác.

Có hàng trăm truyện cười xoay quanh sự nhầm lẫn giữa những mệnh đề phân tích *tiên nghiệm* với những mệnh đề tổng hợp *hậu nghiệm*:

Một cách đảm bảo trường thọ chắc chắn: mỗi ngày ăn một viên chả băm trong một trăm năm.

Cốt lõi của truyện cười này nằm ở chỗ nó đưa một “giải pháp” phân tích *tiên*

nghiệm cho một vấn đề cần đến một giải pháp tổng hợp *hậu nghiệm*. Câu hỏi về một cách chắc chắn để sống lâu rõ ràng cần đến một số thông tin về thế giới. “*Kinh nghiệm* cho thấy điều gì dẫn đến trường thọ?” Chúng ta chờ đợi một câu trả lời đại loại “bổ thuốc lá” hay là “uống 400 miligam Co-Enzyme Q-10 (Chất bổ sung dinh dưỡng, có tác dụng chống lão hóa, phòng chống bệnh tật) lúc đi ngủ”. Nhưng ở đây câu trả lời là phân tích, với một chút lạc đề về thịt băm viên làm trí óc của bạn mù mịt. “Để trường thọ, hãy sống một trăm năm, bởi vì một trăm năm, theo định nghĩa thông thường, là trường thọ. Ăn chút thịt viên nữa. Như thế không gây hại cho bạn đâu.” (Ồ, có lẽ tất cả

những chất béo chuyển hóa trong thịt băm viên *có thể* gây hại, nhưng tất nhiên là không hại, nếu bạn ăn được một trăm năm).

Một truyện khác nữa:

Joe: Đúng là một ca sĩ huyền thoại, nhỉ?

Blow: Ha! Nếu tôi mà có giọng của anh ta, tôi cũng hát hay như thế.

Vẫn cùng một kiểu. Điều chúng ta *ngụ* ý khi nói “ca sĩ huyền thoại” là người có giọng hát tuyệt vời - thứ mà một nghệ sĩ

biểu diễn đương nhiên phải có. Do đó, tuyên bố của Blow “Nếu tôi có giọng của anh ta, tôi cũng hát hay như thế”, không cho chúng ta biết thêm điều gì mới về khả năng ca hát của Blow. Câu nói của Blow thực ra là: “Nếu tôi là một ca sĩ huyền thoại, tôi sẽ là một ca sĩ huyền thoại.” Và nếu điều đó không đúng theo định nghĩa, thì chẳng có gì đúng.

Còn đây là một minh chứng phức tạp hơn khi người ta lẫn lộn mệnh đề tổng hợp *hậu nghiệm* và mệnh đề phân tích *tiên nghiệm*:

Một người thử bộ đồ đặt may và nói với thợ may, "Tôi muốn ống tay áo này ngắn bớt đi một chút! Nó dài quá đến năm phân!"

Người thợ may nói, "Không cần đâu, anh cứ gập khuỷu tay lại như thế này này. Đây, nó sẽ kéo ống tay áo lên."

Người kia nói, "Thôi được, nhưng nhìn cái cổ áo xem! Khi tôi co khuỷu tay, thì cổ áo xóc lên đến nửa đoạn gáy."

Người thợ may nói, "Vậy sao? Thế thì anh hãy ngẩng cao đầu và ngửa ra sau. Tuyệt lắm."

Người kia nói, "Nhưng bây giờ vai trái thấp hơn vai phải đến bảy phân!"

Người thợ may nói, "Không thành vấn đề. Anh lệch eo lưng qua trái một chút nó lại bằng ngay."

Người kia mặc bộ đồ ra khỏi tiệm may, khuỷu tay phải gập, đầu ngả ra sau, thân mình đổ nghiêng qua trái. Anh ta chỉ có thể đi theo lối cà giựt, co quắp như người liệt.

Đúng lúc đó, có hai người đi đường đề ý đến anh ta.

Người thứ nhất nói: "Trông anh chàng

tật nguyên tội nghiệp chưa kìa. Tôi thấy thương quá."

Người thứ hai nói: "ừ, nhưng thợ may của anh ta tài quá! Bộ đồ đó vừa khít với anh ta không chê vào đâu được!"

Tổng hợp đối lập phân tích, phải không? (Và ở đây chúng ta không bàn đến vải.) Người lạ mặt đó nghĩ, “Người thợ đã may cho anh ta bộ đồ vừa khít không chê vào đâu được.” Đây là một mệnh đề tổng hợp *hậu nghiệm* có mục đích thông qua quan sát để cung cấp thông tin về người thợ may và tay nghề

của ông ta thể hiện qua bộ đồ. Nhưng đối với người thợ may, “Bộ đồ tôi may là bộ đồ vừa khít không chê vào đâu được” thật ra là một mệnh đề phân tích. Với người thợ may, câu nói đó không khác gì, “Bộ đồ tôi may là một bộ đồ tôi may”: vì *bất cứ* bộ đồ nào người đàn ông kia mặc thử cũng sẽ vừa khít với anh ta, do người thợ may đã làm cho người kia vừa khít với bộ đồ.

CHIẾC ĐỒNG HỒ CỦA KANT

Kant gán cho lý tính thuần túy tầm quan trọng hàng đầu, đến mức ông thấy

kinh nghiệm cá nhân không mấy cần thiết trong việc giải quyết các vấn đề về tri thức. Vì thế, ông không bao giờ mạo hiểm ra khỏi thành phố quê hương Königsberg và sống một cuộc đời cô độc với những thói quen cực kỳ đều đặn, chẳng hạn đi dạo hằng ngày sau bữa chiều. Người ta nói rằng dân chúng Königsberg đặt giờ đồng hồ của họ theo vị trí mà Giáo sư Kant đến ở thời điểm đó trong cuộc đi dạo hằng ngày ngược xuôi trên cùng con phố (về sau nổi tiếng với tên gọi *Philosophengang*, *Phố đi dạo của Triết gia*).

Một chuyện khác ít được biết hơn, (có lẽ vì nó có thể không đúng) là người kéo chuông nhà thờ lớn ở Königsberg cũng chỉnh giờ đồng hồ trên tháp nhà thờ bằng cách theo dõi khi nào Kant bắt đầu cuộc đi dạo hàng ngày, và *Kant đến lượt mình cũng sắp đặt* thời gian đi dạo của mình theo giờ đồng hồ trên tháp nhà thờ.

Hãy bàn về sự lẫn lộn giữa phân tích và tổng hợp! Cả Kant lẫn người kéo chuông nhà thờ đều tin rằng họ đang nhận thông tin mới bằng cách quan sát hành vi của nhau. Kant cho rằng, nhìn đồng hồ tháp ông sẽ biết giờ chuẩn chính thức của

Đức, mà giờ chuẩn chính thức của Đức thì được xác lập tương ứng với vòng quay của Trái Đất. Người kéo chuông nghĩ rằng bằng cách quan sát cuộc đi bộ hằng ngày của Kant, ông sẽ biết giờ chuẩn của Đức, vì ông tin vào tính đúng giờ cố hữu của Kant. Thực tế, mỗi người đều đơn giản đi đến một kết luận phân tích, đúng theo định nghĩa. Kết luận của Kant: “Tôi đi dạo vào lúc 15:30 thực ra là một mệnh đề phân tích “Tôi đi dạo khi tôi đi dạo,” - vì Kant xác định thời gian là 15:30 nhờ một chiếc đồng hồ được chỉnh theo cuộc đi dạo của ông. Kết luận

của người kéo chuông nhà thờ, “Đồng hồ của tôi đúng,” thật ra là “Đồng hồ của tôi chỉ giờ mà đồng hồ của tôi chỉ,” - bởi vì tiêu chí để ông đánh giá độ chính xác trên chiếc đồng hồ của mình là cuộc đi dạo của Kant, mà cuộc đi dạo lại dựa theo giờ khắc mà chiếc đồng hồ thể hiện.

TRIẾT HỌC VỀ TOÁN HỌC

Vậy còn nhận xét sắc sảo $2 + 2 = 4$ của Dimitri nói lên điều gì? Có phải đó là một mệnh đề phân tích, đúng theo định nghĩa? Liệu có phải tổng của 2 với 2

thuộc về định nghĩa của số 4 không? Hay nó là tổng hợp? Nó có cung cấp cho ta hiểu biết mới về thế giới không? Có phải chúng ta đạt tới kết luận đó bằng cách đếm hai vật rồi lại đếm thêm hai vật nữa và sau đó, đếm toàn bộ không? Thổ dân bộ lạc Voohoona ở vùng núi hẻo lánh ở Australia làm đúng như vậy.

Một người Voohoona nói với nhà nhân loại học phương Tây: $2 + 2 = 5$. Nhà nhân loại học hỏi anh ta biết điều đó bằng cách nào. Anh thổ dân đó đáp, "Tất nhiên là bằng cách đếm. Đầu tiên tôi

buộc hai cái nút trên một sợi dây thừng. Sau đó tôi buộc hai cái nút nữa trên một sợi dây thừng khác. Khi tôi buộc hai sợi dây lại với nhau, tôi có năm cái nút."

Triết học về toán học hầu như hoàn toàn mang tính kỹ thuật và rất khó. Điều duy nhất bạn thật sự cần biết là, khi nói đến toán học, có ba loại người: những người biết đếm và những người không biết đếm.

CHỦ NGHĨA THỰC DỤNG

Đối với một nhà thực dụng chủ nghĩa theo tinh thần nhận thức luận như triết gia Mỹ cuối thế kỷ mười chín William James, chân lý của một mệnh đề nằm ở hệ quả thực tế của nó. Theo James, chúng ta *chọn* chân lý của mình bởi điều khác biệt nó sẽ tạo nên trong thực tế. Chúng ta nói định luật hấp dẫn của Newton là đúng không phải vì nó phù hợp với cái cách sự vật “thật sự là” mà bởi vì nó đã chứng tỏ là *có ích* trong việc tiên đoán hoạt động của hai vật thể tương quan với nhau ở nhiều loại tình huống khác nhau: “Này, tôi cá rằng

những quả táo sẽ rơi xuống ngay cả ở New Jersey.” Cái ngày mà một lý thuyết không còn có ích nữa là ngày chúng ta sẽ thay thế nó bằng một lý thuyết khác.

Một phụ nữ báo với cảnh sát rằng chồng mình mất tích. Khi cảnh sát yêu cầu mô tả, bà ta nói:

“Ông ấy cao một mét tám lăm, vạm vỡ, tóc quăn, dày.”

Bạn bà ta nói, "Bà đang nói cái gì đây? Chồng ba cao một mét sáu, hói đầu và phệ bụng cơ mà?"

Ba ta đáp, "Ai cần cái người như thế trở về chứ?"

Đoạn đó thì nhiều người biết. Có thể chính bạn cũng đã nghe rồi. Nhưng đoạn đối thoại tiếp theo sau đây thì ít được biết đến hơn:

Viên cảnh sát nói, "Thưa bà, chúng tôi đang yêu cầu bà mô tả chồng phù hợp với người chồng thật của bà."

Người đàn bà đáp, "Phù với hợp cái gì! Sự thật không thể được xác định chỉ dựa theo các tiêu chí nhận thức luận, bởi

vì các tiêu chí ấy không thể thỏa đáng nếu được xác định mà không tính đến mục tiêu được tìm kiếm và những giá trị được nắm giữ. Tức là nói tóm lại, sự thật là thứ mang lại sự thỏa mãn, mà thế có Chúa, ông chồng tôi không được như thế."

HIỆN TƯỢNG LUẬN

Sau khi bay lên những đỉnh cao trù tượng, triết học lại hạ cánh bằng cuộc tiếp đất nhẹ nhàng xuống những kinh nghiệm bình thường của đời sống thường

nhật. Điều này xảy ra với nhận thức luận vào đầu thế kỷ hai mươi, khi các nhà hiện tượng luận tranh cãi “biết một cái gì đó” thực sự nghĩa là gì. Là một phương pháp luận hơn là tập hợp các nguyên lý triết học, hiện tượng luận tìm cách hiểu kinh nghiệm con người như nó đang sống chứ không như những dữ liệu khách quan. Cách tiếp cận này giống của một tiểu thuyết gia hơn là của một triết gia thiên về trừu tượng.

Từ tiếng Đức *einfihlung* có nghĩa là “thấu cảm” hay “đồng cảm” được các nhà hiện tượng luận như Edmund Husserl

dùng để nói về phương pháp nhận thức tìm cách thâm nhập vào kinh nghiệm của người khác để tri giác thế giới theo cùng cách mà người đó tri giác; hay nói cách khác là đặt mình vào vị trí của người khác.

"Bác sĩ Janet," người phụ nữ bối rối nói. "Tôi có vấn đề về tình dục. Chồng tôi không thể làm tôi hưng lên được."

Bác sĩ Janet nói, "Thôi được, ngày mai tôi sẽ khám kỹ. Hãy đưa cả chồng chị đến nhé."

Hôm sau, người phụ nữ đến cùng với

ông chồng. "Xin hãy cởi quần áo ra, ông Thomas," bác sĩ nói. "Bây giờ hãy xoay một vòng. Tốt lắm, còn bây giờ xin hãy nằm xuống. À-há, tôi thấy rồi. Xong rồi, ông có thể mặc lại quần áo."

Bác sĩ Janet kéo người phụ nữ sang một bên. "Chị hoàn toàn khỏe mạnh," cô nói. "ông ấy cũng không làm tôi hứng lên được."

DIMITRI: Phải công nhận, Tasso ạ, cái món nhận thức luận này đáng để biết lắm.

TASSO: Đáng? Về phương diện nào?

Cậu nói “đáng” ý là sao?

DIMITRI: Trước khi trả lời, tôi có một câu hỏi cho cậu. Cậu có biết “nhọt mông” nghĩa là gì không?

IV

ĐẠO ĐỨC HỌC

Phân định tốt xấu là lĩnh vực của Đạo Đức học. Đó cũng là việc khiến các bậc tu hành, học giả hay những người làm cha mẹ bận rộn. Rủi thay trẻ em và các triết gia cũng bận bịu: họ không ngừng hỏi các vị tu hành, học giả hay

những người làm cha mẹ, “Tại sao?”

DIMITRI: Tôi đã suy nghĩ về câu hỏi của cậu, “tốt” nghĩa là gì, và tớ đã có câu trả lời: tốt là hành động theo nguyên tắc đúng.

TASSO: Trời đất, Dimitri, ngạc nhiên quá, cậu bắt đầu nói y như một triết gia thực thụ rồi. Chỉ một câu hỏi cuối cùng nữa: Làm sao cậu xác định được những nguyên tắc đúng?

DIMITRI: À ừ! Thì cũng như mọi người thôi, tôi học chúng từ mẹ.

TASSO (ngoảnh sang bên nói khẽ):
Sao Socrates lại có được toàn những
môn đệ hạng “A” nhỉ?

oOo

ĐẠO ĐỨC TUYỆT ĐỐI: LUẬT CHÚA

Luật Chúa làm cho vấn đề đạo đức
học thành đơn giản: Nếu Chúa bảo cái gì
sai thì nó *là* sai, trọn vẹn và tuyệt đối.
Luật chỉ viết có thế. Nhưng ở đây lại nảy
sinh vấn đề phức tạp. Trước hết, làm sao

chúng ta có thể biết Chúa thật sự nghĩ gì? Những tín đồ chính thống đáp: Kinh Thánh nói vậy. Nhưng làm sao các nhân vật trong Kinh Thánh biết dấu hiệu họ nhận được thật sự là từ Chúa? Abraham nghĩ ông được Chúa kêu gọi hy sinh đứa con trai trên bàn thờ. Abraham suy nghĩ, “Nếu Chúa nói thế, thì mình hãy làm như thế.” Nghi vấn triết học đầu tiên chúng ta đặt ra cho Abraham là, “Ông sao thế, điên à? Ông nghe ‘Chúa’ khiến ông làm chuyện điên rồ, mà thậm chí ông không cần hỏi để biết có thật là Chúa không?”

Một vấn đề khác của việc tuân theo

Luật Chúa nằm ở sự diễn dịch. Nên thể hiện lòng tôn kính đối với cha mẹ như thế nào cho phải? Một tấm thiệp nhân Ngày của Mẹ? Hay kết hôn với anh chàng tẻ nhạt con nhà nha sĩ vì cha mẹ đáng kính của bạn muốn bạn làm vậy? Những câu hỏi này hoàn toàn không phải là đi quá sâu vào chi tiết, khi cậu con nhà nha sĩ cao mét rưỡi và nặng tạ hai.

Đặc tính đầu tiên của Luật Chúa là Chúa luôn luôn có tiếng nói cuối cùng.

Moses lê bước từ đỉnh Sinai xuống, bảng đá trong tay, và loan báo với đám

đông đang tụ tập: "Ta có tin lành, và cũng có tin dữ. Tin lành là ta đã khiến Người rút xuống còn mười điều răn. Tin dữ là 'tội ngoại tình' vẫn còn đó."

oOo

Thánh Augustine trẻ trung và cường tráng rõ ràng đã cố gắng có cuộc thương lượng tương tự khi thốt lên câu nổi tiếng này, “Lạy Chúa, xin hãy ban cho con sự trinh bạch. Nhưng không phải *ngay lúc* này!” Rõ ràng Augustine đang hơi cố bắt bẻ tỉ mẩn theo kiểu Talmud. “Con muốn

nói rằng, Chúa không nói chính xác *khi nào* thì đừng phạm tội ngoại tình, phải không?” Nghe như truyện tiểu lâm vậy.

ĐẠO ĐỨC KIỂU PLATO

Trong tác phẩm trứ danh của mình, *Cộng hòa*, Plato viết “Nhà nước chính là một linh hồn”. Bởi vậy để bàn về đức hạnh cá nhân, ông đã viết một đoạn đối thoại về phẩm hạnh của nhà nước lý tưởng. Ông gọi các nhà lãnh đạo của nhà nước này là các đảng Quân vương Triết gia, điều này cho thấy tại sao Plato rất

được các triết gia ưa thích. Những ông Vua Triết gia ấy dẫn dắt quốc gia như Lý trí dẫn dắt linh hồn con người. Đức hạnh hàng đầu, của cả Vua Triết gia và Lý trí, là Thông tuệ - theo Plato định nghĩa là hiểu được ý niệm về tính Thiện. Tuy nhiên, tính thiện của người này lại là mỗi ngon của người khác.

Trong cuộc họp khoa của trường đại học, bỗng có một thiên sứ xuất hiện, nói với ông trưởng Khoa Triết: "Tôi sẽ ban cho ngài một trong ba điều ước để lựa chọn: Sự Thông tuệ, sắc đẹp hoặc mười

ngàn đô la."

Vị giáo sư lập tức chọn Thông tuệ.

Một ánh chớp lóe lên và vị giáo sư dường như đã biến đổi, nhưng ông vẫn ngồi đấy, dăm chiêu nhìn xuống bàn. Một trong những đồng nghiệp của ông thì thầm, "ông nói cái gì đi chứ."

Vị giáo sư nói, "Lẽ ra tôi nên chọn đô la."

THUYẾT KHẮC KỶ

Vấn đề đạo đức mà những nhà khắc kỷ ở thế kỷ thứ tư trước Công nguyên quan

tâm là phải phản ứng thế nào với xu thế thống trị của thuyết định mệnh, vốn là đặc trưng cho cuộc sống trong một đế chế bị kiểm soát ngặt nghèo. Họ không thể thay đổi bất kỳ điều gì trong cuộc sống hằng ngày, nên quyết định thay đổi thái độ đối với chính cuộc sống. Họ chỉ còn có cách kiểm soát cá nhân. Phái Khắc kỷ lựa chọn chiến lược tách cảm xúc khỏi cuộc sống. Họ gọi thái độ của họ là *apathia* (vô cảm xúc), và đối với người khắc kỷ, vô cảm xúc là đức hạnh, mặc dù điều đó biến họ thành trò cười trong các quán rượu địa phương. Những

người khắc kỷ tự nguyện chối bỏ một số khoái lạc (tình dục, ma túy, và rượu chè) để tránh những điều bất hạnh mà những đam mê của bản thân mang lại (bệnh tình dục, say xỉn, và nói năng bừa bãi). Họ chỉ hành động theo lý trí, không bao giờ theo đam mê, và coi mình là những người duy nhất thực sự hạnh phúc - mặc dù điều này chỉ nói lên rằng họ không-bất-hạnh.

Trong câu chuyện sau đây, ông Cooper thể hiện một dạng khắc kỷ hiện đại: khắc kỷ qua ủy nhiệm.

Vợ chồng nhà Cooper tới tiệm nha khoa, ở đây ông Cooper cho biết ông đang rất vội. "Khỏi cần dùng mấy thứ rườm rà đó, bác sĩ ạ!" ông yêu cầu. "Không gây tê, không tiêm hay gì gì hết, ông cứ nhổ cái răng ra là được rồi."

"Ước gì tôi có nhiều bệnh nhân khắc kỷ như ông nhỉ," nha sĩ thán phục thốt lên. "Đâu, ông nhổ chiếc răng nào?"

Ông Cooper quay sang vợ. "Há miệng ra đi cưng."

oOo

G K. Chesterton từng viết: “Từ ‘tốt’ có nhiều nghĩa. Chẳng hạn, nếu một gã sắp bắn mẹ của hấn từ khoảng cách năm trăm mét, tôi có thể gọi hấn là một tay súng tốt, nhưng không nhất thiết là con người tốt.” Cái hạn định “nhất thiết” kia chứng tỏ Chesterton sử hữu bộ óc triết học thực thụ.

Gilbert Keith Chesterton (1874-1936): nhà văn, nhà thơ, triết gia người Anh.

THUYẾT VỊ LỢI

Tất cả chúng ta đều biết lãnh tụ nổi tiếng thể kỷ hai mươi Vladimir Lenin

từng nói, “Mục đích biện minh cho phương tiện.” Thật trớ trêu, câu này khá gần với quan điểm của một trong những triết gia yêu thích của nhóm vận động theo Đảng Cộng hòa, John Stuart Mill. Mill và những nhà vị lợi chủ nghĩa đề xuất một thứ đạo đức học “vị kết quả”: Sự đúng đắn về mặt đạo đức của một hành động chỉ được xác định bằng kết quả của nó.

Nhân vật chính trong câu chuyện sau đây rõ ràng là một người vị lợi:

Bà O’Callahan đề nghị ông họa sĩ đã

vẽ xong chân dung mình vẽ thêm đôi vòng vàng trên hai cổ tay, một chuỗi hạt trên châu quanh cổ, đôi bông tai hồng ngọc, và một mũ miện bằng kim cương.

Họa sĩ lưu ý bà rằng làm thế khác nào nói dối.

Bà O'Callahan nói, "Anh biết không, chồng tôi đang chạy theo một cô ả tóc vàng. Sau khi tôi chết, tôi muốn nó phát rồ lên mà đi tìm những món châu báu này."

Lối biện minh này có thể khiến chúng ta thỏa hiệp với những vấn đề nghiêm

trọng, nếu cảm thấy kỳ vọng được vào những kết quả đủ “tốt”.

Bà quả phụ Brevoort đang dạo vắn vơ bên hồ bơi ở câu lạc bộ thì trông thấy một anh chàng đẹp trai đang tắm nắng. Bà rụt rè đến gần anh ta và thốt lên, "Ồ, tôi không nghĩ mình đã từng trông thấy anh ở đây."

"Có lẽ vậy, người kia nói. "Tôi đã ở tù ba mươi năm."

"Thật không? Vì tội gì?"

"Tôi giết vợ."

"A!" bà Brevoort vui mừng. "Có nghĩa là anh đang độc thân!"

Triết gia vị lợi đương đại nổi tiếng Peter Singer thường so sánh để tìm sự giống nhau giữa các quyết định mà chúng ta đều đồng ý là dẫn đến hậu quả khủng khiếp và các quyết định có vẻ nhân từ hơn - về mặt đạo đức ông cho rằng chúng như nhau. Trong một tiểu luận, ông đặt ra tình huống trong đó một người có thể kiếm tiền mua ti vi mới bằng cách bán một đứa trẻ vô gia cư cho một nghiệp đoàn thu mua nội tạng để cấy ghép.

Khủng khiếp, tất cả chúng ta đều nhất trí. Nhưng Singer lại lập luận tiếp, rằng khi một người lại đi mua ti vi mới thay vì góp số tiền đó cho quỹ từ thiện bảo vệ trẻ em vô gia cư, về bản chất hành động của anh ta là y hệt người kia. Bạn có thấy ghét khi ông ấy nói như vậy không? Đó là một lập luận loại suy đi từ trường hợp kịch tính cá biệt đến một tuyên bố đạo đức chung, giống như trong truyện cười kinh điển sau đây:

Chàng: Em có chịu ngủ với anh lấy một triệu đô la không?

Nàng: Một triệu đô ư? Chà! Em nghĩ là có.

Chàng: Thế hai đô la thì sao?

Nàng: Biến đi, ông kỉnh! Anh nghĩ tôi là hạng người nào chứ?

Chàng: Hạng người nào thì chúng ta đã xác định xong rồi. Bây giờ chỉ là thỏa thuận xem giá cả thế nào thôi.

MỆNH LỆNH TUYỆT ĐỐI TÔI CAO
VÀ
QUY TẮC VÀNG CỔ XƯA

Nguyên tắc bao quát của Kant, tiêu chuẩn cho tất cả các châm ngôn đạo đức khác, là cái mà ông gọi là “mệnh lệnh tuyệt đối tối cao”. Thoạt nghe qua, mệnh lệnh này có vẻ như phiên bản tân trang của một quy tắc vàng cổ xưa.

Quy tắc vàng: “Hãy làm cho người khác điều mà anh muốn người khác làm cho anh.”

Mệnh lệnh tuyệt đối tối cao: “Hãy chỉ hành động theo châm ngôn nào mà anh đồng thời có thể muốn nó trở thành quy luật phổ quát.”

Tất nhiên, diễn đạt của Kant nghe nhất định là lạnh lùng hơn. Bản thân thuật ngữ “mệnh lệnh tuyệt đối tối cao” nghe đầy chất Đức. Nhưng Kant không làm khác được, ông *là* người Đức.

Tuy nhiên, mệnh lệnh tuyệt đối và quy tắc vàng *thực sự* có chung một lãnh địa khá rộng lớn trong triết học:

- Cả hai đều không phải là quy tắc cho bất cứ hành động cụ thể nào, chẳng hạn như “Hãy kính trọng cha mẹ!” hay “Hãy ăn rau chân vịt!”

- Thay vào đó, cả hai cung cấp các

nguyên tắc trừu tượng để xác định hành động cụ thể nào là đúng và hành động nào là sai.

- Trong cả hai trường hợp, các nguyên tắc trừu tượng này nêu quan điểm mọi người đều giá trị ngang với bạn và tôi, do đó, về mặt đạo đức nên đối xử với tất cả mọi người như đối với bạn và tôi... đặc biệt là như đối với tôi.

Nhưng giữa mệnh lệnh tuyệt đối và quy tắc vàng có một khác biệt cơ bản - và nó đã được lột tả rất xuất sắc trong câu chuyện cười ngắn sau đây:

Kẻ bạo dâm là một kẻ khỗ dâm tuân theo nguyên tắc vàng.

Khi làm đau người khác, kẻ khỗ dâm chỉ thực hiện điều mà nguyên tắc vàng đòi hỏi: làm cho người khác điều y muốn người khác làm cho y, với một ngọn roi thì càng thích. Nhưng Kant có lẽ sẽ nói rằng khó có kẻ khỗ dâm nào dám thành thực tuyên bố rằng mệnh lệnh đạo đức “làm đau người khác”, có khả năng trở thành nguyên tắc chung cho một thế giới đáng để sống. Thậm chí người khỗ dâm cũng thấy điều đó là phi lý.

Những kiến giải tương tự đã dẫn nhà soạn kịch người Anh George Bernard Shaw đến chỗ giễu nhại quy tắc vàng như sau:

"Đừng làm cho người khác điều mà anh muốn người khác làm cho anh; họ có thể có sở thích khác."

oOo

Những biến thể của quy tắc vàng được bắt gặp không chỉ ở Kant, mà cả trong nhiều truyền thống tôn giáo trên khắp thế giới:

HINDU GIÁO (khoảng thế kỷ mười ba trước C.N): Đừng làm cho kẻ khác những gì mình không muốn kẻ khác làm cho mình...Đây là toàn bộ Dharma (Pháp). Hãy nhớ kỹ.

Mahabharata

Trong triết học Ấn Độ, Dharma (Pháp - luật và giáo pháp nói chung) có nhiều tầng ý nghĩa, được hiểu và giải thích từ những góc độ khác nhau. Theo truyền thống Hindu giáo, một người thực hành đúng Pháp là thực hành theo những gì đã được quy định trong các thánh điển. Trong Mahabharata, thực hành Pháp là thực hành theo tám nguyên tắc: sùng kính thần linh, học hỏi, bố thí, khổ hạnh, chân thật, tha thứ, từ mẫn và

không tham lam..

DO THÁI GIÁO (khoảng thế kỷ mười ba trước C.N): Điều người không ưa thì chớ làm cho người bên cạnh; đó là toàn bộ Torah (Năm quyển đầu của bộ *Kinh Thánh Do Thái*, thường gọi là *Luật Giao Ước* hay *Ngũ Kinh của Moses*); phần còn lại đều là bình chú; hãy học lấy điều này.

Talmud Babylone

HỎA GIÁO (khoảng thế kỷ mười hai trước C.N): Bản tính con người chỉ là thiện khi không gây cho kẻ khác bất kỳ điều gì không là thiện đối với chính

mình.

Dadistan-i-Dinik

PHẬT GIÁO (khoảng thế kỷ sáu trước C.N): Đừng gây cho người khác nỗi đau mà chính anh cảm thấy là đau đớn.

Dhammapada Tây Tạng (Kinh Pháp
Cú)

KHÔNG GIÁO (khoảng thế kỷ sáu trước C.N): Kỵ sở bất dục vật thi ư nhân (Điều gì mình không muốn thì đừng làm cho người khác).

Khổng Tử (Luận Ngữ)

HỒI GIÁO (khoảng thế kỷ bảy):

Không ai trong các người thành tín đồ được cho tới khi các người muốn cho người khác những gì các người muốn cho chính mình.

“Sunnah”, trích *Hadith*

BAHÁ'Í (khoảng thế kỷ mười chín):

Chớ gây cho bất kỳ ai khác điều người sẽ không tự gây ra cho chính mình, và chớ nói với bất kỳ ai điều người sẽ không nói với mình. Đây là mệnh lệnh của ta dành

cho người, hãy tuân thủ.

Bahá'u'lláh, *Ấn Ngũ*

THUYẾT SOPRANO (thể kỹ hai mươi một) Hãy nện gã bên cạnh anh với lòng kính trọng mà anh muốn được hưởng khi bị nện, hiểu chưa?

Câu thoại của nhân vật Tony Soprano, một tên tội phạm người Mỹ gốc Ý trong bộ phim truyền hình nổi tiếng *The Sopranos* (đạo diễn David Chase).

Ý CHÍ QUYỀN LỰC

Triết gia Đức thế kỷ mười chín Friedrich Nietzsche liều lĩnh tuyên bố rằng ông đang bắt đạo đức Cơ Đốc truyền thống phải dõng tai lên. Ông đã bắt đầu nhỏ nhẹ, bằng cách loan báo cái chết của Chúa. Chúa trả đũa bằng cách loan báo, trên những bức tường ngăn vệ sinh nam trong khu đại học, cái chết của Nietzsche. Điều Nietzsche muốn nói qua cái chết của Chúa là nền văn hóa phương Tây đã lớn vượt lên những giải thích siêu hình về thế giới cũng như nền đạo đức Cơ Đốc song hành. Ông gọi giáo lý Cơ Đốc là "luân lý bày đàn", bởi vì nó

truyền dạy một thứ “đạo đức phi tự nhiên” – rằng làm một con đực số một thống trị bầy đàn là tội tệ. Ông thay thế đạo đức Cơ Đốc bằng thứ đạo đức sức mạnh đã được khẳng định bởi cuộc sống, mà ông gọi là ý chí quyền lực. Cá nhân kiệt xuất, *Übermensch* hay siêu nhân, đứng trên đạo đức bầy đàn và hoàn toàn xứng đáng tự do thể hiện sức mạnh tự nhiên và sự vượt trội của mình đối với bầy đàn. Khi vấn đề liên quan đến quy tắc vàng, Friedrich rõ ràng là thành viên của trường phái Tony Soprano. Hệ lụy là Nietzsche bị gán trách nhiệm cho đủ thứ,

từ chủ nghĩa quân phiệt cho đến món dưa
bắp cải Đức:

Vấn đề của thực phẩm Đức là, dù bạn
ăn bao nhiêu đi chăng nữa, sau một giờ
bạn đã đói quyền lực.

CHỦ NGHĨA DUY CẢM

Đến giữa thế kỷ hai mươi, phần lớn
các khuynh hướng triết đạo đức học đều
là siêu đạo đức học. Thay vì hỏi, “Hành
động nào tốt?” giờ đây các triết gia hỏi,
“Nói một hành động là tốt *có nghĩa* là

gì? Có phải ‘x tốt’ chỉ có nghĩa là ‘tôi tán thành x’? Hay phải chăng ‘x tốt’ biểu thị một cảm xúc mà tôi có khi quan sát x hoặc nghĩ về x?” Quan điểm cuối này, được biết dưới tên gọi chủ nghĩa duy cảm, biểu hiện qua câu chuyện sau đây:

Một người viết một bức thư cho Sở Thuế rằng: "Tôi mất ngủ khi biết mình gian lận thuế thu nhập cá nhân. Tôi đã giấu giếm bớt thu nhập chịu thuế của mình nên gửi kèm theo đây tờ séc 150\$. Nếu vẫn mất ngủ, tôi sẽ gửi tiếp số còn lại."

ĐẠO ĐỨC HỌC ỨNG DỤNG

Ngay khi các suy tưởng siêu đạo đức học về ý nghĩa của ngôn từ “tốt” bắt đầu mất dần sức lôi cuốn, thì *thi hành* đạo đức một lần nữa trở nên hợp mốt, và các triết gia lại lần nữa viết về những hành động cụ thể nào là tốt. Đạo đức sinh học, đạo đức nữ quyền, và đạo đức về đối xử đúng đắn với động vật đã trở thành bắt buộc.

Một kiểu mẫu đạo đức ứng dụng rất phát triển ở thế kỷ hai mươi là đạo đức

nghe nghiệp, chính là các chuẩn tắc điều chỉnh mối quan hệ của những người làm nghề đối với khách hàng và bệnh nhân.

Sau hội nghị đạo đức nghề nghiệp, bốn bác sĩ tâm thần cùng nhau bước ra. Một người nói, "Mọi người lúc nào cũng mang theo gánh nặng tội lỗi và âu lo của họ đến với chúng ta, còn chúng ta chẳng có ai để bày tỏ những vấn đề của mình cả. Sao lúc này chúng ta không dành chút thời gian để lắng nghe nhau thổ lộ nhỉ?" Ba người kia nhất trí.

Bác sĩ tâm thần thứ nhất thú nhận,

"Tôi gần như không thể nào kiểm soát nổi ý muốn giết bệnh nhân của mình."

Bác Sĩ tâm thần thứ hai nói, "Tôi luôn tìm cách lừa tiền bệnh nhân khi có dịp."

Người thứ ba, "Tôi dính vào buôn bán ma túy và thường nhờ bệnh nhân bán hộ."

Đến lượt bác sĩ tâm thần thứ tư thú nhận, "Các ông biết không, dù cố đến mấy, tôi hầu như không cách nào giữ kín được một bí mật."

HÀNG THỊT ĐẠO ĐỨC



Mỗi chuyên ngành y khoa phát huy những nguyên tắc đạo đức riêng của mình.

Bốn thầy thuốc cùng nhau đi săn vịt trời: một bác sĩ gia đình, một bác sĩ phụ khoa, một nhà phẫu thuật, một nhà bệnh lý học. Khi một con chim bay qua trên đầu, bác sĩ gia đình định bắn nhưng lại thôi vì ông không chắc liệu nó có phải là chim vịt không. Bác sĩ phụ khoa cũng định bắn nhưng lại hạ súng xuống khi nhận ra ông không biết con chim vịt này là trống hay mái. Trong khi đó bác sĩ

phẫu thuật đã kịp bắn chết con chim và quay sang nói với nhà bệnh lý học, “ông đi xem liệu nó có phải con vịt không.”

Thậm chí các luật sư cũng có đạo đức nghề nghiệp. Khi một khách hàng nhầm lẫn trả cho luật sư 400\$ thay vì 300\$ theo hóa đơn, tự nhiên sẽ nảy sinh vấn đề đạo đức là luật sư có nên nói cho khách hàng biết điều đó không.

Không có gì đáng ngạc nhiên khi giới tăng lữ cũng có đạo đức nghề nghiệp hay đạo đức của họ đi kèm với sự trừng phạt của thánh thần.

Một giáo sĩ Do Thái trẻ rất mê chơi golf. Thậm chí vào ngày lễ Yom Kippur thiêng liêng nhất trong năm mà anh ta cũng lén đi làm một ván chín lỗ chớp nhoáng. (Còn gọi là Ngày Chuộc tội, một trong những ngày lễ thiêng liêng nhất của người Do Thái, diễn ra sau lễ Rosh Hashanah, kéo dài 25 giờ, chủ yếu là ăn chay và tập trung cầu nguyện, thường ở giáo đường.)

Khi anh phát bóng lỗ cuối cùng thì một cơn gió cuốn quả bóng đến ngay trên miệng lỗ và thả nó vào lỗ.

Một thiên thần chứng kiến phép lạ đó phàn nàn với Chúa, "Hắn chơi golf trong

ngày lễ Yom Kippur mà Người lại giúp hăn ăn cú một gậy trúng lỗ ư? Đây có phải là hình phạt không?"

"Tất nhiên rồi," Chúa mỉm cười nói. "Hăn còn dám hé răng với ai về chuyện này nữa?"

Điều khiến đạo đức học ứng dụng trở nên thú vị, nhưng cũng đánh đố, là các quyết định đạo đức thường rơi vào thế tiến thoái lưỡng nan, loay hoay lựa chọn giữa hai điều tốt: “Tôi phải dành cho gia đình bao nhiêu thời gian thay vì cho công việc của tôi? Cho các con tôi thay vì cho

bản thân tôi? Cho đất nước tôi thay vì cho nhân loại?” Chính những song đề đạo đức học ứng dụng này đã đem lại công việc bận rộn cho Abby và Ann Lander suốt nhiều năm và giờ đây đang tiếp tục cung cấp tư liệu cho mục “Nhà đạo đức học” của Randy Cohen trên tờ The New York Times.

Câu hỏi đặt ra dưới đây, Cohen viết cách đây không lâu trên trang slate.com, là một trong mười câu hỏi hay nhất mà chưa từng có ai đặt ra với ông:

“Mặc dù ta hạnh phúc với công việc hiện nay của mình, gần đây ta mới

được phong tước (tôi là Phó vương mới của Cawdor), nhưng điều đó không đủ với vợ ta vì nàng luôn khao khát ta tiến xa hơn. Ta không nói rằng ta thiếu tham vọng, nhưng ta miễn cưỡng làm những việc cần làm để có thể leo cao hơn - những giờ khắc đặng đặng, những vụ giết người đầm máu. Và lại, liệu ta có cái nghĩa vụ đặc biệt phải lưu tâm đến những khát vọng của vợ ta không? Dù sao hai chúng ta cũng là một gia đình.”

MACBETH xứ SCOTLAND

Macbeth, hay Vợ bi kịch về Macbeth là vở bi kịch ngắn nhất của William Shakespeare được cho là viết vào khoảng 1603 và 1607, Macbeth - ngay khi đang tỏa sáng trong vinh quang, danh vọng đã nghe những lời tiên tri ghê gớm của ba mù phù thủy về một tương lai với vinh quang và danh vọng còn to lớn hơn. Lời tiên tri rằng Macbeth sẽ sở hữu ngai vàng đã đánh thức trong Macbeth tham vọng quyền lực dữ dội. Cùng với sự thúc giục và khuyến khích của vợ, Macbeth phạm tội sát nhân khi vua Duncan (vua nước Anh) đến thăm lâu đài của hắn. Sau đó Macbeth đã lên ngôi vua theo đúng lời tiên tri, nhưng luôn phải cố sức giữ ngôi vua, liên tục gặp ác mộng, hồn ma hiện hình, hình ảnh con dao găm nhuộm máu lơ lửng trong tâm hồn, và cuối cùng bị giết chết.

TÁC ĐỘNG CỦA PHÂN TÂM HỌC ĐẾN ĐẠO ĐỨC HỌC TRIẾT HỌC

Sigmund Freud, mặc dù không phải triết gia, nhưng đã có ảnh hưởng lớn tới triết học đạo đức với tuyên bố rằng thật ra chính những thôi thúc sinh học vô thức xác định hành vi của con người chứ không phải những phân biệt tinh tảo, lý trí và tốt đẹp. Dù chúng ta có cố gắng đến mấy để khép cuộc sống của mình vào vòng kiểm soát của lý trí theo lời khuyên của các triết gia đạo đức học, thì vô thức vẫn luôn đột phá. Chẳng hạn sự lơ lờ

kiểu Freud - là tình trạng khi chúng ta “nhầm lẫn” nói điều gì đó bộc lộ mong muốn từ vô thức, ví dụ ông ủy viên hội đồng thành phố giới thiệu vị chủ tịch xinh đẹp của mình là “một nữ công bộc *xuất sắc*”. (nguyên văn: ‘a great public servant’ - nghĩa là ‘một viên chức xuất sắc’ cũng có thể hiểu theo cách khá là khiếm nhã, vì trong tiếng Anh, “public house” nghĩa là ‘nhà chứa’).

Nhà trị liệu tâm thần hỏi bệnh nhân về cuộc viếng thăm mẹ của ông ta. Bệnh nhân nói, "Tệ quá. Tôi bị lừa dối quá kinh khủng kiểu Freud."

"Thật ư?" nhà trị liệu hỏi. "ông đã nói

gì?"

"Tôi định nói, 'Đưa hộ con lọ muối', nhưng tôi lại nói ra thành, 'Đồ chó! Bà đã lam hổng cả cuộc đời tôi!' "

Theo Freud, toàn bộ triết học đạo đức trên thế giới chủ yếu nói với chúng ta về một giấc mơ đẹp hơn là về những kiểm soát vô thức có thật điều khiển hành vi của chúng ta.

Một anh chàng lao bỏ vào phòng khám của bác sĩ tâm thần lắp bắp xin lỗi đã đến muộn vì ngủ dậy trễ.

"Nhưng trong mơ tôi đã có một bước đột phá không thể tin nổi," anh ta hồn hên kêu lên. "Tôi đang nói chuyện với mẹ thì bỗng dưng bà ấy biến thành *ông*! Đúng lúc đó tôi thức giấc, mặc quần áo, tộp vội một lon Coca với cái bánh rán rồi lao đến đây ngay."

Bác sĩ tâm thần nói, "Một lon Coca và cái bánh rán? Anh gọi thế là một *bữa sáng* đây à?"

Mặt khác, ngay cả Freud cũng thừa nhận rằng việc hạ thấp hành vi của con người xuống thành những thôi thúc vô

thức đôi khi có thể bỏ qua những sự thật hiển nhiên. Ông có một câu nổi tiếng, “Đôi khi điều xì gà chỉ đơn giản là một điều xì gà.”

Một anh chàng đang cạo râu chọt con dao tuốt khỏi tay rơi xuống tiện đứt mắt của quý. Anh ta nhặt của quý lên, nhét vào túi, lao ra đường chặn một chiếc taxi, bảo lái xe chở gấp đến phòng cấp cứu.

Tại đó, anh ta kể lại sự việc với bác sĩ phẫu thuật. Bác sĩ nói, "Cần phải làm thật nhanh. Đưa nó đây cho tôi."

Anh ta thọc tay vào túi và trao vật nằm trong túi vào tay bác sĩ.

"Nhưng đây là điều xì gà, có phải dương vật đâu!" bác sĩ phẫu thuật nói.

"Ôi Chúa ôi," anh ta rên lên, "chắc tôi đã hút hết nó trong taxi rồi."

ĐẠO ĐỨC HỌC TÌNH HUỐNG

Thập niên 1960 bỗng trở nên xôn xao với cái gọi là “*đạo đức học tình huống*”. Những người đề xuất trào lưu tuyên bố rằng hành vi đạo đức thực hiện trong bất kỳ tình huống nào cũng phụ

thuộc vào sự pha trộn đặc thù của các nhân tố trong tình huống đó. Những người cụ thể nào chịu sự tác động của tình huống? Họ có cái lý gì khi gây ra kết quả của tình huống? Kết quả ảnh hưởng thế nào đến các tình huống tương lai? Và nói cho cùng thì ai đang đặt ra những câu hỏi này? Chẳng hạn trong trường hợp ngoại tình, bên cạnh các thứ khác, các nhà đạo đức học tình huống sẽ quan tâm đến tình trạng hôn nhân và có thể đi tới những đánh giá trái ngược, tùy thuộc vào việc cuộc hôn nhân có diễn ra suôn sẻ hay không. Những người phản đối đạo

đức học tình huông tỏ ra bất bình, họ cảm thấy lối lập luận như thế có thể được dùng để biện hộ cho bất cứ chuyện gì người ta muốn làm. Một số người phản đối giữ lập trường cực đoan: bội tín luôn luôn sai, bất kể trong hoàn cảnh nào.

Nhưng thật nghịch lý, đôi khi vì *lờ đi* hoàn cảnh đặc thù, chúng ta đã tạo cơ hội cho những hành động ích kỷ.

Bọn cướp có vũ trang đột nhập vào một ngân hàng, bắt toàn bộ nhân viên cùng khách hàng đứng dựa vào tường và bắt đầu lột ví tiền, đồng hồ, nữ trang của

họ. Hai kẻ toán của ngân hàng đứng trong hàng người chờ bị cướp. Một người đột nhiên dúi thứ gì đó vào tay người kia. Người kia thì thầm hỏi, "Cái gì thế?" Người thứ nhất thì thầm đáp, "Đây là năm chục đô tôi nợ ông."

oOo

DIMITRI: Tôi vẫn không chắc cái gì là đúng cái gì là sai, nhưng có một việc tôi biết chắc - điều quan trọng trong cuộc sống là khiến thần linh hài lòng.

TASSO: Như Zeus và Apollo.

DIMITRI: Đúng. Hoặc vị thần yêu thích của tôi: Aphrodite.

TASSO:Ồ, cũng là vị thần tôi thích... nếu nàng tồn tại.

DIMITRI: Nếu nàng tồn tại ư? Tốt nhất là cậu hãy thôi bẻm mép đi, Tasso ạ. Tôi đã chính mắt trông thấy có những người bị sét đánh tan thân vì nói thế.

V

TRIẾT HỌC TÔN GIÁO

Thượng đế mà các nhà triết học tôn

giáo thích tranh cãi không phải là đáng
mà hầu hết chúng ta công nhận. Ngài có
xu hướng trùu tượng hơn, giống như
“*Quyền năng*” trong phim *Chiến tranh
giữa các vì sao*, và không mấy giống
đáng Chúa Trời vẫn thao thức hằng đêm
lo lắng cho ta.

DIMITRI: Hôm trước tôi trò chuyện
vói Zeus, và ngài nghĩ rằng cậu có ảnh
hưởng xấu đến tôi.

TASSO: Hay thật đấy, vì tôi cứ nghĩ
ông ấy ảnh hưởng xấu đến cậu.

DIMITRI: Bằng cách nào?

TASSO: Ông ấy khiến cậu tưởng những giọng nói vang lên trong đầu cậu là thực.

oOo

ĐÚC TIN VÀO THƯỢNG ĐẾ

Người theo thuyết Bất khả tri là người nghĩ rằng sự tồn tại của Thượng đế không thể chứng minh bằng những chứng cứ hiện có, nhưng người đó không phủ nhận khả năng Thượng đế có tồn tại. Người bất khả tri chỉ đứng sau người vô thần

một bước, người vô thần coi nghi vấn về sự tồn tại của Thượng đế đã chấm dứt. Nếu hai người cùng phát hiện thấy một bụi cây bốc cháy có tiếng kêu, “Ta là cái mà ta là,” người bất khả tri sẽ đi kiếm cái máy ghi âm giấu trong bụi, còn người vô thần chỉ nhún vai và lấy kẹo ra nhai.

Theo sách Xuất hành hay Xuất Ê-díp-tô (quyển sách thứ hai trong Cựu Ước), Thiên Chúa đã hiện ra với Moses trong ngọn lửa giữa bụi cây, lựa chọn Moses làm thủ lĩnh để đưa dân Do Thái rời khỏi Ai Cập đến Đất Hứa.

Hai ông bạn Ireland đang nhậu trong quán thì trông thấy một ông hói ngồi uống

một mình ở góc cuối quán.

Pat: Này, kia chẳng phải là Winnie Churchill đó sao?

Sean: Không. Không thể là ông ấy. Winnie sẽ không đến những chỗ như thế này.

Pat: Tớ không đùa cậu đâu. Nhìn kỹ đi. Tớ thề đó là Winnie Churchill. Cả với cậu mười đô là tớ đúng.

Sean: Cậu cứ thử đi!

Pat đi xuống cuối phòng và nói với người hói, "Ông là Winnie Churchill đúng không?"

Ông hỏi quát lên, "Biến ngay cho khuất mắt tao, thằng ngu!"

Pat quay lại chỗ Sean và nói, "Hừ, có lẽ chúng ta sẽ không bao giờ biết được, đúng không?"

Winston Churchill (1874-1965): chính trị gia người Anh, nổi tiếng nhất với cương vị Thủ tướng Anh trong Thế chiến II. Ông từng là một người lính, nhà báo, nhà văn, họa sĩ. Churchill, nói chung, được coi là một trong những nhà lãnh đạo quan trọng nhất trong lịch sử Anh và lịch sử thế giới, ông là Thủ tướng Anh duy nhất nhận giải Nobel văn học (1953).

Đó chính là tư duy của người bất khả

tri.

Người vô thần thì lại khác. Từ lâu các nhà triết học đã nhất trí rằng thật vô ích nếu để người có đức tin và người vô thần tranh luận. Đó là bởi vì họ hiểu khác nhau về *mọi thứ*. Để tranh luận được, cần có một cơ sở chung, để cho một trong hai bên có thể nói, “A ha! Nếu anh đã công nhận X, thì anh cũng phải công nhận Y!” Người vô thần và người có đức tin không bao giờ tìm được một X mà họ có thể nhất trí. Tranh luận không bao giờ bắt đầu được, vì mỗi người nhìn *mọi thứ* từ điểm nhìn của riêng mình. Điều này

hơi trừu tượng, nhưng câu chuyện dưới đây sẽ khiến nó gần với hiện thực, hay nói đúng hơn là đến thẳng nhà láng giềng.

Một bà cụ bé nhỏ theo Cơ Đốc giáo sáng nào cũng ra đứng trước cổng và kêu lên, "Đội ơn Chúa!"

Và sáng nào người vô thần nhà hàng xóm cũng hét lên đáp lại, "Làm gì có Chúa!"

Cứ tiếp diễn như thế hàng tuần liền. "Đội ơn Chúa!" bà già kêu lên. "Làm gì có Chúa!" người hàng xóm quát lại.

Thời gian trôi đi, bà cụ dần trở nên túng thiếu đến không có cả tiền mua thức ăn. Một hôm, bà đi ra cổng và kêu xin Chúa cứu giúp, rồi nói, "Đội ơn Chúa!"

Sáng hôm sau khi ra cổng, bà nhìn thấy những đồ ăn đã cầu xin. Tất nhiên, bà kêu lên, "Đội ơn Chúa!"

Người vô thần từ sau một bụi cây nhảy ra và nói, "Ha ha! Thực phẩm ấy là tôi mua đấy. Làm gì có Chúa!"

Bà già nhìn ông ta và mỉm cười. Bà kêu to, "Con cảm ơn Chúa! Người không chỉ ban thức ăn cho con, Người còn bắt

quỷ Satan phải trả tiền nữa!"

Trong cuốn sách bán chạy năm 2005 của mình, *Sự cáo chung của đức tin*, Sam Harris đã chia sẻ về sự cố chấp của đức tin tôn giáo dựa trên những quan sát của cá nhân ông: “Nói với một người Cơ Đốc ngoan đạo rằng anh ta đang bị vờ lừa, hoặc sữa chua đông lạnh có thể làm cho người ta tàng hình, thì như bất cứ ai, anh ta nhất định sẽ đòi hỏi những chứng cứ đủ thuyết phục. Còn nếu bảo rằng quyển sách anh ta để ở đầu giường do một vị thần vô hình viết ra, và vị thần

này sẽ trừng phạt anh ta bằng ngọn lửa vĩnh cửu nếu anh ta không chấp nhận những tuyên bố khó tin trong đó, thì dường như anh ta không đòi hỏi bất cứ bằng chứng nào.”

Sam Harris không nhắc đến khía cạnh bất lợi của người vô thần - anh ta không có ai để kêu tên khi cực khoái.

Nhà toán học và triết học Pháp thế kỷ mười bảy Blaise Pascal lập luận rằng quyết định có tin Chúa hay không thực chất là tham gia vào một cuộc cá cược. Nếu chúng ta chọn hành động như thể có một Đức Chúa nhưng rốt cuộc lại không

có, thì chúng ta không mất mát gì nhiều lắm. Ồ, có thể chúng ta mất cơ hội tận hưởng những lạc thú liên quan tới Bảy Tội Trọng (Tức giận, tham lam, lòng biếng, kiêu căng, dâm ô, ghen ghét, háu ăn), nhưng chuyện đó quá vặt vãnh so với những lựa chọn khác. Nếu chúng ta tin không có Chúa mà rốt cuộc lại có Chúa, thì chúng ta sẽ mất phần thưởng lớn nhất là phúc lạc vĩnh hằng. Do đó, theo Pascal, sống như thể có Chúa là chiến lược tốt hơn. Các học giả gọi đó là “Canh bạc của Pascal”. Đối với phần còn lại chúng ta, chiến lược đó được coi là bảo hiểm rủi ro.

Nảy ra ý tưởng từ cuốn *Tư tưởng*

(*Pensées*) của Pascal, một bà già nhỏ thó ôm theo cái túi đựng 100.000\$ tiền mặt vào ngân hàng yêu cầu mở tài khoản. Ông chủ ngân hàng thận trọng hỏi bà ta lấy đâu ra số tiền ấy. "Đánh bạc," bà già nói. "Tôi chơi bạc giỏi lắm."

Ông chủ ngân hàng tò mò hỏi tiếp, "Bà hay chơi trò nào thế?"

"Ồ, đủ các trò," bà nói. "Chẳng hạn, ngay bây giờ tôi cá với ông 25.000\$ là trưa mai móng bên phải của ông sẽ có hình xăm con bướm."

"Được, tôi nhận vụ cá cược này," ông

chủ ngân hàng đáp, "nhưng tôi thấy không phải lễ khi lấy tiền của bà trong một vụ cá cược phi lý như thế này."

"Vậy để tôi nói với ông thế này," bà già nói. "Nếu ông không nhận cá với tôi, thì tôi phải tìm một ngân hàng khác để gửi tiền."

"Ấy, ấy, đừng vội vã thế," chủ ngân hàng nói. "Tôi nhận cá với bà."

Trưa hôm sau bà già quay lại ngân hàng cùng luật sư để làm chứng, ông chủ ngân hàng quay người đi, tụt quần ra để hai người thấy rằng ông ta đã thắng cược.

Bà già nói, "Ô kê, nhưng ông cúi thấp
chút nữa để nhìn cho rõ được không?"
Ông chủ ngân hàng làm theo yêu cầu. Bà
già công nhận thua cuộc, chỉ ngay ra
25.000\$ tiền mặt.

Trong khi đó, ông luật sư ngồi hai tay ôm đầu. "Có chuyện gì với ông ấy thế?" chủ ngân hàng hỏi.

"À, chẳng qua ông ấy bị thua đau," bà già đáp. "Tôi cá với ông ấy 100.000\$ rằng trưa nay ông sẽ phải vạch quần khoe mông trong văn phòng của ông."

Có một đường ranh giới mong manh giữa bảo hiểm rủi ro và ăn gian chênh lệch cá cược. Hãy xem chiến lược Pascal mới này:

Ngày đầu tiên của lễ Rosh Hashanah

(Lễ năm mới của người Do Thái), một người mang con vẹt đậu trên vai bước vào thánh đường. Anh ta cược với mấy người rằng con vẹt có thể điều khiển buổi lễ hay hơn trưởng ca đoàn. Tuy nhiên đến thời điểm cần thiết thì con vẹt im lặng. Sau đó về nhà, người ấy mắng mỏ con vẹt và cứ than vãn mãi vì thua cuộc. Con vẹt bèn nói, "Phải động não đi chứ, đồ ngốc! Anh hãy nghĩ đến khả năng chúng ta sẽ thắng trong lễ Yom Kippur!"

Ồ, biết đâu con vẹt này sẽ đúng. Có lẽ chúng ta có thể ăn chênh lệch cá cược trong canh bạc Pascal để vẫn được chơi golf vào sáng Chủ nhật mà không làm

Chúa Trời nổi giận, nếu như ngài tồn tại!
Chúa biết tất cả chúng ta đều thử mảnh
này.

THẦN LUẬN VÀ TÔN GIÁO LỊCH SỬ

Các triết gia thế kỷ mười tám, nếu không phải là những nhà hoài nghi chủ nghĩa, thì có xu hướng trở thành các nhà thần luận - những tín đồ tin vào một Thượng đế-của-các-triết-gia vô ngã và xa xăm, một đấng Sáng tạo giống một quyền năng hơn là một con người, giống một người thợ đồng hồ hơn là một người

tri kỷ. Tín đồ Do Thái giáo và Cơ Đốc giáo truyền thống bác bỏ điều đó. Họ nói, Chúa của họ không chỉ là người thợ đồng hồ. Ngài là Chúa của lịch sử, đã hiện ra với dân của Ngài trong cuộc xuất hành rời Ai Cập, lạc lối trong hoang mạc, và định cư ở miền Đất Hứa. Nói ngắn gọn, Ngài luôn hiện hữu

- “sẵn sàng cứu giúp trong khốn khó”.

Một bà Do Thái đang trông thẳng cháu chơi trên bãi biển bỗng có cơn sóng dữ bất thần ập vào cuốn thẳng bé ra ngoài khơi. Bà tuyệt vọng cầu xin, "Lạy Chúa, xin hãy cứu sống thẳng cháu duy nhất của

con. Con cầu xin Người, hãy đưa nó trở lại."

Lập tức một cơn sóng lớn tràn vào, ném thẳng bé lên bờ, nguyên lành như trước.

Bà Do Thái ngược lên nhìn trời và nói, "Nó có cái mũ cơ mà!"

Hãy thử nói thể với một người thợ đồng hồ mà xem!

NHỮNG KHÁC BIỆT VỀ MẶT THẦN
HỌC

Trong khi các triết gia về tôn giáo băn khoăn với Những Câu hỏi Lớn, như "Có Chúa không?" thì các nhà thần học có con cá bé hơn để cho lên chảo, thường là vào Mùa Chay.

oOo

Theo triết gia và nhà thần học thế kỷ hai mươi Paul Tillich, khác biệt giữa một triết gia về tôn giáo và nhà thần học không chỉ ở kích thước của con cá. Ông nói, triết gia truy cầu sự thật về Chúa và những gì liên quan đến Chúa một cách

khách quan nhất có thể, trong khi nhà thần học *hoàn toàn* “sống trong đức tin”, gắn bó và phó thác mình cho Thiên Chúa. Nói cách khác, triết gia tôn giáo nhìn Chúa và tôn giáo từ bên ngoài, trong khi nhà thần học nhìn từ bên trong.

oOo

Trong thần học, sự ly giáo đã khơi ra những chủ đề bức thiết như "Chúa Thánh Thần phát xuất từ Chúa Cha hay từ Chúa Cha và Chúa Con?" Người ngoại đạo rõ ràng cần được chỉ dẫn đơn giản về những

khác biệt thần học, và ơn Chúa, những tay hài hước luôn sẵn sàng giúp đỡ. Té ra, mấu chốt để xác định niềm tin tôn giáo của một người là ở chỗ anh ta thừa nhận hoặc không thừa nhận ai:

Người Do Thái giáo không thừa nhận Jesus.

Người Tin lành không thừa nhận Giáo hoàng.

Người Báp-tít không thừa nhận nhau trong quán rượu.

Điểm cuối cùng trong các nhận xét ở

trên dẫn đến một số lời khuyên hết sức thực tế. Nếu bạn định tổ chức đi câu cá, đừng mời người Báp-tít; anh ta sẽ nốc sạch bia của bạn. Nhưng nếu bạn mời hai người Báp-tít, bia của bạn sẽ còn nguyên.

Một cách khác để phân biệt tín đồ các tôn giáo khác nhau, là xét xem hành vi nào xác định một người mắc tội báng bổ. Đối với người Công giáo, đó là bỏ lễ ban thánh thể. Đối với người Báp-tít, đó là khiêu vũ. Đối với những tín đồ nhà thờ Tân giáo, đó là dùng salad bằng chiếc nĩa dùng để ăn bánh ngọt.

Nhưng nếu nghiêm túc thì, các bạn ạ,

các tôn giáo khác nhau có những khác biệt giáo thuyết quan trọng. Chẳng hạn, chỉ có người Công giáo tin vào sự Thụ thai Trinh nguyên, thứ giáo thuyết cho rằng để có thể hạ sinh Chúa, bản thân bà Mary sinh ra đã vô nhiễm Nguyên Tội.

Jesus đang đi trên phố thì trông thấy một đám đông quây lại để ném đá một người đàn bà ngoại tình. Jesus nói, "Hãy để kẻ nào vô tội ném hòn đá đầu tiên." Bất chợt một hòn đá bay vụt qua trên không trung. Jesus ngoảnh lại hỏi, "Mẹ hả?"

Được ưa thích nhất trong mọi thể loại truyện cười về các tôn giáo đương nhiên là các truyện cười Chồng Cải cách Tôn giáo. Hẳn trong bộ sưu tập truyện cười hay nhất về chủ đề này của bạn cũng phải có câu chuyện dưới đây:

Một người trong tình trạng tài chính cực kỳ ngặt nghèo cầu xin Chúa cứu giúp bằng cách cho anh ta trúng xổ số.

Nhiều ngày, rồi nhiều tuần trôi qua nhưng anh ta vẫn chưa trúng lần nào. Cuối cùng, anh ta kêu lên với Chúa trong

cơn khốn khổ, "Người đã bảo chúng con, 'Hãy gõ rồi cửa sẽ mở, hãy tìm rồi người sẽ thấy.' Con đã cùng đường rồi mà vẫn chưa trúng xổ số được lần nào!"

Một giọng nói từ trên cao trả lời, "Con mới đi nửa đường đến gặp ta thôi, con yêu! Hãy mua một tấm vé số!"

Anh chàng trong câu chuyện chắc chắn là theo Tin lành, giống Martin Luther, cho rằng tất cả chúng ta được cứu giúp chỉ nhờ ân sủng; chúng ta chẳng thể làm gì để nhận được sự cứu rỗi. Mặt khác thì Chúa, dẫu đã thốt lên hai chữ “con yêu”,

lại đang bận tiếp sức cho phong trào Chống Cải cách của người Công giáo. Thật ra, câu chuyện trên có khả năng đã ra đời từ Công đồng Trent năm 1545, khi các giám mục quyết định rằng cứu rỗi diễn ra thông qua sự kết hợp giữa ân sủng và các hành động của chúng ta - đó là cầu nguyện và mua một tấm vé số.

Tuy nhiên, tất cả các tôn giáo đều có một điểm chung: tín đồ của tôn giáo nào cũng tin rằng chỉ có giáo lý của họ mới là con đường nhanh nhất dẫn đến thần linh.

Một linh hồn bay tới cổng thiên đường. Thánh Peter hỏi, "Tôn giáo?"

Linh hồn đáp, "Giám Lý". Thánh Peter nhìn xuống danh sách rồi nói, "Đến phòng hai mươi tám, nhưng phải thật im lặng khi đi qua phòng số tám."

Một linh hồn khác bay tới cổng thiên đường. "Tôn giáo?"

"Báp-tít."

"Đến phòng mười tám, nhưng phải thật im lặng khi đi qua phòng số tám."

Linh hồn thứ ba đến cổng thiên đường. "Tôn giáo?"

"Do Thái giáo."

"Đến phòng mười một, nhưng phải thật im lặng khi đi qua phòng số tám."

Lính hồn bèn hỏi, "Tôi hiểu rằng có những phòng khác nhau cho các tôn giáo khác nhau, nhưng tại sao tôi phải im lặng khi đi qua phòng số tám?"

Thánh Peter đáp, "Các Chứng nhân Jehovah ở phòng số tám, và họ nghĩ họ là những người duy nhất trên thiên đường này."

Nghe nói triết gia Đức thế kỷ mười

chín Arthur Schopenhauer đã khám phá Phật giáo trên phương diện triết học. Giống như Đức Phật Thích Ca cách đây hai thiên niên kỷ, Schopenhauer cho rằng toàn bộ cuộc sống chỉ là khổ đau, tranh đấu và thất vọng, và con đường giải thoát duy nhất là từ bỏ, vứt bỏ mọi ham muốn và khước từ ý chí sống. Mặt tốt là cả hai đều nghĩ rằng từ bỏ sẽ dẫn đến lòng từ bi đối với chúng sinh và thánh thiện. Điều này giống như một sự thỏa hiệp.

Có vô khối truyện cười Do Thái chế giễu những người bi quan quá mức và ưa than vãn theo lối Schopenhauer.

Hai phụ nữ ngồi trên ghế dài. Lát sau, bà thứ nhất nói, "ôiii!"

Bà thứ hai đáp lại, "ôiii!"

Bà thứ nhất nói, "Thôi được, nói đến lũ trẻ thế là đủ rồi."

Đối với cả Arthur Schopenhauer và Đức Phật, cuộc sống là một cái vòng quay bất tận của thất vọng và buồn chán. Khi ta không có thứ ta muốn, ta thất vọng. Khi có thứ ta muốn rồi, ta buồn chán. Và đối với cả Arthur lẫn Thích Ca, thất vọng tồi tệ nhất chính là khi chỉ thiếu

một bước nữa là đến được sự giải thoát.

Ngày xưa ngày xưa có một chàng hoàng tử, mặc dầu chẳng có tội tình gì, nhưng vẫn bị một mù phù thủy độc ác phù phép. Theo lời nguyên của mù phù thủy, mỗi năm hoàng tử chỉ được phép nói một từ. Tuy nhiên, chàng có thể đề dảnh, và nếu trong suốt một năm chàng không nói năng gì thì năm sau chàng có thể nói hai từ.

Một hôm chàng gặp một nàng công chúa xinh đẹp và yêu nàng chết mê chết mệ. Chàng quyết định cố nhin nói trong

hai năm để có thể gặp nàng và nói hai tiếng, "Em yêu."

Hết hai năm chàng lại muốn nói với nàng rằng chàng yêu nàng, nên quyết định đợi thêm ba năm nữa, tổng cộng là năm năm im lặng. Thế nhưng hết năm năm, chàng biết rằng chàng phải ngỏ lời cầu hôn với nàng, nên chàng cần đợi thêm bốn năm nữa.

Khi năm thứ chín im lặng rốt cuộc cũng trôi qua, chàng dĩ nhiên rất đổi vui mừng. Chàng dắt công chúa đến nơi lẫm mẫm nhất trong vườn ngự uyển, quỳ xuống trước mặt nàng thốt lên, "Em yêu,

anh yêu em. Mình cưới nhau nhé?"

Công chúa đáp, "Gì cơ?"

Đó chính là loại câu trả lời mà Schopenhauer có lẽ đã chờ đợi.

Đầu thế kỷ thứ sáu và bảy Công nguyên, người Trung Hoa và người Nhật Bản đã phát triển một nhánh Phật học mà ngày nay đang phục sinh, Thiền tông. Trong nhãn quan của tư duy phương Tây, triết học Thiền tông là một thứ phản triết học. Đối với thiền sư, lý trí, logic, dữ liệu cảm tính, tất cả những thứ là nền móng để xây dựng triết học phương Tây,

chỉ là những ảo ảnh và làm ta xao lãng khỏi giác ngộ tối hậu. Vậy một người trở nên giác ngộ như thế nào?

Ta hãy xem xét hai câu hỏi sau đây:

- Một con vẹt khác nhau thế nào?

- Tiếng vỗ của một bàn tay như thế nào?

Cả hai câu hỏi cùng dẫn đến thứ phản ứng phải kinh ngạc thốt lên “Cái gìiiii kia???” trong giới triết gia. Họ không thể xem xét được. Chúng ta đơn giản không nhận thức nổi câu trả lời có thể là gì. Nhưng trong khi câu hỏi đầu có vẻ ngờ

nghech vô nghĩa thì câu thứ hai là một *công án* (*koan*) Thiền kinh điển.

Khoảng giữa thế kỷ 10, Thiền tông bắt đầu dùng công án như phương tiện để giáo hóa, và các thiền sinh sử dụng chúng làm đối tượng quán tưởng trong lúc thiền. Vì lời giải của công án thường nằm ngoài lý luận, nên thiền sinh thấy rõ giới hạn của tư duy và bị buộc phải chuyển hóa tâm thức bằng một bước nhảy của trực giác, nhảy qua khỏi sự mâu thuẫn của lý luận nhị nguyên. Với tâm thức này, thiền sinh có một kinh nghiệm trực tiếp về thể tính.

Công án trong tiếng Nhật gọi là “*koan*”, tiếng Trung quốc gọi là “*Kung an*”

Công án là câu đố hay câu chuyện có

khả năng gây sốc, đưa môn đệ vào một trạng thái ý thức gọi là *satori* (đốn ngộ) mà thiền sư kể cho môn đệ của mình. Trong trạng thái ý thức này, tất cả những phân biệt thị phi và các giá trị của thế giới thường hằng tan biến, để lại con người một mình với một niềm cảm kích sâu xa về tính đồng nhất của vũ trụ và tất cả những trải nghiệm trong vũ trụ ấy. Đáp án Thiền cho công án tiếng-vỗ-một-bàn-tay không phải là cái gì đó có thể hiểu theo nghĩa đen và khoa học, kiểu như “tiếng động êm ái của không khí sinh ra do một bề mặt phẳng chuyển động”.

Không, đáp án Thiền giống với tiếng kêu kinh ngạc “Ô!” hơn. Các công án đưa thẳng chúng ta đến giác ngộ bằng cách xáo tung tâm thức chúng ta với những ý niệm không thể nào có được. Thoát ra ngoài chúng, và, hốt nhiên, bạn đã *đón* ngộ.

Công án ưa thích của mọi người là:

Trước khi tôi tìm ngộ, núi là núi và sông là sông.

Trong khi tôi tìm ngộ, núi không là núi và sông không là sông.

Sau khi tôi *đốn ngộ*, núi vẫn là núi và sông vẫn là sông.

Người phương Tây có thể hiểu tư tưởng chung rằng giác ngộ không phải là vấn đề đạt tới một trạng thái ý thức xa xăm nào đó. Điều mà chúng ta khó nhận thức được, và cấu thành cốt lõi *công án* về núi, là làm sao trạng thái ý thức được soi sáng lại có thể đồng thời vừa là bình thường, vừa là siêu nghiệm. Bạn có thể hoặc cảm nhận được trạng thái này, hoặc không, và phần đông người phương Tây không cảm nhận được.

Từ đây nảy ra câu hỏi là liệu câu đố cổ về sự-khác-nhau-giữa-một-con-vịt có thể được xem là một dạng *công án* phương Tây hay không. Nói cho cùng, nó dựa trên sự phi logic và phi lý, nó làm rối loạn lý trí. Nhưng xét những đáp án cho câu đố này - một phép thử gay go để nó trở thành *công án* - câu trả lời phải là không. Chúng ta thấy người ta nhoẻn cười, thậm chí cười ha hả, nhưng không phải là *đốn ngộ*.

Than ôi, đó có thể là một vấn đề văn hóa, phần lớn người phương Tây thường không lĩnh hội nổi cái ý niệm phương

Đồng rằng nếu anh không thể lĩnh hội một điều gì đó, anh đang trên đường đến giác ngộ. Vì thế chúng ta đành bị bỏ lại với thứ *công án* giả, khắp khiẽng như sau:

Nếu anh có một que kem, tôi sẽ đưa nó cho anh.

Nếu anh không có que kem nào, tôi sẽ lấy nó khỏi anh.

Đó là *công án* que kem.

oOo

Những công án đáng ghi nhớ nhất đã

trở thành một phần của tri thức Thiền, truyền từ đời này sang đời khác. Chẳng hạn, Huệ Năng, vị tổ thứ sáu của Thiền ở thế kỷ bảy, đã hỏi một câu nổi tiếng: “Bản lai diện mục của người trông như thế nào lúc người chưa sinh ra?” Phil Jackson, huấn luyện viên của Los Angeles Lakers, biệt danh “Thiền sư”, góp thêm: “Nếu các anh gặp Phật trên đường biên, hãy cho ông ấy xơi bóng.”

oOo

TRIẾT HỌC ĐẦU RỘNG

Triết học đầu rồng xuất hiện trong khung cảnh cuối thập niên 1960, trùng hợp với thời điểm giáo sư Harvard Timothy Leary tuyên bố rằng con đường tới khai sáng thông qua tiêu hóa nấm ma thuật. Sau này được mang tên “Triết học Kỷ Nguyên Mới”, chủ nghĩa đầu rồng là hỗn hợp các triết học cổ phương Đông và một số tín ngưỡng thời Trung cổ như thuật chiêm tinh, bói bài tây, và Kabbalah (Do Thái giáo có Công truyền và Mật truyền. Công truyền là đạo Do Thái chính thống hiện nay, ra đời từ thời Moses (1250 trước Công nguyên). Phần Mật truyền hay Mật tông Do Thái được gọi là Kabbalah, hình thành vào khoảng thế kỷ XIII.). “Những khẳng

định” - những mệnh đề kiểu như “Tôi đồng nhất với nhị nguyên của tôi” hay là “Vì tôi đã học tin vào Quá trình, tôi không còn cần mang súng nữa” - cũng là một phần quan trọng của triết học Kỷ Nguyên Mới. Điều này gợi nhắc cho chúng ta về một bà lão hồi đầu thập niên 1800, sau khi nghe một bài giảng đã tiến lại gần nhà thơ Anh Samuel Taylor Coleridge và nói, “Ông Coleridge, tôi đã tiếp nhận vào mình cả vũ trụ!!” Coleridge nhìn lên qua phía trên cặp kính và nói, “Lạy Chúa, bà nên như thế, thưa bà!”

May thay, chúng ta đã có các bậc thầy hài hước rọi sáng những mơ hồ của tư duy Kỷ Nguyên Mới.

Cần bao nhiêu triết gia Kỷ Nguyên Mới để thay một cái bóng đèn?

Không cần đâu, họ vừa lập nhóm hỗ trợ "Đương đầu với Bóng tối" rồi.

Nếu trong triết học Kỷ Nguyên Mới có gì đó phù hợp với tinh thần thời đại mới thì đó hẳn là niềm tin của họ về các sinh thể ngoài Trái Đất không chỉ đến thăm chúng ta mà còn mời chúng ta lên tàu không gian của họ để ăn tối và chuyện trò lãng mạn. Để đẩy giới hạn của những niềm tin Kỷ Nguyên Mới đó đến

tốt cùng logic của chúng thì cần phải có một tác giả châm biếm.

Một người Sao Hỏa hạ cánh khẩn cấp xuống Brooklyn và phát hiện ra phụ tùng then chốt, một *troover* cực kỳ quan trọng trong đĩa bay của mình đã hỏng. Anh ta vào một cửa hàng đồ ăn sẵn hỏi người bán hàng có biết ở đâu có thể kiếm được một *troover* không. Người bán hàng hỏi lại, "Trông nó như thế nào?"

Người Sao Hỏa đáp, "Nó hình tròn, bên ngoài cứng, bên trong mềm, có một lỗ nhỏ ở giữa."

Người bán hàng nói, "Có vẻ giống cái bánh vòng. Đây, trông có giống thứ anh đang cần không?"

Người Sao Hỏa reo lên, "Tuyệt vời! Ở đây các anh dùng cái này để làm gì?"

Người bán hàng đáp, "Ờ, có thể anh khó mà tin được, nhưng chúng tôi ăn."

Người Sao Hỏa kinh ngạc, "Anh đùa! Các anh ăn *troover* à?"

Người bán hàng nói, "Đúng thế, đây, anh thử xem."

Người Sao Hỏa hơi nghi ngại, nhưng cũng cắn thử một miếng. "Này," ông ta

nói, "thêm ít pho mát kem, sẽ không tệ lắm."

Một thứ khác nữa trong mớ đồ lễ của các nhà Kỷ Nguyên Mới là sự đam mê những hiện tượng cận tâm lý của họ, chẳng hạn ngoại cảm. Trong khi đó nhiều người Kỷ Nguyên Cũ - còn gọi là những nhà tư tưởng duy lý - vẫn tiếp tục tin rằng luôn luôn có một cách giải thích có lý cho những hiện tượng như thế.

"Ông nội tôi biết chính xác giờ nào ngày nào năm nào mà ông sẽ chết."

"Chà, một con người thấu thị! Làm sao ông có khả năng ấy?"

"Quan tòa thông báo."

Hay.

oOo

DIMITRI: Tôi vẫn còn một câu hỏi: Nếu Zeus không tồn tại, Poseidon vẫn cứ là anh của ông ấy chứ?

TASSO: Dimitri ạ, cậu biết không, hoặc cậu là một Phật tử đã giác ngộ, hoặc cậu là đồ óc bả đậu.

VI

CHỦ NGHĨA HIỆN SINH

“Tồn tại có trước bản chất.” Nếu anh đồng ý với mệnh đề này, anh là một nhà hiện sinh chủ nghĩa. Nếu không, anh vẫn tồn tại, chỉ có điều về bản chất anh nằm ngoài sự tồn tại.

oOo

DIMITRI: Tasso ạ, tôi phải thú nhận

rằng, đôi khi tôi ước gì mình giống cậu hơn.

TASSO: Nhưng cậu không thể giống tôi được! Theo quan điểm hiện sinh, cậu là con người tự tạo nên chính mình! Cậu là kẻ do cậu tạo ra!

DIMITRI: Thế thì tuyệt quá! Vì tôi lúc nào cũng muốn được cao như cậu.

oOo

Để tiếp cận chủ nghĩa hiện sinh, chúng ta cần nhắc lại đôi chút về chủ nghĩa tuyệt đối ở thế kỷ mười chín của Hegel,

quan điểm triết học cho rằng chỉ có thể thấy được bức tranh chân thực của đời sống khi nhìn từ bên ngoài vào. Phải chăng là Rodney Dangerfield từng nói, “Nhiều phần trong một hài kịch xuất sắc nhất có thể tìm thấy ở xung đột giữa cái Tuyệt đối của Hegel và cảm thức tồn tại vong thân của con người?” Có lẽ không phải. Nhưng nếu đó là ông, thì truyện cười kinh điển sau đây có lẽ là điều mà Rodney ngụ ý.

Một anh chàng đang làm tình với vợ bạn thân nhất của mình thì nghe thấy tiếng

xe của người chồng về. Anh chàng vội trón vào tủ áo. Người chồng vào nhà, mở tủ để treo áo thì thấy bạn chí cốt của mình đang đứng trần truồng bên trong. "Lenny, cậu làm gì ở đây vậy?"

Lenny ngượng ngịu nhún vai đáp, "Ai cũng phải ở đâu đó chứ."

Đó là câu trả lời của trường phái Hegel cho câu hỏi của chủ nghĩa hiện sinh. Người chồng muốn biết tại sao lại là Lenny chứ không phải ai khác ở trong tình huống tồn tại đặc biệt này - trần truồng và ở trong tủ áo của anh! Nhưng

người được coi là bạn của anh, Lenny, vì lý do riêng của mình, lại chọn trả lời câu hỏi khác: “Tại sao bất cứ ai cũng phải ở đâu đó, chứ không thể không ở đâu?”, một câu hỏi chỉ có ý nghĩa khi bạn là một triết gia Đức cao siêu cỡ Hegel.

Georg Wilhelm Friedrich Hegel khẳng định lịch sử là “Tinh thần Tuyệt đối” diễn tiến theo thời gian. Tinh thần của một thời đại (chẳng hạn, chủ nghĩa tuân thủ cứng nhắc của thập niên 1950) đã sinh ra phản đề của nó (phong trào hippie ở thập niên 1960) và sự va chạm của chúng tạo nên hợp đề mới (“các

hippie giả hiệu” của thập niên 1970 như những chủ nhà băng ở Wall Street với một tóc Beatles).

Và cứ thế tiếp diễn, liên tục không ngừng, *phép biện chứng* của chính đề / phản đề / hợp đề (đang trở thành một chính đề mới...

Hegel cho rằng ông đã nhảy ra ngoài lịch sử và nhìn xuống “Toàn Thể” từ điểm nhìn siêu nghiệm. Ông gọi điểm nhìn này là cái Tuyệt đối. Và nhìn từ đó, thế giới xem ra không quá tệ. Chiến tranh ư? Chỉ là những vận động biện chứng. Dịch hạch ư? Chỉ là một vận động khác.

Bất an ư? Đừng lo. Phép biện chứng đang vận hành, và chúng ta không thể làm gì được cả. Chỉ nên giữ cho chắc và dự phần vào hoạt cảnh. Hegel cho rằng ông đang nhìn vào lịch sử từ điểm nhìn của Chúa!

Hãy nhớ lại ca khúc vàng một thời “From the Distance” của Bette Midler, trong đó Divine Miss M. (Một nghệ danh của nữ ca sĩ Mỹ Bette Midler) tưởng tượng nhìn thế giới từ trên cao, thấy mọi thứ hài hòa và đẹp đẽ. Đó chính là khoảng cách mà từ đó Hegel đã nhìn thế giới. Bài hát kết thúc với hình ảnh Chúa nhìn xuống khung cảnh mênh mông qua đôi vai của Bette. Ai có thể ngờ được rằng Bette

Midler là môn đệ của Hegel?

Nhưng người cùng thời của Hegel là Søren Kierkegaard đã xuất hiện, và ông thắng tay sỗ toẹt. “Tất cả đều tốt đẹp từ điểm nhìn của cái Tuyệt đối thì có nghĩa lý gì?” Søren hỏi. Đó không phải - và không thể - là điểm nhìn của những *cá nhân hiện sinh*. Với tuyên bố này, chủ nghĩa hiện sinh ra đời. “*Tôi* không phải là Chúa,” Søren nói. “*Tôi* là một cá nhân. Ai quan tâm đến sự thanh bình ở tít trên cao ấy? *Tôi* đang ở ngay đây, chính trong giây phút này và *tôi đang* bất an. *Tôi đang* rơi vào tuyệt vọng. Chính *tôi*.”

Sẽ ra sao, nếu vũ trụ vẫn cứ tiếp tục lăn đi - nếu nó luôn đe dọa đè bẹp tôi!”

Vì vậy, nếu Kierkegaard phát hiện ra bạn trong tủ của ông và hỏi, “Anh đang làm gì ở đây vậy?” thì chớ có đáp, “Ai cũng phải ở đâu đó chứ.” Lời khuyên của chúng tôi là: Hãy tùy cơ ứng biến.

Triết gia Pháp thế kỷ hai mươi Jean-Paul Sartre tiếp tục tư tưởng của Kierkegaard về nỗi cô đơn vô vọng của cá nhân và mở rộng các luận điểm về tự do và trách nhiệm của con người. Ông thể hiện tư tưởng chính của mình bằng mệnh đề *“tồn tại có trước bản chất”*, ý

nói con người vốn không có bản chất tiền định, như chiếc mặc áo chẳng hạn. Chúng ta là bất định, luôn tự do tái tạo chính mình.

oOo

Jean-Paul Sartre bị lác và nói chung không phải là một anh chàng đẹp mã. Vì vậy, hoàn toàn có khả năng ông đã sửng sốt khi nghe người đồng sự hiện sinh chủ nghĩa Albert Camus mở rộng ý niệm của mình về tự do của con người với phát biểu, “Than ôi, đến một độ tuổi nhất định, mỗi con người phải chịu trách nhiệm về diện mạo của chính mình.”

Thật thú vị, vì bản thân Camus có bề ngoài rất giống Humphrey Bogart (Diễn viên huyền thoại Hoa Kỳ, có gương mặt rất điển trai kiểu đàn ông).

Nếu chúng ta thấy bản thân mình chỉ như những khách thể có nhận dạng cố định, thì chúng ta ngừng Tồn tại, với chữ T viết hoa. Và có một cách để chúng ta thấy bản thân như những khách thể là thông qua đồng nhất với một vai trò xã hội. Sartre gọi điều đó là *mauvaise foi* (ngụy tín), hay niềm tin giả, một phương cách không đúng đắn.

Sartre quan sát người hầu bàn trong quán cà phê và nhận xét rằng làm người hầu bàn tức là *làm ra vẻ* một người hầu bàn. Những người hầu bàn học cách làm thế nào để trở thành hầu bàn bằng cách thể hiện ấn tượng của họ về một người hầu bàn. Những hầu bàn bước đi theo một điệu nhất định, gây ấn tượng bằng một thái độ nhất định, và lựa chọn một điểm nào đó trên cán cân giữa thân mật và thờ ơ xa cách... Điều này đúng đấy, chừng nào người hầu bàn ý thức được rằng đó chỉ là một vai diễn. Nhưng tất cả chúng ta đều biết những người hầu bàn

đều tin rằng họ *thật sự* là hầu bần, rằng về bản chất họ *là* kẻ đó. *Très mauvaise foi!*

Bằng những ví dụ cường điệu phóng đại, các truyện cười cười nhạo khuynh hướng đồng nhất bản thân một cách không suy xét của chúng ta với những thái độ và giá trị của các nhóm xã hội. Đây vốn là một kiểu “thí tốt” trong triết học: *reductio ad absurdum* (phép hệ quả phi lý hay phép phản chứng).

oOo

Reductio ad absurdum là kiểu lập

luận logic mở rộng giả thuyết đến điểm phi lý để đi đến khẳng định rằng giả thuyết ngược lại do đó phải đúng. Có một lập luận *reductio* vẫn lan truyền khá phổ biến gần đây đã đi đến mức: “Nếu chúng ta mở rộng khái niệm hôn nhân đến mức gộp cả những kết hợp đồng giới, thì điều gì ngăn cản chúng ta chấp thuận cả những cuộc hôn nhân giữa người với thú mỏ vịt?”

Trong truyện vui *reductio* dưới đây, Sol đã cung cấp cái nhìn mới cho ý niệm nguy tín liên quan đến sự đồng nhất bản

thân với một nhóm.

Abe cùng dạo phố với người bạn của mình là Sol. Họ đi ngang qua một nhà thờ Công giáo, thấy trước cổng có dòng yết thị: “1.000\$ cho bất kỳ ai cải đạo.”

Sol quyết định vào bên trong xem thực hư ra sao. Abe đợi ở ngoài. Nhiều giờ trôi qua. Cuối cùng, Sol ló ra.

"Thế nào?" Abe hỏi. "Có chuyện gì vậy?"

"Tớ cải đạo rồi," Sol nói.

"Đừng đùa!" Abe nói. "Cậu đã nhận

một ngàn đô rồi hả?"

Sol nói, "Những người như cậu chỉ nghĩ đến chuyện đó thôi à?"

(Ồ, chúng tôi lại đụng chạm mất rồi. Nhưng chúng tôi là triết gia. Có giỏi thì kiện chúng tôi đi!)

Mặt khác, cũng là nguy tín khi chúng ta hình dung bản thân mình có những khả năng vô hạn, *không* bị bất kỳ câu thúc nào đối với tự do của chúng ta.

Hai con bò đứng trên đồng cỏ. Một con nói, "Cậu nghĩ thế nào về cái bệnh

bò điên này?"

"Tớ quan tâm làm quái gì?" con kia đáp. "Tớ là một chiếc trục thẳng."

Đối với các triết gia hiện sinh, nỗi lo âu *đích thực* - họ gọi là “angst” (nỗi lo âu hiện sinh) bởi vì khi nói lên nó có vị cay đắng - không phải là một triệu chứng bệnh lý cần trị liệu. Không, nó là phản ứng căn bản của con người đối với chính những trạng thái hiện hữu của con người: cái chết tất yếu của chúng ta, sự bất lực không thể thực hiện trọn vẹn tiềm năng của chúng ta, và sự vô nghĩa nói chung

của đời sống. Chỉ riêng điều đó cũng đủ khiến bạn ao ước trở thành một triết gia đầu rỗng thay vì một nhà hiện sinh.

Các nhà hiện sinh phân biệt rất rõ ranh giới giữa “nỗi lo âu hiện sinh”, chẳng hạn nỗi lo âu về cái chết mà họ coi là nền tảng của tồn tại người, với nỗi lo âu thông thường do phản ứng thần kinh, chẳng hạn nỗi lo của Norman:

Trông thấy bác sĩ, Norman thở dốc. "Thưa bác sĩ, tôi chắc chắn mình mắc bệnh gan rồi."

"Vớ vẩn," bác sĩ nói. "Nếu mắc bệnh

gan thì anh không biết được đâu. Không có bất cứ biểu hiện khó chịu nào cả."

"Chính xác!" Norman kêu lên. "Đúng là những triệu chứng của tôi đấy."

Triết gia hiện sinh Đức thế kỷ hai mươi Martin Heidegger hẳn sẽ đáp, "Anh gọi đó là lo âu ư, Norman? Đúng là anh chưa hề sống. "Sống" theo ý tôi nghĩa là mỗi khoảnh khắc đều luôn nghĩ về cái chết!" Heidegger còn đi xa đến mức phát biểu rằng sự tồn tại của con người là *tồn-tại-hướng-đến-cái-chết*. Để sống đích thực, chúng ta phải đối mặt

với sự thật là chúng ta sẽ phải chết, và nhận lấy trách nhiệm sống một cuộc đời có ý nghĩa dưới bóng của cái chết. Chúng ta không được cố tránh thoát nỗi lo âu cá nhân và trách nhiệm cá nhân bằng cách chối bỏ sự thật về cái chết.

Ba người bạn chết trong một tai nạn xe hơi gặp lại nhau tại hộp mắt đầu tiên trên thiên đường. Vị thiên sứ chủ trì hỏi họ thích nghe bạn bè thân hữu nói gì về mình nhất khi đang nằm trong linh cửu.

Người thứ nhất nói, "Tôi mong mọi người sẽ nói tôi là một bác sĩ xuất sắc và

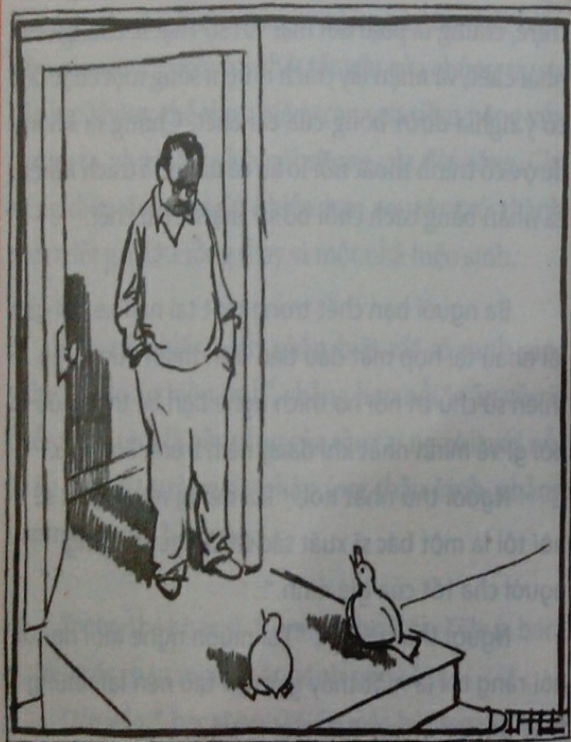
là người chồng, người cha tốt của gia đình."

Người thứ hai nói, "Tôi muốn nghe mọi người nói rằng tôi là một thầy giáo đã tạo nên lại những thay đổi lớn trong cuộc đời lũ trẻ."

Người thứ ba nói, "Tôi thì muốn nghe có ai đó kêu lên, Trông kia, anh ấy đang động đây!""

Đối với Heidegger, sống dưới bóng cái chết không chỉ là can đảm hơn; đó còn là cách sống đích thực duy nhất, bởi vì tận số của chúng ta có thể đến bất cứ

lúc nào.



“Ông đã bao giờ nghĩ đến chuyện biến thành vịt chưa?”

Bức biếm họa này minh họa cho giới hạn tự do của chúng ta. Một người có thể cân nhắc hợp lý việc trở thành một chứng nhân Jehovah, nhưng anh ta liệu có thể cân nhắc nghiêm túc việc biến thành vẹt không?

Bức tranh này còn ẩn chứa một câu đố hiện sinh, ấy là “Lũ vẹt nghĩ chúng là cái quái gì nhỉ?”

oOo

Một người hỏi thầy bói, thiên đường trông như thế nào. Thầy bói chăm chú nhìn vào quả cầu pha lê và nói, "Hừ, tôi

thấy cả tin vui lẫn tin buồn. Tin vui là trên thiên đường có mấy sân golf đẹp không tưởng tượng được."

"Chà, tuyệt quá! Thế còn tin buồn?"

"Sáng mai 8:30 ông bắt đầu phải chơi ở đó."

Bạn vẫn chối bỏ cái chết? Hãy thử đọc thêm câu chuyện sau:

Họa sĩ: Tranh của tôi bán chắc thế nào?

Chủ phòng tranh: ờ, có cả tin hay lẫn

tin dở đây. Có một người đến hỏi tôi liệu ông có phải là họa sĩ mà tác phẩm sẽ có giá trị hơn sau khi chết không. Thấy tôi bảo đúng, ông ta đã mua toàn bộ tranh của ông ở đây rồi.

Họa sĩ: "Chà, tuyệt quá! Thế còn tin dở?"

Chủ phòng tranh: "ông ta là bác sĩ của ông."

Nhưng thỉnh thoảng chúng ta cũng được nghe những câu chuyện về cái chết mà nhân vật trong đó dám nhìn thẳng vào nỗi sợ hiện sinh tột cùng và cười nhạo

nó. Gilda Radner đã có dũng khí để kể câu chuyện dưới đây với khán giả sau khi bà bị chẩn đoán ung thư giai đoạn cuối.

Gilda Radner (1946-1989): diễn viên hài nổi tiếng của Mỹ.

Một phụ nữ bị ung thư đến gặp bác sĩ chuyên khoa. Bác sĩ nói, "ừm, e rằng chúng tôi cũng hết cách rồi. Cô chỉ còn sống được tám giờ nữa thôi. Hãy về nhà và tận hưởng nốt."

Người phụ nữ về nhà, báo tin cho chồng, rồi nói, "Anh yêu, chúng ta hãy

làm tình với nhau suốt đêm nay nhé."

Anh chồng đáp, "Em cũng biết là có khi em có hứng làm tình, có khi không phải không? Đúng đêm nay anh lại không có."

"Chiều em đi," người vợ cầu xin. "Đây là ước nguyện cuối cùng của em đó, anh yêu."

"Nhưng mà anh không có hứng," anh chồng nói.

"Em van anh đấy, anh yêu!"

"Này," người chồng nói, "em nói thì dễ đấy. Sáng mai em có phải thức dậy

đâu!"

Nhấn mạnh sự cần thiết phải đối mặt với nỗi sợ chết, các nhà hiện sinh đã giúp thúc đẩy một phong trào hỗ trợ những người bệnh hấp hối, dựa trên nền tảng triết lý đạo đức sinh học thế kỷ 20 của bác sĩ Elisabeth Kübler-Ross, kêu gọi chấp nhận cái chết một cách trung thực nhất.

Khách trong tiệm ăn: Anh chuẩn bị gà này như thế nào?

Đầu bếp: Ô, chẳng có gì đặc biệt lắm.

Chúng tôi chỉ nói với chúng là chúng sắp chết thôi.

oOo

TASSO: Cậu cười cái gì? Tôi đang nói về nỗi sợ hiện sinh trước cái chết. Đấy đâu phải chuyện đáng cười.

DIMITRI: Nhưng có những thứ còn tệ hơn cái chết.

TASSO: Tệ hơn cái chết? Chẳng hạn như cái gì?

DIMITRI: Cậu đã bao giờ phải ngồi

nguyên buổi tối với Pythagoras chưa?

VII

TRIẾT HỌC VỀ NGÔN NGỮ

Khi cựu Tổng thống William Jefferson Clinton trả lời một chất vấn, “Nó phụ thuộc vào định nghĩa ‘là’ của bạn là cái gì”, thì ông đang làm Triết học ngôn ngữ. Đồng thời ông ấy cũng có thể vừa làm cả những thứ khác.

DIMITRI: Cuối cùng tôi đã bắt đầu

hiểu được cậu, Tasso ạ. Toàn bộ cái mớ triết học này chỉ là trò chơi ngôn từ thôi!

TASSO: Chính xác! Xem ra cậu đã hiểu được chút gì đó thật.

DIMITRI: Vậy là cậu đã thừa nhận rồi nhé! Triết học chỉ là ngữ nghĩa học!

TASSO: *Chỉ là* ngữ nghĩa học ư? Thế cậu còn có thể làm triết học cách nào nữa, vừa cần nắn vừa khúc khích ư?

TRIẾT HỌC NGÔN NGỮ THÔNG THƯỜNG

Ludwig Wittgenstein (Ludwig Josef

Johann Wittgenstein (1889-1951), nhà triết học người Áo, có đóng góp quan trọng trong triết học tâm thức và triết học ngôn ngữ thế kỷ hai mươi.) và các môn đệ của ông ở Đại học Oxford giữa thế kỷ hai mươi tuyên bố rằng những vấn đề triết học kinh điển - ý chí tự do, sự tồn tại của Chúa, vân vân - gây bối rối chỉ vì chúng được thể hiện bằng thứ ngôn ngữ rắc rối khó hiểu. Công việc của họ với tư cách triết gia là gỡ những nút rối ngôn ngữ, điều chỉnh các câu hỏi, và làm những việc thiết thực nhất có thể làm cho bất kỳ câu đố nào: giải quyết nó.

Chẳng hạn, ở thế kỷ mười bảy, Descartes tuyên bố rằng con người được

hợp thành bởi tinh thần và thể xác - với tinh thần như *bóng ma* trong một cỗ máy. Hàng thế kỷ sau, các nhà triết học vẫn bối rối không hiểu bóng ma này là loại sự vật gì. Một học trò của Wittgenstein ở Đại học Oxford là Gilbert Ryle nói thẳng, “Câu hỏi sai! Nó không là loại sự vật nào cả, bởi vì nó không hề là một sự vật. Nếu nhìn vào cách chúng ta mô tả cái gọi là những sự kiện tinh thần, có thể thấy rằng ngôn từ của chúng ta thực sự chỉ là những ký hiệu ước lệ để mô tả hành vi. Không mất mát gì cả, nếu chúng ta quẳng đi từ ngữ dùng để xác định ‘nơi’

được coi là từ đó hành vi xuất hiện.”
Gilly thân mến, ông thực sự cho rằng vấn đề đã được giải quyết ư?

Đôi vợ chồng trẻ trong câu chuyện sau đây rõ ràng cần điều chỉnh lại câu hỏi của họ:

Một cặp vợ chồng son chuyển đến căn hộ mới và quyết định thay giấy dán tường phòng ăn. Họ sang thăm bác hàng xóm có phòng ăn cùng kích thước và hỏi, "Bác mua bao nhiêu cuộn giấy khi dán tường căn phòng này."

"Bảy," bác hàng xóm đáp.

Đôi vợ chồng bèn đi mua bảy cuộn giấy đất tiền, và bắt đầu dán tường. Mới dùng đến cuộn giấy thứ tư thì các bức tường phòng ăn đã được dán kín. Bực bội, họ chạy sang nhà hàng xóm ca cẩm, “Chúng tôi nghe lời bác, nhưng mới dùng hơn ba cuộn giấy đã dán xong hết cả phòng rồi.”

Bác hàng xóm kinh ngạc, "Vậy sao! Các vị cũng bị thế à?"

Ôi!

oOo

Nhà thơ Gertrude Stein nằm trên giường hấp hối; bạn tình của bà là Alice B. Toklas ghé xuống thì thăm, “Câu trả lời là gì vậy, Gertrude?”

Stein đáp, “Thế câu hỏi là gì vậy?”

Wittgenstein quy kết mọi vấn đề của triết học phương Tây cho cái mà ông gọi là “sự phù phép của ngôn từ”, ý nói ngôn từ có thể khiến chúng ta sa vào lẫn lộn phạm trù hiện tượng. Chúng ta bị che mắt bởi hình thức cú pháp của các câu hỏi triết học. Chẳng hạn trong tác phẩm lớn của mình, *Hữu thể và thời gian*,

Heidegger luận về “hư vô” như thể định danh nó là một *sự vật* phi thường nào đó. Đây là một thí dụ tương tự về sự rắc rối của ngôn ngữ:

"Freddy, chúc anh sống lâu trăm tuổi, cộng thêm khoảng ba tháng."

"Cám ơn anh, Alex. Nhưng sao lại ba tháng?"

"Tôi không muốn anh chết đột ngột."

Nếu bạn nghĩ Alex bị ngôn ngữ phù phép, thì hãy xem Garwood trong câu chuyện sau đây:

Garwood than thở với bác sĩ tâm thần rằng anh không sao kiếm được bạn gái.

"Có gì lạ đâu!" bác sĩ tâm thần nói. "Người cậu hơi quá!"

"Ông cứ nói thế," Garwood phản ứng. "Tại công việc của tôi đấy chứ. Tôi làm ở rạp xiếc, trông voi và dọn chất thải của chúng. Dù tắm rửa kì cọ thế nào đi nữa vẫn cứ bị ám mùi hôi."

"Vậy thì bỏ việc ấy đi và kiếm một việc khác!" bác sĩ tâm thần khuyên.

"Ông có điên không?" Garwood cãi.

"Thế thì từ bỏ cả nghề diễn à?"

Garwood đã lẫn lộn nghĩa rộng của “nghề diễn” là hoạt động dưới ánh đèn sân khấu với trường hợp cụ thể của anh ta là dọn phân voi.

Theo các nhà triết học ngôn ngữ thông thường, ngôn ngữ có nhiều hơn một mục đích, và được sử dụng khác nhau trong các ngữ cảnh khác nhau. Nhà triết học John Austin của Đại học Oxford chỉ ra rằng khi nói “Tôi hứa” là hoàn toàn khác về mặt ngôn ngữ với “Tôi vẽ”. Nói “Tôi vẽ” không phải là cùng một sự việc

“vẽ”, nhưng nói “Tôi hứa” là cùng một sự việc với “hứa”. Việc dùng ngôn ngữ chỉ thích hợp trong khung ngôn ngữ học vào một khung ngôn ngữ khác là nguyên nhân gây ra những rối rắm triết học và những nan đề giả, cũng có thể gọi theo cách khác là chính lịch sử triết học.

Các nhà triết học ngôn ngữ thông thường cho rằng cuộc đấu tranh triết học kéo dài nhiều thế kỷ về niềm tin vào Chúa đã lớn vượt ra ngoài nỗ lực đóng khung vấn đề này như một sự kiện thực tế. Họ nói rằng ngôn ngữ tôn giáo là một ngôn ngữ hoàn toàn khác. Một số người

nói rằng nó là một ngôn ngữ định giá giống như loại mà các nhà phê bình điện ảnh Ebert và Roeper dùng, “Tôi tin Chúa” thật ra chỉ có nghĩa là “Tôi tin những giá trị nhất định mà tôi giờ cả hai tay tán thành”. Những người khác nói rằng ngôn ngữ tôn giáo biểu hiện tình cảm. “Tôi tin Chúa” có nghĩa là “Khi tôi trầm tư về vũ trụ, tôi sờn da gà!” Không ngôn ngữ nào trong hai ngôn ngữ này dẫn đến tình trạng rối ren về triết học mà anh vấp phải vì nói “Tôi tin Chúa”. Phù! Câu đó được giải! Và 2.500 năm triết học tôn giáo đi vào bế tắc.

Trong câu chuyện sau đây, Goldfinger và Fallaux đang nói trong hai ngữ cảnh khác nhau. Việc hai người nói bằng hai ngôn ngữ khác nhau cũng không làm thay đổi ý nghĩa câu chuyện.

Goldfinger du ngoạn trên biển. Đêm đầu tiên, anh dùng bữa tối với quý ông Fallaux người Pháp. Ông này nâng ly cùng với Goldfinger và nói, "Bon appétit!"

Goldfinger nâng ly đáp, "Goldfinger!"

Việc này cứ lặp đi lặp lại, hết bữa này sang bữa khác, trong suốt cả chuyến đi.

Cuối cùng người quản lý tàu không chịu nổi nữa, và giải thích với Goldfinger rằng "Bon appétit" tiếng Pháp có nghĩa là "Chúc ngon miệng".

Goldfinger rất xấu hổ và nóng lòng đợi đến bữa ăn sau để chuộc lại sai lầm. Thế rồi trước khi Fallaux cất lời, Goldfinger nâng ly và nói, "Bon appétit!"

Và Fallaux đáp lại, "Goldfinger!"

Các câu chuyện với những nhân vật có toan tính khác nhau dưới đây cung cấp những tình huống ngốc nghếch tương tự

về sự khác biệt khung ngôn ngữ gây rối giao tiếp như thế nào.

Tommy đến xưng tội và nói với cha đạo rằng, "Xin hãy cầu nguyện cho con, thưa Cha, vì con là kẻ có tội. Con đã đánh vào một ả đàn bà phóng đảng."

"Con ư. Tommy?" cha đạo hỏi.

"Dạ, chính con thưa Cha."

"Con đánh với ai thế, Tommy?"

"Tốt hơn là con không nên nói, thưa Cha."

"Có phải Bridget không?"

"Không, thưa Cha."

"Có phải Colleen không?"

"Không, thưa Cha."

"Có phải Megan không?"

"Không, thưa Cha."

"Thôi được, Tommy. Hãy đọc bốn lần kinh lạy Cha, bốn lần kinh lạy Đức Mẹ Maria."

Khi Tommy ra ngoài, anh bạn Pat hỏi cuộc xung đột diễn ra như thế nào.

"Hay lắm," Tommy nói. "Tớ được bốn lần kinh lạy Cha, bốn lần kính lạy Đức Mẹ Maria, và ba gợi ý tuyệt vời!"

Trong câu chuyện dưới đây, vị linh mục bị nhốt trong hiểu biết riêng của ông về khuôn khổ cuộc trao đổi mà ông tiến hành trong buổi xưng tội và không thấy được khả năng có một khuôn khổ khác.

Một người đàn ông bước đến gần bực xưng tội và nói với cha đạo. "Thưa Cha, tôi năm nay bảy mươi lăm tuổi, và đêm qua tôi làm tình với hai cô gái hai mươi tuổi - cùng một lúc."

Cha đạo hỏi, "ông đến xưng tội lần cuối khi nào?"

Người đàn ông nói, "Tôi chưa đi xưng tội lần nào, thưa Cha. Tôi là người Do Thái."

Cha đạo hỏi, "Thế sao ông lại nói với tôi?"

Người đàn ông nói, "Tôi nói chuyện này với tất cả mọi người!"

Có rất nhiều truyện cười dựa trên *nghĩa kép*, trong đó một câu được đặt sang khung ngôn ngữ khác sẽ có nghĩa khác hẳn. Trên thực tế, chính *độ rung* giữa hai khuôn khổ tạo ra tiếng cười.

Trong một quán bar, một người chơi piano có một con khỉ đi vòng quanh nhận tiền thưởng. Trong khi nghệ sĩ piano đang chơi, con khỉ nhảy tót lên quầy rượu, bước đến gần một ông khách và ngồi lên ly rượu của ông ấy, để hòn đá nhúng vào rượu, ông khách điên tiết, đến gần người chơi piano và nói, "Anh có biết con khỉ của anh ngâm bi vào cốc martini của tôi không?"

Người chơi đàn nói, "Không, anh bạn ạ, nhưng ngân thêm vài nhịp nữa đi, có lẽ tôi sẽ chơi được."

Nhiều câu đố cổ gài bẫy làm chúng ta tưởng rằng mình đang ở trong một khung ngôn ngữ, trong khi thực ra chúng ta đang ở trong một khung ngôn ngữ hoàn toàn khác.

"Cái gì thừa trong danh sách này: herpes (bệnh mụn rộp), gonorrhea (bệnh lậu), hay một condominium (chung cư) ở Cleveland?"

"Rõ ràng là condo."

"Sai, gonorrhea. Đó là cái duy nhất cậu có thể bỏ được."

Triết học ngôn ngữ thông thường bị phê phán như những trò chơi chữ thuần túy, nhưng Wittgenstein tin chắc rằng sự lẫn lộn khung ngôn ngữ có thể dẫn đến hậu quả cực kỳ tai hại.

Billingsley đến thăm bạn, Hatfield, đang bệnh nặng ở bệnh viện. Khi Billingsley đứng bên giường, bệnh trạng của Hatfield trở nên xấu đi, và anh ta rới rít ra hiệu lấy cái gì cho anh viết lên. Billingsley đưa cho anh ta một chiếc bút và một mảnh giấy, và Hatfield cố thu chút hơi tàn viết nguệch ngoạc đôi dòng

chữ. Vừa viết xong thì anh chết. Billingsley bỏ mảnh giấy vào túi, quá đau đớn nên không thể đọc ngay lúc đó.

Mấy ngày sau, khi đang nói chuyện với gia đình bên thi hài người chết thì Billingsley nhớ ra mảnh giấy đang ở trong túi áo vest anh đang mặc. Anh nói với tang gia, "Hat trao cho tôi mấy chữ trước khi anh ấy chết. Tôi chưa đọc, nhưng tôi biết anh ấy, đây chắc là những lời động viên an ủi tất cả chúng ta."

Và anh đọc to, 'Anh đang giẫm lên ống dẫn ôxy của tôi!' "

Điều trớ trêu là một trào lưu triết học đấu tranh vì sự sử dụng chính xác ngôn ngữ đã ra đời trong cộng đồng dân Anh, trong khi có vô khối truyện cười châm biếm thực tế rằng họ thường xuyên bị rối trí vì ngôn ngữ.

Một giáo dân đến thăm vị linh mục của một xứ đạo thuộc Giáo hội Anh, và nói rằng, "Thưa cha, gần đây con biết một bài thơ hài hước rất vui mà chắc cha cũng thích, nhưng con xin báo trước, nó hơi thô tục đấy ạ."

"Ồ, bình thường thôi," cha đạo nói.

"Thỉnh thoảng cha cũng chẳng quan tâm nếu có đôi chút tục tĩu."

"Vâng, nó thế này:

*Có chàng trai trẻ tên Mắm thối,
Cùng một thiếu phụ dùng bữa tối.*

Họ ngồi ăn

Vào lúc chập tối,

Và lúc 9:45, nó vào trong nàg.

"Cái gì vào trong nàg?" linh mục hỏi.

"Bữa ăn tối ấy à?"

"Không, thưa cha, đó là Mắm thối.
Mắm thối vào trong nàg."

"Ôi, lạ nhỉ, phải. Chuẩn! Rất hay."

Vài tuần sau, ngài giám mục đến thăm linh mục, và linh mục nói, "Thưa Đức giám mục, một giáo dân của con kể cho con nghe một bài thơ hài hước rất hay mà con rất muốn kể lại với cha, nếu cha không phiền nó hơi dâm một tí."

"Đọc đi," Giám mục nói.

"Nó như thế này," linh mục nói:

Có chàng trai trẻ tên Séc-măng-tuya,

Cùng một thiếu phụ dùng bữa khuya.

Đầu tiên họ uống trà

Vào lúc gần khuya,

Và lúc 3:45, nó lên nàng.

"Lên nàng?" Giám mục nói. "Cái gì lên nàng? Bữa ăn hả?"

"Không, không, thưa Giám mục. Thật ra, đó là một người hoàn toàn xa lạ tên là Mắm thối."

Và chính những người này dạy triết học ngôn ngữ thông thường cho chúng ta chẳng?

Chúng ta đang quan sát cuộc thảo luận căng thẳng giữa Wittgenstein và một nhà triết học truyền thống hơn, có thể phân

biệt rõ nhờ chuỗi hạt trai cổ điển trên cổ bà. Có thể nhận ra rằng nữ triết gia truyền thống thấy "Anh yêu em" và "Anh yêu iem" là hai lối diễn đạt tương đương.

Wittgenstein thì thấy cần thiết phải chỉnh lại ý kiến của bà ta bằng cách giải thích rằng ý nghĩa của một từ được xác định bởi quy tắc sử dụng nó. Bởi vì hai lối diễn đạt “Anh yêu em” và “Anh yêu iem” được sử dụng rất khác nhau trong ngôn ngữ thông thường, nên chúng có nghĩa rất khác nhau, và đồng thời cũng có ngụ ý xã hội rất khác nhau.

TÌNH TRẠNG NGÔN NGỮ CỦA TÊN RIÊNG

Trong khoảng năm mươi năm lại đây, triết học ngày càng mang nặng tính kỹ thuật, bớt quan tâm những vấn đề rộng lớn như ý chí tự do hay sự tồn tại của Chúa, mà nỗ lực tập trung hơn vào các vấn đề về sự trong sáng của logic và ngôn ngữ. Chúng tôi không nêu tên, nhưng một số triết gia hiện đại dường như đã đi chệch đích, chẳng hạn gần đây có những người trở nên hứng thú với

việc tìm hiểu ý nghĩa của các tên riêng. Bertrand Russeli quan niệm tên riêng thực ra là bản mô tả vắn tắt đặc tính của chủ thể. Chẳng hạn “Michael Jackson” chỉ là rút gọn của “ca sĩ da màu có chiếc mũi đã giải phẫu thẩm mỹ”.

Với triết gia đương đại có cái tên đặc biệt “Saul Kripke”, thì tên của các cá thể không chứa định nghĩa mô tả nào hết. Chúng là những “định danh cứng” (hoặc theo diễn đạt thông thường, là những cái nhãn); và gắn với người hoặc vật được chúng định danh chỉ bởi chuỗi xích truyền dẫn lịch sử gồm những mắt xích

mà thông qua đó tên gọi được truyền đến cho người hay vật mang.

Khi bước chân vào *showbiz*, Myron Feldstein đổi tên thành Frank Williamson. Để ăn mừng dịp nhận được vai diễn chính ở Broadway, anh mở đại tiệc trong căn hộ penthouse sang trọng của mình. Anh đã mời mẹ đến dự tiệc, nhưng bà không xuất hiện.

Sáng hôm sau, anh phát hiện ra mẹ ngồi ngoài sảnh. Anh hỏi bà làm gì ở đây, và tại sao bà không đến dự bữa tiệc tối qua.

"Mẹ không tìm thấy căn hộ của con,"
bà mẹ đáp.

"Ồ, thế sao mẹ không hỏi ông gác
công?"

"Tin mẹ đi, mẹ đã nghĩ đến chuyện đó.
Nhưng mẹ nói thật, mẹ quên mất tên con
rồi.

Frank, hay như mẹ anh gọi, Myron, đã
cắt đứt sợi xích truyền dẫn lịch sử của
"Myron".

oOo

CÂU HỎI KIỂM TRA

Truyện cười sau đây nhắm vào lý thuyết về tên riêng của ai, Russell hay Kripke nhỉ?

Một chàng trai bị đắm tàu giạt đến hoang đảo. Một ngày đẹp trời nọ, anh trông thấy có người bơi về phía mình. Đó không thể là ai khác ngoài Halle Berry! Chỉ vài giờ sau, họ đã trở thành đôi tình nhân say đắm. Tiếp theo là những tuần làm tình cuồng nhiệt. Rồi một hôm chàng trai hỏi Halle, “Em có vui lòng ban cho anh một đặc ân không?”

“Bất cứ chuyện gì,” người phụ nữ xinh đẹp đáp. “Tuyệt lắm. Em có thể cắt tóc thật ngắn và để anh gọi em là Ted được không?”

“Ồ, chuyện này nghe lạ đấy nhỉ,” Halle nói.

“Em làm ơn đi, làm ơn đi mà!”

“Thôi được,” Halle đáp.

Tối hôm đó, khi hai người đang đi dạo trên bờ biển, chàng trai quay sang nàng và nói: “Ted này, cậu không thể tin nổi là tớ đang quan hệ với ai đâu!”

TRIẾT HỌC VỀ TÍNH MỜ

Một khái niệm ngôn ngữ đương đại, mang tính kỹ thuật được biết đến dưới tên gọi đơn giản dễ gây ngộ nhận là “mờ”. “Mờ” là thuật ngữ do các nhà triết học được gọi là “các nhà logic mờ” (lạy Chúa!) dùng để mô tả tính chất “có một giá trị đúng từ một đến mười” chứ không đơn giản là tuyệt đối đúng hay sai. Chẳng hạn “Ông này hói” có thể dùng để chỉ bất cứ ai từ Michael Jordan đến Matt Lauer. Theo quan điểm của Matt, thuật ngữ này quá mơ hồ. (Matt Lauer, nhà báo người Mỹ, nổi tiếng với các chương trình trên truyền

hình.)

Một số nhà triết học nhận thấy tính mờ là một khiếm khuyết phổ biến trong các ngôn ngữ tự nhiên - chẳng hạn tiếng Thụy Điển hay tiếng Swahili - và đã chủ trương xây dựng thứ ngôn ngữ nhân tạo, giống như toán học, để loại trừ tính mờ.

Trong câu chuyện sau đây, người trông coi bảo tàng đã cố trộn lẫn ngôn ngữ tự nhiên mơ hồ và ngôn ngữ toán học chính xác, với kết quả hoàn toàn có thể dự đoán được.

Các du khách đang trầm trồ thán phục

trước bộ xương khủng long trong Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên. Có một người trong số họ quay sang người trông coi bảo tàng và hỏi, "Xin anh cho biết bộ xương này có niên đại bao nhiêu?"

Người trông coi bảo tàng đáp, "Nó được ba triệu bốn năm và sáu tháng tuổi rồi."

"Thật là một con số chính xác đến kinh ngạc," du khách thốt lên. "Làm sao mà anh biết niên đại của nó chính xác đến thế?"

Người trông bảo tàng trả lời, "À, bộ

xương khủng long này được ba triệu năm khi tôi bắt đầu đến làm việc ở đây, và từ bấy đến nay đã bốn năm sáu tháng rồi."

William James mô tả một chuỗi phương pháp tư duy, từ "tư duy mềm" đến "tư duy cứng". Các triết gia tư duy mềm khẳng định các ngôn ngữ tự nhiên mơ hồ có ưu thế so với toán học: chúng cho ta nhiều khoảng trống hơn để vẫy vùng.

Một bà già tám mươi tuổi đột ngột lao vào một phòng đàn ông trong nhà dưỡng

lão. Bà vung bàn tay nắm chặt lên và tuyên bố, "Ai đoán được tôi đang cầm cái gì sẽ được làm tình với tôi đêm nay!"

Một ông già ở cuối phòng kêu lên, "Một con voi?"

Bà già nghĩ ngợi một lát rồi đáp, "Gần đúng!"

Các triết gia tư duy cứng có thể dành cho bà lão một khoảng không để ngộ ngậy, nhưng họ sẽ chỉ ra những trường hợp trong đó tính chính xác quan trọng và tính mờ của ngôn ngữ tự nhiên có thể là tai họa. Có lẽ một ngôn ngữ nhân tạo sẽ

ngăn được tai họa sau đây:

Nhân viên trực tổng đài 911 nhận được cú điện hoảng loạn từ một người đi săn. "Tôi vừa thấy một thân người đầm máu ở trong rừng! Đó là một người đàn ông, và tôi nghĩ ông ta đã chết! Tôi phải làm gì bây giờ?"

Nhân viên trực tổng đài bình tĩnh nói, "Sẽ ổn thôi, ông ạ, chỉ cần làm theo chỉ dẫn của tôi. Trước hết hãy đặt máy xuống và chắc chắn là ông ta đã chết rồi."

Điện thoại im lặng một lúc, rồi có tiếng súng nổ. Giọng người đàn ông lại

vang lên, "Xong rồi, Bây giờ tôi phải làm gì?"

oOo

CÁC QUY TẮC MƠ HỒ

Câu chuyện có thật:

Guy Goma đang ngồi trong phòng tiếp tân đài BBC, chờ được phỏng vấn vào vị trí trợ lý dữ liệu thì một nhà sản xuất chương trình truyền hình bước vào phòng và hỏi, “Anh là Guy Kewney ư?”

Anh chàng Goma đến từ Congo và

mới học tiếng Anh, đáp, “Vâng”.

Nhà sản xuất lôi anh vào phòng ghi hình, nơi người chủ trì chương trình thời sự trực tiếp đang đợi để phỏng vấn chuyên gia thương mại về cuộc tranh chấp thương hiệu giữa Apple Computer và công ty thu âm Apple Corps. “Ông có ngạc nhiên về phán quyết hôm nay của tòa không?” người phỏng vấn hỏi.

Sau mấy giây hốt hoảng, Goma quyết định liều. “Tôi rất ngạc nhiên về phán quyết đó, bởi vì tôi không hề chờ đợi nó,” anh trả lời.

“Một ngạc nhiên lớn, phải không thưa ông?” người phỏng vấn nói.

“Đúng thế,” Goma đáp.

Người phỏng vấn hỏi liệu có phải phán quyết đó cho phép nhiều người tải nhạc xuống hơn không, và Goma công nhận rằng càng ngày càng nhiều người tải nhạc xuống trong tương lai.

Người phỏng vấn đồng tình. “Thực sự cảm ơn ông rất nhiều!” ông ta thốt lên.

oOo

DIMITRI: Câu chuyện này làm sáng tỏ tất cả những điều chúng ta đang bàn luận.

TASSO: Bằng cách nào kia?

DIMITRY: Thứ mà cậu gọi là “triết học,” tôi gọi là “truyện cười.”

VIII

TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ VÀ XÃ HỘI

Triết học chính trị và xã hội nghiên

cứu các vấn đề về công bằng xã hội. Tại sao chúng ta cần có chính phủ? Phúc lợi nên được phân phối như thế nào? Làm thế nào thiết lập được một hệ thống xã hội công bằng? Những vấn đề này thường được giải quyết theo cách kẻ mạnh phang gậy vào đầu kẻ yếu, nhưng sau nhiều thế kỷ tồn tại triết học chính trị và xã hội, xã hội đã nhận ra rằng tên lửa hiệu quả hơn nhiều.

DIMITRI: Tasso này, chúng ta có thể luận bàn triết học cho đến khi xanh mặt xanh mảy, nhưng nếu đến mức phải động

chân động tay thì tất cả những gì tôi thực sự muốn từ cuộc sống chỉ là ngôi nhà nhỏ của riêng mình, một con cừu, và ba bữa ăn thơm tất mỗi ngày.

Tasso huých Dimitri.

DIMITRI: Cậu làm cái quái gì thế?

TASSO: Ai cấm được tôi huých cậu - hoặc huých ai đó khác - nếu tôi thích thế hả?

DIMITRI: Vệ binh của Nhà nước chứ còn ai!

TASSO: Làm sao họ biết phải làm gì và tại sao?

DIMITRI: Nhờ Zeus. Nhưng chúng ta lại luận bàn triết học đây à?

TRẠNG THÁI TỰ NHIÊN

Các triết gia chính trị thế kỷ mười bảy và mười tám như Thomas Hobbes, John Locke, và Jean-Jacques Rousseau cho rằng sự bất an của con người sống trong trạng thái tự nhiên lộn xộn là động lực dẫn đến hình thành chính phủ. Các nhà triết học này không chỉ nói về sự nguy hiểm của những mãnh thú hoang dã trong thiên nhiên; họ còn nói về tình trạng vô

luật lệ: những nguy cơ của giao thông hai chiều, những người lảng giềng ồn ào, nạn cướp vợ, và những sự việc đại loại. Những phiền toái như vậy khiến con người phải tự tổ chức lại thành các nhà nước có chủ quyền. Hạn chế tự do cá nhân được chấp nhận như là sự trao đổi công bằng lấy những lợi ích mà nhà nước mang lại.

Một con thỏ rừng bị bắt đưa đến phòng thí nghiệm của Viện Sức khỏe Quốc gia. Tại đây, nó kết bạn với một con thỏ sinh ra và được nuôi lớn lên

trong phòng thí nghiệm.

Một buổi tối, thỏ rừng phát hiện ra chuồng của nó cài then không kỹ và quyết định tẩu thoát tìm tự do. Nó rủ con thỏ phòng thí nghiệm cùng đi trốn. Con thỏ phòng thí nghiệm rất do dự vì nó chưa bao giờ ra khỏi phòng thí nghiệm, nhưng cuối cùng cũng bị thỏ rừng thuyết phục.

Khi đã tự do, con thỏ rừng nói, "Tớ sẽ dẫn cậu đến cánh đồng tốt thứ ba," và dẫn bạn đến một cánh đồng trồng đầy rau diếp.

Sau khi ăn no nê, con thỏ rừng nói,

"Tớ sẽ dẫn cậu đến cánh đồng tốt thứ hai," và nó dẫn con thỏ phòng thí nghiệm đến cánh đồng trồng toàn cà rốt.

Sau khi ăn no cà rốt, con thỏ rừng nói, "Tớ sẽ dẫn cậu đến cánh đồng tốt nhất," và nó dẫn con thỏ phòng thí nghiệm đến một nơi có nhiều hang thỏ đầy những thỏ cái. Cả hai như lạc vào thiên đường, làm tình liên miên suốt đêm.

Trời vừa rạng đông, con thỏ phòng thí nghiệm tuyên bố rằng nó phải quay trở về phòng thí nghiệm.

"Tại sao?" con thỏ rừng ngạc nhiên.

"Tớ đã dẫn cậu đến cánh đồng tốt thứ ba với rau diếp, cánh đồng tốt thứ hai với cà rốt, và cánh đồng tốt nhất với các cô nàng. Tại sao cậu còn muốn quay lại phòng thí nghiệm?"

Con thả phòng thí nghiệm trả lời, "Tớ không chịu được. Tớ đang thêm thuốc lá muốn chết!"

Đó là những lợi ích của một xã hội có tổ chức.

Mô tả cuộc sống của con người sẽ thế nào nếu không có chính phủ, Hobbes từng có nhận xét nổi tiếng về trạng thái tự

nhiên của con người là “cô độc, nghèo [sic], dơ bẩn, dã man, và ngắn”. Như chúng ta biết, Hobbes không có mấy khiếu hài hước, nhưng các danh sách dài luôn gắn theo một thứ đặc sắc rất nghịch lý ở cuối lại làm bật ra tiếng cười, chẳng hạn một quý bà phàn nàn rằng thực phẩm ở nơi nghỉ dưỡng của bà ta “lạnh, sống sít, ghê tởm và khẩu phần quá ít!”

Nhưng Hobbes đã không lường đến một khía cạnh trong bản chất con người, đó là sự lãng mạn của đời sống trong trạng thái tự nhiên, đặc biệt là hiện nay, khi rất nhiều người trong chúng ta đang

cố tìm cách nối kết với con người hoang dã bên trong mình.

Trudy và Josephine đăng ký một chuyến đi săn ở miền hoang dã nước Úc. Đêm khuya, một thổ dân đóng khố đột nhập vào lều của họ và lôi Trudy ra khỏi võng, kéo cô vào rừng sâu và "làm cái cách của anh ta với cô". Mãi đến sáng hôm sau người ta mới tìm thấy cô, nằm mê man dưới gốc một cây cọ. Cô được đưa khẩn cấp vào bệnh viện ở Sydney để chữa chạy. Hôm sau, Josephine đến thăm Trudy và thấy bạn mình đang rất ủ rũ.

Josephine: Chắc cậu cảm thấy khủng khiếp lắm.

Trudy: Tất nhiên, quá khủng khiếp ấy chứ! Hai mươi tư giờ đã trôi qua rồi, vậy mà không thiệp cũng không hoa. Anh ấy thậm chí còn không gọi điện nữa!

LỄ PHẢI THUỘC VỀ KẺ MẠNH

Niccolò Machiavelli thế kỷ mười sáu, tác giả của *Quân vương*, được coi như cha đẻ của thuật cai trị hiện đại bởi vì ông khuyên các nhà cai trị thời Phục hưng đừng đếm xỉa đến những tiêu chuẩn

đã được thừa nhận về phẩm hạnh và “sử dụng cái ác khi cần”. Ông quan niệm không quyền lực nào cao hơn nhà nước, nên lời khuyên của ông đối với các nhà cai trị là... theo xu hướng Machiavelli. Ông thừa nhận thẳng thừng rằng tiêu chuẩn của ông về phẩm hạnh là bất cứ điều gì cho phép nhà cai trị sống còn về phương diện chính trị. Mặc dù đối với nhà cai trị, được sợ thì tốt hơn là được yêu, nhưng ông ta phải tránh bị ghét, vì điều đó có thể đe dọa quyền lực của ông ta. Tốt nhất là theo đuổi quyền lực một cách nhẫn tâm, trong khi tỏ ra liêm chính.

Ví dụ sau đây là để suy ngẫm:

Một phụ nữ kiện một người đàn ông đã phỉ báng, bôi nhọ thanh danh của bà ta, tố cáo ông kia đã gọi bà ta là con lợn. Người đàn ông bị kết tội và phải chịu bồi thường. Sau phiên tòa, ông ta hỏi quan tòa, "Như thế có nghĩa là từ nay tôi không thể gọi bà Harding là con lợn nữa à?"

Quan tòa nói, "Đúng."

"Và điều đó có nghĩa là tôi không được gọi con lợn là bà Harding?"

Quan tòa nói, "Không, ông được tự do gọi một con lợn là bà Harding. Như thế không có tội."

Người đàn ông nhìn vào mắt bà Harding và nói, "Xin chào bà Harding."

Các truyện cười luôn luôn thừa nhận rằng tất cả chúng ta đều bị những thủ đoạn theo xu hướng Machiavelli cám dỗ, đặc biệt khi chúng ta tin chắc mình sẽ không bị lật tẩy.

Một người thắng 100.000\$ ở Las Vegas, và không muốn cho ai biết, anh ta

mang tiền về nhà, chôn ở sân sau. Sáng hôm sau, anh ta ra tìm thì thấy hố trống không. Anh ta thấy vết chân người hướng sang nhà kế bên, là nhà của một người câm-điếc, nên anh ta nhờ một giáo sư ở dưới phố, là người biết ngôn ngữ ra hiệu, giúp anh ta nói chuyện với người hàng xóm. Anh ta lấy khẩu súng và cùng với giáo sư gõ cửa nhà bên. Khi người hàng xóm mở cửa, anh ta chĩa súng vào mặt hắn và nói với giáo sư, "Ông bảo hắn rằng nếu hắn không trả lại tôi 100.000\$, tôi sẽ giết hắn ngay bây giờ!"

Ông giáo sư dùng ngôn ngữ cử chỉ để

truyền đạt cho người hàng xóm. Anh hàng xóm đáp rằng anh ta quả có giấu số tiền đó trong sân sau nhà mình, dưới gốc cây anh đào.

Ông giáo sư quay sang người đàn ông và nói, "Anh ta không chịu nói. Anh ta bảo thà chết còn hơn."

Không có gì đáng ngạc nhiên khi Machiavelli là người ủng hộ án tử hình, vì lợi ích nhất đối với nhà cai trị là được coi là hà khắc chứ không phải khoan dung. Nói cách khác, Machiavelli đồng ý với một người đã châm biếm nói, “Án tử

hình có nghĩa là không bao giờ phải nói, ‘Lại là anh đấy à?’”

Dù bề ngoài chúng ta tỏ ra chính trực bao nhiêu - hoặc thậm chí cả trong tư tưởng - thì Machiavelli vẫn tin rằng chúng ta thấy đều là những kẻ theo xu hướng Machiavelli từ tâm can phế phôi.

Bà Parker được gọi ra làm hội thẩm trong một phiên tòa nhưng bà yêu cầu được miễn vì về nguyên tắc bà phản đối án tử hình. Luật sư bào chữa nói, "Nhưng thưa bà, đây không phải là một vụ án giết người. Đây là một vụ kiện dân sự. Một

người phụ nữ kiện chồng cũ của bà ta vì ông này đánh bạc hết 25.000\$ mà ông ấy đã hứa dùng để sửa sang lại nhà tắm nhân dịp sinh nhật của bà ta."

"Ồ, thế thì tôi sẽ nhận lời," bà Parker nói. "Còn về án tử hình, tôi nghĩ có lẽ tôi đã sai rồi."

oOo

Nhưng xin đừng vội. Có thể là chính chúng ta đang bị cười nhạo chăng? Một số sử gia hiện đại tin rằng Machiavelli đã phỉnh gạt chúng ta bằng thứ chủ nghĩa Machiavelli lộn ngược – tỏ ra tàn ác

nhưng thực chất lại là cổ xúy cho những phẩm hạnh xưa cũ. Rốt cuộc, liệu có phải thực ra Machiavelli châm biếm chế độ chuyên chế không? Trong tiểu luận “*Quân vương: Khoa học Chính trị hay Trào phúng Chính trị?*” sử gia được trao giải Pulitzer Garrett Mattingly khẳng định Machiavelli đã bị hiểu sai: “Quan điểm đánh giá cuốn sách nhỏ này (*Quân vương*) là một khảo luận khoa học nghiêm túc về thuật cai trị mâu thuẫn với tất cả những gì chúng ta biết về cuộc đời Machiavelli, về những trước tác của ông, và về lịch sử thời đại ông.”

Nói cách khác, Mattingly cho rằng Machiavelli là một con cừu trong lót sồi.

CHỦ NGHĨA NỮ QUYỀN

Đây là câu đố làm đau đầu người ta suốt mấy thập kỷ:

Một người chứng kiến con trai mình bị tai nạn xe đạp khủng khiếp. Anh ta bế đứa bé lên, đặt vào ghế sau xe ô tô và lao nhanh đến phòng cấp cứu. Khi thẳng bé được đẩy vào phòng mổ, bác sĩ giải phẫu kêu lên, "Ôi Chúa ơi! Nó là con

tôi!"

Chuyện này có thể giải thích ra sao?

Rất đơn giản! Bác sĩ giải phẫu là mẹ
đứa bé.

Thời nay, ngay cả Rush Limbaugh
(Người dẫn chương trình truyền thanh và phê
bình chính trị bảo thủ nổi tiếng ở Mỹ.) cũng
không phải rơi trí chút nào trước câu đố
này; số lượng nữ bác sĩ ở nước này đã
gần cân bằng với số lượng bác sĩ nam.
Và đó là kết quả của sức mạnh triết lý nữ
quyền cuối thế kỷ hai mươi.

oOo

Khi đài BBC tổ chức cuộc thăm dò ý kiến thính giả về bình chọn triết gia vĩ đại nhất thế giới, không có nhà triết học nữ nào lọt vào top hai mươi (đứng đầu là Karl Marx). Các học giả nữ trên toàn thế giới nổi giận. Hypatia, triết gia Hy Lạp theo chủ nghĩa Plato mới đâu rồi? Hoặc nhà tiểu luận thời Trung cổ Hildegard von Bingen nữa? Tại sao Heloise thế kỷ mười hai bị gạt ra, trong khi Abelard - học được từ bà cũng tương đương bà học được từ ông ấy - thì được bầu (mặc dầu cũng không lọt vào top hai mươi)? Còn

Mary Astell thế kỷ mười bảy, nhà nữ quyền buổi đầu thì sao? Và đâu rồi những triết gia thời hiện đại: Hannah Arendt, Iris Murdoch, và Ayn Rand?

Phải chăng chủ nghĩa sô vanh vô phương cứu chữa trong giới học thuật đã khiến cho công chúng học thức không biết đến các triết gia lớn này? Hay là phải trách những đám học giả nặng tư tưởng sô vanh đương thời đã không nhìn nhận những người phụ nữ này đủ nghiêm túc ở thời của họ?

Buổi rạng đông thực sự của triết học

nữ quyền bắt đầu từ thế kỷ mười tám với tác phẩm *phôi thai* (hay ta nên gọi là tác phẩm *trứng nước*?) của Mary Wollstonecraft *Chứng minh các quyền của phụ nữ*. Trong khảo luận này, bà thách thức không ai khác ngoài chính Jean-Jacques Rousseau, người đề xuất một hệ thống giáo dục cấp thấp cho phụ nữ.

Chủ nghĩa nữ quyền trong thế kỷ hai mươi được giải thích lại theo quan điểm hiện sinh với việc xuất bản cuốn *Giới tính thứ hai* của nhà triết học (và là người tình của Jean-Paul Sartre) Simone

de Beauvoir. Bà tuyên bố không tồn tại thứ nữ tính bản chất nào hết, đó chỉ là tấm áo bó buộc do nam giới khoác cho nữ giới mà thôi. Về thực chất, phụ nữ tự do tạo ra phiên bản đàn bà theo quan niệm của họ.

Nhưng quan niệm về nữ tính mềm dẻo đến mức độ nào? Phải chăng những cơ quan sinh sản có từ khi chúng ta chào đời không liên quan gì đến nhận dạng giới tính của chúng ta? Một số nhà nữ quyền hậu de Beauvoir cho là vậy. Họ tuyên bố rằng con người bẩm sinh là một tấm bảng trắng về giới tính, nhận dạng giới tính là

thứ chúng ta sở hữu về sau từ cha mẹ và xã hội. Và ngày nay, việc lĩnh hội vai trò giới tính đã trở nên phức tạp hơn bao giờ hết.

Hai anh chàng đồng tính đang đứng ở góc phố thì có một cô gái tóc vàng thon thả, đẹp lộng lẫy trong bộ váy mỏng bó sát, ngực áo khoét sâu, đi qua.

Một chàng thốt lên với chàng kia, "Những lúc như thế này, tôi ước gì mình là *les*!"

Phải chăng những vai trò giới tính

truyền thống chỉ là định ước xã hội do đàn ông tạo ra để giữ đàn bà trong vòng lệ thuộc? Hay là những vai trò đó được quy định về phương diện sinh học? Thế lưỡng nan này tiếp tục chia rẽ cả các nhà triết học lẫn tâm lý học. Một số nhà tư tưởng sâu sắc ủng hộ mạnh mẽ quan điểm cho rằng những khác biệt giới tính được quy định bởi yếu tố sinh học. Chẳng hạn, khi Freud tuyên bố rằng “giải phẫu học là số phận”, ông đã sử dụng mục đích luận để chứng minh rằng cấu tạo cơ thể của phụ nữ quyết định vai trò của phụ nữ trong xã hội. Có điều vẫn chưa rõ ông

nói đến thuộc tính giải phẫu học nào khi kết luận là ủi quần áo là công việc của phụ nữ?

Một câu hỏi khác - vậy liệu quy định sinh học có chi phối đàn ông hay không? Chẳng hạn, phải chăng do kết quả giải phẫu học của họ, đàn ông dễ có xu hướng dùng những tiêu chuẩn nguyên thủy nhất trong việc lựa chọn bạn đời?

Một anh chàng hò hẹn với ba cô gái và đang cố gắng quyết định sẽ cưới ai. Anh ta đưa cho mỗi người 5.000 đô la để xem họ làm gì với số tiền đó.

Người thứ nhất đi mông má lại toàn thân. Cô ta vào một salon thượng hạng, làm tóc, làm móng, sửa mặt, và mua nhiều quần áo trang sức. Cô nói với anh rằng cô làm thế để trở nên hấp dẫn hơn với anh, bởi vì cô rất yêu anh.

Cô thứ hai mua cho anh một vài món quà. Cô mua một bộ gậy chơi golf, một số phụ kiện máy tính và quần áo đắt tiền. Cô nói rằng cô đã tiêu tất cả số tiền đó cho anh bởi vì cô rất yêu anh.

Cô thứ ba đầu tư số tiền đó vào chứng khoán. Cô kiếm được gấp đôi gấp ba 5.000\$. Cô trả lại anh 5.000\$ và tiếp tục

đầu tư số còn lại vào chứng khoán. Cô nói với anh rằng cô muốn đầu tư cho tương lai của hai người bởi vì cô rất yêu anh.

Vậy anh ấy chọn ai?

Trả lời: Cô có bộ ngực to nhất.

CÂU HỎI KIỂM TRA

Truyện cười trên chống nữ quyền hay là chống những con lợn đực sô vanh?

Hãy thảo luận.

Male chauvinist pig: Thuật ngữ của những nhà hoạt động nữ quyền những năm 1960 dùng để chỉ những người đàn ông thường có quyền lực (ví dụ ông chủ hoặc giáo sư), công khai

bằng lời nói và việc làm cho rằng đàn ông hơn hẳn đàn bà.

Còn đây là một câu chuyện khác luận về sự khác biệt bản chất giữa đàn ông và đàn bà. Nó là bản chất, vì Người Đàn Ông Đầu Tiên chưa vướng vào các định ước xã hội, và tính bốc đồng của anh ta vì thế là thiên bẩm.

Chúa xuất hiện trước mặt Adam và Eve trong vườn Địa đàng, tuyên bố rằng ngài có hai món quà, cho mỗi người một món, và ngài muốn để hai người tự chọn

lấy. Ngài nói, "Món quà thứ nhất là khả năng đứng đái."

Adam hấp tấp kêu to, "Đứng đái à? Tuyệt diệu! Nghe quá đã! Con muốn món này."

"Ô kê," Chúa nói. "Món này là của con, Adam. Còn Eve, con được món kia - cực khoái nhiều lần."

Thành quả xã hội và chính trị của phong trào nữ quyền nhiều vô kể: quyền bầu cử, luật bảo vệ nạn nhân bị cưỡng hiếp, được đối xử và đối đãi tốt hơn ở nơi làm việc. Gần đây, một hệ quả xã hội

khác của phong trào nữ quyền là sự phản
đòn của đàn ông. Từ đó dẫn đến một hiện
tượng mới - sự ra đời của những truyện
cười lệch lạc chính trị.

Coi một truyện cười công kích phong
trào nữ quyền bất kỳ nào là lệch lạc
chính trị tức là gia tăng chiều kích cho
câu chuyện đó. “Tôi biết câu chuyện này
chống lại triết lý tự do đã được thừa
nhận của thời đại, nhưng bây giờ chẳng
lẽ đến đùa cũng không được nữa sao?”
Tạo ra những truyện cười theo khuynh
hướng này, người kể đòi hỏi có quyền
bất kính, một phẩm chất có thể làm cho

một truyện cười thêm phần hài hước, và gây ra những rắc rối về mặt xã hội cho người kể, như ta thấy trong câu chuyện quá đĩnh sau đây:

Trong chuyến bay vượt đại dương, một chiếc máy bay bay qua vùng bão lớn, rung giật dữ dội. Tình hình càng tồi tệ hơn khi một bên cánh máy bay bị sét đánh.

Một người phụ nữ đặc biệt kinh hoàng. Cô đứng trên lối đi, gào lên, "Tôi còn quá trẻ mà phải chết rồi sao?" Rồi cô la, "ôi, tôi sắp chết rồi. Tôi muốn

những giây phút cuối của tôi trên đời đáng ghi nhớ! Chưa từng có ai làm cho tôi cảm thấy tôi thật sự là đàn bà! Được rồi, tôi đã quyết! Có ai trên máy bay này có thể làm cho tôi cảm thấy tôi thật sự là đàn bà không?"

Một hồi lâu im lặng. Mọi người quên đi mối hiểm nguy của chính mình, cùng nhìn như đóng đinh vào người phụ nữ tuyệt vọng ở phía trước. Rồi ở phía cuối máy bay có một người đàn ông đứng lên. Anh ta cao to lực lưỡng, da rám nắng, tóc đen nhánh, và anh ta bắt đầu vừa bước chậm rãi trên lối đi, vừa mở cúc

áo sơ mi của mình. "Tôi có thể làm cô cảm thấy cô thật sự là đàn bà," anh ta nói.

Không ai nhúc nhích. Khi người đàn ông tới gần, cô gái bắt đầu bị kích động. Anh ta cởi sơ mi ra. Các bắp thịt cuộn cuộn trên ngực anh khi anh với đến cô, giơ cánh tay cầm chiếc sơ mi cho người phụ nữ đang run rẩy, và nói, "Là cái áo này đi."

Cơn bão công kích của những truyện cười lệch lạc chính trị này cũng khiến sinh ra vô số truyện cười phản kích, mở

đầu như những truyện kỳ thị cực đoan điển hình truyền thống, nhưng kết cục lại bất ngờ giành phần thắng cho phụ nữ.

Hai tay chia bài trong sòng bạc đang buồn chán ngồi chờ ở bàn xúc xắc thì một phụ nữ tóc vàng rất hấp dẫn bước đến và đặt cược 20.000 đô la cho một lần gieo xúc xắc duy nhất. Cô ta nói, "Tôi hy vọng các anh không thấy phiền, nhưng tôi cảm thấy sẽ may mắn hơn khi tôi hoàn toàn trần truồng." Nói rồi, cô cởi bỏ quần áo, gieo xúc xắc, và kêu lên, "Cố lên, con ơi, Má cần quần áo mới!"

Khi xúc xắc ngừng lại, cô nhảy tung tung và ré lên, "Ha! Ha! Ta thắng! Ta thắng rồi!" Cô ôm từng người chia bài, nhặt lấy số tiền thắng cuộc và quần áo của mình rồi nhanh chóng biến mất. Hai người chia bài đứng chết lặng nhìn nhau. Cuối cùng, một người nói, "Cô ấy gieo cái gì?" Người kia nói, "Tôi không biết. Tôi tưởng anh nhìn."

Bài học: không phải tất cả các phụ nữ tóc vàng đều ngốc, nhưng tất cả đàn ông đều là đàn ông.

Đây lại một thí dụ nữa về thể loại

truyện nữ quyền mới:

Một cô gái tóc vàng ngồi cạnh một luật sư trên máy bay. Anh này cứ lải nhải rủ cô chơi trò chơi, xem ai am hiểu rộng hơn. Cuối cùng, anh ta nói anh xin đánh cá mười ăn một. Cứ mỗi lần không trả lời được một câu hỏi của anh ta, cô sẽ phải trả năm đô la. Mỗi lần không trả lời được một câu hỏi của cô, anh ta phải mất năm mươi đô.

Cô đồng ý chơi, và anh ta hỏi, "Khoảng cách từ Trái Đất đến ngôi sao gần nhất là bao nhiêu?"

Cô không nói gì, chỉ đưa cho anh ta tờ năm đô la.

Cô hỏi, "Con gì đi lên núi bằng ba chân nhưng đi xuống bằng bốn chân?"

Anh ta suy nghĩ hồi lâu nhưng cuối cùng phải thú nhận rằng anh chẳng biết tí gì. Anh ta đưa cô năm mươi đô la.

Cô gái đút tiền vào ví không bình luận gì.

Chàng luật sư nói, "Khoan đã. Câu trả lời cho câu hỏi của cô là gì?"

Không nói một lời, cô đưa cho anh ta năm đô la.

CÁC TRIẾT THUYẾT KINH TẾ HỌC

Trong câu đầu tiên của cuốn sách kinh điển của Robert Heilbroner về các nhà lý thuyết kinh tế học, *Các triết gia thế gian*, tác giả thú nhận rằng đây là cuốn sách về “một số người có tham vọng kỳ lạ về danh tiếng”. Đúng thế, ngay cả kinh tế học cũng có các triết gia của riêng nó.

Triết gia kinh tế người Scotland Adam Smith viết cuốn *Nghiên cứu bản chất và nguồn gốc tài sản quốc gia*

trong cùng năm Hoa Kỳ tuyên bố độc lập. Tác phẩm này đã hình thành bản thiết kế cho chủ nghĩa tư bản thị trường tự do.

Theo Smith, một trong những sức mạnh của chủ nghĩa tư bản là nó cổ vũ sáng tạo kinh tế. Dường như những lợi ích cá nhân có khả năng kích thích tư duy không kém gì một cảnh tượng tử hình treo cổ.

Một người bước vào ngân hàng nói rằng ông ta muốn vay 200\$ trong sáu tháng. Nhân viên tín dụng hỏi ông ta có gì để thế chấp. Người kia nói, "Tôi có

chiếc Rolls Royce. Chìa khóa của nó đây. Các ông hãy giữ nó đến khi nào tôi trả xong nợ."

Sáu tháng sau, người ấy quay lại ngân hàng, trả 200\$ nợ cộng thêm 10\$ tiền lãi và nhận lại chiếc Rolls Royce. Nhân viên tín dụng hỏi, "Thưa ngài, cho phép tôi hỏi, tại sao một người đi Rolls Royce mà lại cần vay 200\$?"

Người kia trả lời, "Tôi phải sang châu Âu sáu tháng, và tôi có thể gửi chiếc Rolls Royce ở đâu trong thời gian lâu như thế mà chỉ mất có 10\$?"

oOo



Đúng đây, con yêu, mẹ phải giữ đôi tay thật

đẹp

lỡ khi mẹ muốn quay lại khoa phẫu thuật
não."

oOo

Theo lý thuyết của chủ nghĩa tư bản,
“nguyên tắc của thị trường” điều tiết nền
kinh tế. Chẳng hạn, kiểm soát tốt hàng
hóa có thể tạo ra lợi thế cạnh tranh cho
một doanh nghiệp.

Người phỏng vấn: Thưa ngài, ngài đã
gây dựng được một sản nghiệp đáng kể

trong suốt cuộc đời mình. Ngài làm ra tiền bằng cách nào?

Tỷ phú: Tôi làm ra tất cả số tài sản đó bằng việc kinh doanh chim bồ câu đưa thư.

Người phỏng vấn: Chim bồ câu đưa thư! Thật hấp dẫn! Ngài đã bán được bao nhiêu con?

Tỷ phú: Tôi chỉ bán một con, nhưng nó cứ quay về hoài.

Khi chủ nghĩa tư bản tiến hóa, triết học kinh tế đã phải cố chạy theo để bắt

kịp. Đôi mới thị trường đã đưa đến những vấn đề phức tạp mà Adam Smith và các nhà triết gia kinh tế kinh điển chưa tưởng tượng ra. Chẳng hạn, bảo hiểm y tế đã tạo ra một bối cảnh trong đó lợi ích cao nhất của người mua là không nhận về số tiền của mình. Nếu bạn nói với một tay môi giới hàng về việc mua thịt lợn, thì thứ anh ta nghĩ đến sẽ không phải là những con lợn, mà là một hợp đồng giao dịch tương lai. Xổ số là một sự đổi mới tương tự, trong đó các quy luật kinh điển về thị trường dường như không hoàn toàn thích hợp.

Jean-Paul, một người Cajun, chuyển đến Texas và mua một con lừa của một ông già nông dân với giá 100\$. Người nông dân đồng ý đem con lừa đến vào hôm sau.

Hôm sau, người nông dân đến và nói, "Xin lỗi, nhưng tôi có một tin xấu: con lừa chết rồi."

"Thôi được, thế thì trả lại tiền cho tôi."

"Không được. Tôi tiêu hết mất rồi."

"Thôi được, thế thì bỏ con lừa xuống

đây."

"Anh định làm gì với nó?"

"Tôi dùng nó làm phần thưởng xổ số."

"Anh không thể dùng một con lừa đã chết làm phần thưởng xổ số!"

"Chắc chắn tôi làm được. Cứ chờ xem. Tôi sẽ không nói với ai là nó đã chết."

Một tháng sau, người nông dân gặp lại anh chàng Cajun và hỏi, "Chuyện gì xảy ra với con lừa chết ấy?"

"Tôi dùng nó làm phần thưởng xổ số. Tôi bán 500 vé, mỗi vé 2\$ và được lời

898\$."

"Không có ai phàn nàn à?"

"Có anh chàng trúng số. Bởi vậy tôi trả lại anh ta 2\$."

Các nhà kinh tế học cổ điển cũng không chú ý lắm đến cái mà ngày nay chúng ta gọi là “giá trị ẩn”, chẳng hạn như lao động không được trả công của các bà mẹ ở nhà. Câu chuyện sau đây minh họa khái niệm giá trị ẩn:

Một nhà sưu tầm nghệ thuật nổi tiếng đang dạo bước trên phố thì chợt thấy có

con mèo nhem nhuốc đang liếm sữa trong đĩa bên lối vào một cửa hàng. Nhìn kỹ, ông ta nhận ra cái đĩa rất cổ và rất có giá trị, bèn làm ra vẻ tình cờ bước vào cửa hàng và ngỏ ý muốn mua con mèo với giá hai đô la.

Chủ cửa hàng trả lời, "Xin lỗi, nhưng con mèo đó không phải để bán."

Nhà sưu tầm nói, "Làm ơn đi, tôi cần một con mèo đó ở nhà để bắt chuột. Tôi sẽ trả ông hai mươi đô la cho con mèo đó."

Người chủ nói, "Vâng tôi bán," và

đưa con mèo cho nhà sưu tầm.

Nhà sưu tầm tiếp tục, "Này, với hai mươi đô la, không hiểu ông có vui lòng quẳng thêm chiếc đĩa cũ kia không. Con mèo đã quen với nó và tôi đỡ tốn công đi kiếm một chiếc đĩa."

Người chủ nói, "Xin lỗi, ông bạn, nhưng nó là chiếc đĩa may mắn của tôi. Cho đến tuần này tôi đã bán được ba mươi tám con mèo rồi."

Xứng đáng với danh tiếng của mình, Adam Smith đã thấy trước những tảng đá ngầm của chủ nghĩa tư bản tự do, chẳng

hạn như sự lớn mạnh của các tổ chức độc quyền. Nhưng chỉ có Karl Marx ở thế kỷ mười chín mới có thể xây dựng được triết thuyết kinh tế tấn công vào tình trạng phân phối phúc lợi bất công trong chính hệ thống chủ nghĩa tư bản. Sẽ xảy ra một cuộc cách mạng, và chính quyền của những người vô sản sẽ xóa bỏ chênh lệch giàu nghèo tác động đến tất cả các lĩnh vực xã hội - từ chế độ sở hữu đến lòng tin.

Cách đây không lâu, chúng tôi sang Cuba để mua một ít xi gà rẻ không được nhập khẩu vào Mỹ vì lệnh cấm vận. Khi

dùng chân ở một câu lạc bộ hài kịch ở Havana chúng tôi nghe được mẩu đối thoại sau đây:

José: Một thế giới mới điên rồ làm sao! Người giàu, có thể trả tiền mặt, thì được mua chịu (mua bằng thẻ tín dụng). Người nghèo, không có tiền, lại phải trả tiền mặt. Chẳng phải Marx đã nói cần phải lật ngược lại hay sao? Nên cho phép người nghèo mua chịu, còn người giàu phải trả tiền mặt.

Manuel: Nhưng nếu các chủ cửa hàng bán chịu cho người nghèo thì chẳng bao lâu chính họ cũng sẽ thành người nghèo!

José: Thế càng tốt! Khi đó họ cũng có

thể mua chịu!

Theo Marx, chuyên chính vô sản tiếp sau cách mạng sẽ kéo theo “sự suy tàn của nhà nước”. Chúng tôi vẫn nghĩ Marx phải chịu tai tiếng là một kẻ vô chính phủ cực đoan.

oOo

CÂU HỎI KIỂM TRA

Ông Marx nào vô chính phủ hơn? Karl, người nói, “Giai cấp bị áp bức nhất định sẽ đứng lên giật tung xiềng

xích,” hay là Groucho (Groucho Marx: 1809-1977 diễn viên hài nổi tiếng người Mỹ), người nói, “Ngoài một con chó, thì quyển sách là bạn tốt nhất của con người. Trong một con chó thì tôi quá không đọc được.”

Có thể bạn đang tự hỏi, “Chính xác thì chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản khác nhau ở chỗ nào?” Có thể bạn không hỏi. Bất luận thế nào thì câu trả lời cũng hết sức đơn giản. Dưới chế độ tư bản, người này bóc lột người kia. Dưới chế độ cộng sản thì ngược lại.

Vấn đề phức tạp này dẫn đến sự thỏa

hiệp giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, được biết đến dưới tên gọi nền dân chủ xã hội, trong đó người không có khả năng lao động được hưởng trợ cấp, và pháp luật bảo hộ thỏa ước tập thể. Nhưng sự thỏa hiệp này đã buộc một số người phải tả phải chấp nhận các đối tác “đồng sàng dị mộng”.

Một đại biểu công đoàn sang dự hội nghị ở Paris và quyết định đi chơi nhà thổ. Anh ta hỏi bà chủ, "Đây có phải nhà nghiệp đoàn không?"

"Không, không phải," bà ta trả lời.

"Vậy các cô gái kiếm được bao nhiêu?" vị đại biểu công đoàn hỏi.

"Ông trả tôi 100\$, nhà chứa được 80\$, cô gái được 20\$."

"Như vậy là bóc lột tàn tệ." Người đàn ông nói và huỳnh huých bước ra.

Cuối cùng, anh ta tìm được một nhà thổ mà bà chủ nói đó là nhà nghiệp đoàn.

"Nếu tôi trả bà 100\$, cô gái được bao nhiêu?" anh ta hỏi.

"Cô ấy được 80\$."

"Tuyệt!" ông ta nói. "Tôi muốn Collette."

"Vâng, tôi chắc anh thích con bé," bà chủ chùa nói, "nhưng phải ưu tiên Thérèse, vì ở đây cô ấy có thâm niên."

Lý thuyết kinh tế thường nguy hiểm khi cố nêu lên sự khác biệt ở những hoàn cảnh không có sự khác biệt. Chẳng hạn, về nguyên tắc liệu có sự phân biệt thực sự nào không giữa việc trợ cấp cho người nghèo và giảm thuế cho người giàu?

Trong truyện cười này, ông Fenwood đã áp dụng chiến thuật khiến hai thỏa thuận kinh tế khác nhau thực ra không có

gì khác biệt:

Ông Fenwood có một con bò nhưng không có chỗ chăn thả. Bởi vậy ông sang thăm ông bạn láng giềng Potter, và đề nghị trả ông Potter mỗi tháng hai mươi đô la để thả con bò ở bãi cỏ của ông Potter. Ông Potter đồng ý. Nhiều tháng trôi qua, con bò được thả ở bãi cỏ nhà ông Potter nhưng ông Fenwood không đưa cho ông Potter đồng nào. Cuối cùng, ông Potter sang nhà ông Fenwood và nói, "Tôi biết ông đang khó khăn tiền bạc, vậy chúng ta thỏa thuận với nhau một

chút nhé? Tôi đã chăn con bò cho ông mười tháng, ông nợ tôi 200\$. Tôi nghĩ con bò cũng đáng giá chừng đó. Bây giờ tôi giữ con bò và chúng ta không ai nợ nần ai nhé?"

Ông Fenwood nghĩ một phút rồi nói, "Thôi ông hãy giữ nó thêm một tháng nữa, rồi con bò sẽ thuộc về ông!"

TRIẾT HỌC LUẬT PHÁP

Triết học về luật pháp, hay luật học, nghiên cứu những vấn đề nền tảng như “Mục đích của pháp luật là gì?”

Triết học luật pháp có một số học thuyết chính. “Luật đức hạnh”, bắt nguồn từ đạo đức học của Aristotle, quan niệm rằng luật pháp nên khuyến khích phát triển đức hạnh. Những người chủ trương áp dụng luật đức hạnh có thể lập luận rằng mục đích của Luật hành vi nơi công cộng (cấm đá ở quảng trường) là khuyến khích phát triển những tiêu chuẩn đạo đức cao hơn trong mọi nhóm người, đặc biệt ở nhóm đá bậy nơi công cộng. (Tuy nhiên, một bồi thẩm đoàn gồm những người đá bậy có thể không đồng ý với lập luận này.)

Immanuel Kant ủng hộ quan điểm “nghĩa vụ luận” (deontology), cho rằng mục đích của luật pháp là luật hóa các nghĩa vụ đạo đức. Đối với những nhà nghĩa vụ luận, Luật chống đái bậy chủ trương mọi công dân phải có nghĩa vụ tôn trọng cảm giác của người khác.

Triết gia vị lợi thế kỷ mười chín Jeremy Bentham cho rằng mục đích của luật pháp là đem lại kết quả tốt đẹp cho nhiều người nhất. Theo quan điểm của các nhà vị lợi, Luật chống đái bậy đem lại kết quả tốt đẹp cho nhiều người (dân thành thị) hơn là gây bất tiện cho một số

ít người ưa đái bậy sẽ phải thay đổi tập quán xã hội lâu dài của mình.

Tuy nhiên, như ta vẫn thường chứng kiến trong triết học, những người bình thường có lẽ sẽ có ngay câu hỏi đầu tiên dành cho các nhà lý luận, “Liệu có tồn tại khác biệt thực tế nào - theo quan điểm của Tòa Thẩm phán Judy (“Judge Judy's court”: chương trình truyền hình phổ biến kiến thức pháp luật gia đình rất nổi tiếng của Mỹ, do cựu thẩm phán Judy Sheindlin dẫn dắt.) chẳng hạn - giữa các lý thuyết sắc sảo mà các vị đề ra không?” Ba lý thuyết nêu trên đều có thể dùng để giải thích về sự cần thiết không chỉ của Luật hành vi nơi công cộng, mà cả của nhiều nguyên tắc pháp lý vững chắc khác, như quan điểm áp dụng

hình phạt đối với tội nhân để làm thẳng bằng cán cân công lý. Bạn có thể giải thích hình phạt theo quan điểm phát triển đức hạnh (phục hồi nhân cách), quan điểm nghĩa vụ luận (trừng phạt tội vi phạm nghĩa vụ công dân), hay quan điểm vị lợi (ngăn chặn hậu quả xấu trong tương lai).

Những người không liên quan gì đến triết học có thể hỏi, “Nếu các vị đều thống nhất với nhau ở kết cục, vậy thì *lý do* chúng ta áp dụng hình phạt có gì khác nhau không?” Vấn đề thiết thực duy nhất ở đây có lẽ là làm thế nào tạo được tương quan thích hợp giữa một hành vi

phạm pháp, ví dụ như chửi mắng quan tòa, với một hình phạt như nộp hai mươi đô la chẳng hạn. Làm sao cho thích hợp đây?

Một người châu chực suốt ngày ở tòa án giao thông để chờ xét xử vụ việc của mình. Cuối cùng cũng đến lượt anh ta đứng trước quan tòa - nhưng quan tòa chỉ nói với anh ta rằng ngày mai anh ta phải quay lại, vì phiên tòa hôm nay đã hoãn. Cáu tiết, anh ta quát lên, "Để làm cái chó gì?"

Quan tòa quát lại, "Hai mươi đô la vì

xúc phạm tòa!"

Người đàn ông rút ví ra. Quan tòa nói, "Anh không phải trả ngay hôm nay."

Người kia nói, "Tôi chỉ kiểm xem tôi còn đủ tiền để nói thêm hai từ nữa không thôi."

Một nguyên tắc pháp lý nổi tiếng nữa là không thể luận tội dựa trên các chứng cứ gián tiếp. Lại một lần nữa, cả ba lý thuyết gia trù tượng kia đều có thể ủng hộ nguyên tắc này. Một nhà lý thuyết theo quan điểm Luật đức hạnh có thể lập luận rằng tiêu chuẩn cao về tính công bằng

trong phòng xử án sẽ trở thành mẫu mực đức hạnh cho toàn thể công dân noi theo. Đối với nhà nghĩa vụ luận, sử dụng chứng cứ gián tiếp có thể vi phạm nghĩa vụ chung của công dân là phải tuyệt đối công bằng đối với người khác. Đối với nhà vị lợi, việc sử dụng chứng cứ gián tiếp có thể gây hậu quả không mong muốn là bỏ tù người vô tội.

Lại một lần nữa, những người thực tế hơn trong chúng ta có thể hỏi, “Ai cần quan tâm đến *lý do* khiến chúng ta bàn về chứng cứ gián tiếp một cách thận trọng như vậy?” Một cách thiết thực, chúng ta

chỉ cần vạch ra tính chất không đáng tin cậy của nó, như người phụ nữ trong câu chuyện sau đây đã làm. [Lưu ý cách vận dụng phép phản chứng (*reductio ad absurdum*) rất khôn ngoan của cô ấy].

Một đôi vợ chồng đi nghỉ ở một khu nghỉ dưỡng câu cá. Trong khi chàng chợp mắt, nàng quyết định lấy thuyền của chàng bơi ra hồ và đọc sách. Trong khi nàng đang tắm nắng thì có một cảnh sát bơi thuyền đến và bảo, “Ở đây không được câu cá, thưa bà. Tôi phải bắt giữ bà.”

Nàng nói, "Nhưng thưa ông, tôi có câu cá đâu?"

Cảnh sát trưởng nói, "Thưa bà, bà có tất cả dụng cụ cần thiết. Tôi buộc phải bắt giam bà."

Nàng nói, "Nếu ông làm thế, thưa ông, tôi sẽ phải tố cáo ông tội cưỡng hiếp."

"Nhưng tôi chưa hề chạm đến người bà," viên cảnh sát nói.

"Tôi biết," nàng nói, "nhưng ông có đủ dụng cụ cần thiết."

Tuy nhiên vẫn tồn tại những nguyên

tắc pháp lý trở nên rất khác biệt tùy thuộc vào việc chúng ta áp dụng lý thuyết nào trong số ba lý thuyết nêu trên, như trong câu chuyện sau đây:

Một quan tòa gọi hai luật sư của hai bên đến văn phòng của ông và nói, "Lý do tôi gọi các anh hôm nay là hai anh đều đã hối lộ tôi." Hai luật sư cùng ngọ nguậy trên ghế. "Anh, Alain, đã đưa tôi 15.000\$. Phil, anh đã đưa 10.000\$."

Quan tòa trao cho Alain một tấm séc trị giá 5.000\$ và nói, "Bây giờ các anh ngang nhau, và tôi sẽ hoàn toàn dựa vào

công lý để phán quyết vụ này."

Nếu mục đích của việc cấm hối lộ chỉ là để loại trừ tình trạng vi phạm nghĩa vụ xét xử công bằng đối với tất cả các bên, thì chúng ta có thể đồng ý với ông quan tòa rằng việc nhận mức hối lộ ngang nhau có cùng kết quả như không nhận hối lộ. Cũng như vậy, nếu mục đích của việc cấm hối lộ là để đảm bảo đem lại những kết quả tốt đẹp một cách công bằng cho mọi người. Nhưng sẽ khó khăn hơn nhiều nếu lập luận rằng nhận hối lộ ngang nhau sẽ khuyến khích đức hạnh ở cả quan tòa

lẫn các luật sư. Lạ thật, sao chúng ta có thể đông dài mãi mà không kể một câu chuyện cười về các luật sư nhỉ?Ồ, nhưng cần gì bận khoản, chúng ta chỉ là những con người thôi mà.

Một luật sư gửi thư cho thân chủ của mình: "Frank thân mến: Tôi nghĩ hôm qua tôi trông thấy anh ngoài phố. Tôi đã băng qua đường để chào anh, nhưng hóa ra không phải. 1/10 giờ: 50\$."

oOo

DIMITRI: Cậu khiến tôi hào hứng rồi

đây, Tasso ạ. Tôi đã quyết định ứng cử vào Lực lượng cảnh sát đạo đức. Cậu có ủng hộ tôi một phiếu không?

TASSO: Tất nhiên, bạn ạ. Nếu cuộc bầu cử tiến hành bằng bỏ phiếu kín.

IX

TÍNH TƯƠNG ĐỐI

Chúng ta có thể nói gì nhỉ? Thuật ngữ này có những nghĩa khác nhau đối với những người khác nhau.

DIMITRI: Vấn đề rắc rối ở cậu,
Tasso ạ, là cậu nghĩ nhiều quá.

TASSO: So với ai?

DIMITRI: Ồ, so với lực sĩ Achilles.

TASSO: Thế so với Socrates thì sao?

DIMITRI: Ô kê, cậu lại thắng rồi. So
với Socrates, thì cậu quá ngu.

oOo

CHÂN LÝ TƯƠNG ĐỐI

Chân lý tương đối hay tuyệt đối?

Trang Tử, hiền triết Đạo gia cổ đại, tỉnh dậy từ một giấc mơ trong đó ông là một con bướm, hay là, ông tự hỏi, thật ra ông là một con bướm lúc này đang mơ mình là Trang Tử?

Trong thế giới phương Tây hiện đại, các triết gia bị ám ảnh bởi tính tương đối của cái biết đối với người biết. Như chúng ta đã biết, George Berkeley còn đi xa đến mức phát biểu rằng “vật thể” chỉ tồn tại tương đối với trí óc.

Thế kỷ hai mươi, một giáo sư đại học Harvard làm thí nghiệm với ma túy tạo ảo giác và sừng sốt phát hiện các nhận

thức của mình mang tính tương đối. Không, chúng tôi không nói đến Timothy Leary (Timothy Francis Leary (1920-1996), nhà tâm lý học có ảnh hưởng người Mỹ, ủng hộ lợi ích của chất gây ảo giác trong trị liệu.). Trước đó khá lâu, đó là William James (William James (1842-1910), nhà tâm lý học và triết học tiên phong người Mỹ với những cuốn sách về tâm lý học, chủ nghĩa thần bí, chủ nghĩa thực dụng.). Khi hít khí tê, James cảm thấy mình đạt đến trạng thái hòa đồng cùng vũ trụ, nhưng khi chất kích thích hết tác dụng, ông không thể nhớ được gì về những nhận thức vũ trụ của mình. Vì vậy, đến lần hít khí tê sau, ông buộc một cây bút vào tay và đặt một cuốn sổ mở trước mặt. Như mong đợi,

một ý tưởng chói sáng đến với ông, và lần này ông đã ghi lại được trên giấy. Vài giờ sau, thoát khỏi trạng thái đó, ông đọc ý tưởng triết học đột phá đã tự tay ghi lại: “Mọi thứ bốc mùi dầu hỏa!”

Ban đầu giáo sư James thất vọng, nhưng sau đó ông bắt đầu tư duy bằng cảm thức triết học. Ông nhận ra rằng vấn đề thực chất có thể là: a/ Những ý tưởng dường như là thiên tài dưới tác dụng của khí tê thật ra rất tầm thường vớ vẩn? hoặc b/ “Mọi thứ bốc mùi dầu hỏa” thực sự là ý tưởng thiên tài, nhưng nếu không có tác dụng của khí tê, người ta không nhận thức được?

Phân tích của James phản phát giống một truyện cười.

TÍNH TƯƠNG ĐỐI CỦA THỜI GIAN

Có nhiều truyện cười minh họa tính tương đối của ý niệm thời gian. Chẳng hạn:

Một con ốc sên bị hai con rùa chen cổ ăn cướp. Khi cảnh sát hỏi nó đã xảy ra chuyện gì, nó nói, "Tôi không biết. Chúng nó nhanh quá."

Và đây, lại chính con ốc sên đó:

Có tiếng gõ, nhưng khi người phụ nữ ra mở cửa, thì chỉ thấy một con ốc sên. Bà ta nhặt nó lên ném qua sân. Hai tuần sau, lại có tiếng gõ cửa.

Người đàn bà ra mở, và lại thấy con ốc sên đó. Con ốc sên hỏi, "Có chuyện gì xảy ra vậy?"

Tính tương đối giữa thời gian hữu hạn và vĩnh hằng vẫn luôn là một chủ đề chính của tư duy triết học, và vì vậy,

đương nhiên cũng là chủ đề chính của các tác giả hài hước:

Một người cầu nguyện chúa, "Lạy chúa, con xin hỏi người một câu hỏi."

Chúa đáp, "Được. Con nói đi."

"Thưa Chúa, có phải một triệu năm đối với Người chỉ là một giây thôi không?"

"Ừ, đúng đấy."

"Vâng, vậy thì một triệu đô la đối với Người?"

"Một triệu đô la đối với ta chỉ là một

xu."

"A, vậy thì con xin Chúa," người ấy nói, "xin Người cho con một xu?"

"Được," Chúa nói. "Chờ một giây nhé."



Chúng tôi sẽ không xuất bản sách của ông,
Một tự truyện: Cuộc đời con phù du, vì
sách chỉ có một trang.”

TÍNH TƯƠNG ĐỐI CỦA CÁC THỂ GIỚI QUAN

Có vô khối truyện cười minh họa tính
tương đối của các quan điểm khác nhau:

Một người Pháp bước vào quán rượu.
Một con vẹt mặc bộ tuxedo đậu trên vai
ông ta. Người pha rượu nói, "ô, trông
ngộ quá ha, ông kiếm được nó ở đâu

đây?"

Con vẹt nói, "Ở Pháp. Ở bên đó có hàng triệu gã như gã này."

Nhà triết học Mỹ thế kỷ hai mươi W.V.O. Quine viết rằng tiếng mẹ đẻ xác định thế giới quan của chúng ta, chính nó tạo nên khuôn khổ mà chúng ta không thể vượt ra ngoài để nhìn thế giới dưới ánh sáng khác. Chúng ta không thể dịch chính xác sang ngôn ngữ của mình một thuật ngữ từ thứ tiếng xa lạ. Chúng ta *có thể* thấy một người nói ngôn ngữ khác thốt lên "gavagai" khi chỉ vào vật thể mà

chúng ta vẫn gọi là “con thỏ”, nhưng chúng ta không chắc ý anh ta muốn nói đến “món thịt thỏ hầm” hay là “chuối tiến hóa thỏ” hoặc cái gì khác liên quan đến thỏ.

Hai người Do Thái vào ăn tối trong một tiệm cơm Tàu bán đồ chay. Anh hầu bàn người Hoa nói dăm câu với họ bằng tiếng Yiddish (Tiếng Đức cổ của người Do Thái ở Trung và Đông Âu.) trong khi họ xem thực đơn rồi sau đó nhận đặt món bằng tiếng Yiddish luôn. Khi ra về, hai người khách nói với người chủ tiệm Do Thái rằng thật là ngạc nhiên thú vị vì họ có thể nói chuyện với người hầu bàn bằng tiếng

Yiddish.

"Suyt, khẽ thoi," người chủ tiệm nói.
"Hắn vẫn nghĩ là mình đang học tiếng Anh đấy."

Câu chuyện này minh họa chính xác quan niệm của Quine về các vấn đề căn bản của dịch. Anh hầu như người Hoa có thể ghép các từ Yiddish thành câu theo cùng một cách như những thực khách Do Thái. Tuy nhiên *toàn bộ* hiểu biết tiếng Yiddish của anh ta mắc một khuyết điểm trầm trọng: Anh ta nghĩ đó là tiếng Anh!

Thậm chí bản thân quan niệm về cái

gì được coi là ngoại ngữ cũng mang tính chất tương đối với người nói. Hãy xem câu chuyện sau đây của giới thương mại quốc tế:

Một công ty đa quốc gia đăng quảng cáo tuyển thư ký. Một con chó giống Golden Retriever nộp đơn xin việc, đã qua được phần thử đánh máy, và được đưa vào phỏng vấn. Trưởng phòng nhân sự hỏi, "Mày có nói được ngoại ngữ nào không?"

Chó Golden Retriever trả lời, "Meo!"

Ở thời đại chúng ta, Michel Foucault tập trung vào một loại tính tương đối khác - tính tương đối của các giá trị văn hóa đối với quyền lực xã hội. Xã hội xác định các giá trị văn hóa của chúng ta, đặc biệt những gì chúng ta coi là tiêu chuẩn, và kiểm soát việc thực hiện chúng. Ai bị coi là mắc bệnh tâm thần? Ai xác định điều đó? Điều đó có ý nghĩa gì đối với những người bị xác định mắc bệnh tâm thần? Và có ý nghĩa đối với những người kiểm soát họ? Ai là người phải kiểm soát họ? Câu trả lời cho các câu hỏi này thay đổi tùy thời gian, khi

thiết chế quyền lực trong xã hội thay đổi. Có thời, việc kiểm soát nằm trong tay giới tăng lữ, ở thời khác, trong tay các bác sĩ. Điều này thể hiện ngụ ý của xã hội về cách chữa trị cái gọi là bệnh tâm thần. Điểm cốt yếu là những giá trị chúng ta vẫn coi như vĩnh cửu và tuyệt đối thực ra chỉ mang tính tương đối trong dòng chảy liên tục của lịch sử, phụ thuộc vào việc quyền lực ở trong tay ai và được họ sử dụng như thế nào.

Pat: Milke này, tớ đang chạy xe trên đường cao tốc và gọi cho cậu bằng điện

thoại di động mới đây.

Mike: cẩn thận nhé, Pat. Radio vừa thông báo có một thằng khùng đang chạy ngược chiều trên đường cao tốc.

Pat: Một thằng khùng á? Mẹ kiếp, ở đây đang có hàng trăm thằng kia kìa!

Xét một cách thuần túy lí trí, thì Pat chính là thằng cha mà radio nhắc đến. Nhưng theo tương quan từ góc nhìn của anh ta, thì hàng trăm người khác mới chạy sai đường. Vậy tại sao câu chuyện trở thành hài hước, mà không chỉ là một minh họa thuần túy về sự va chạm của

các quan điểm khác nhau? Bởi vì theo Foucault, nhà nước đã có luật quy định đi theo hướng nào là đúng.

Thêm một mối băn khoăn khác của các triết gia từ thời Plato là tính tương đối giữa các giá trị tạm thời và các giá trị vĩnh hằng. Và lần nữa, vấn đề được đặt vào tầm ngắm của truyện cười:

Ngày xưa có một ông nhà giàu sắp chết, ông ta hết sức đau lòng vì phải chia lìa với đồng tài sản đã khó nhọc cả đời mới kiếm được, nên chỉ ao ước có thể mang chúng theo lên Thiên đường. Bởi

vậy, ông ta liền cầu nguyện để xin được phép mang theo một ít của cải.

Nghe thấy lời cầu xin đó, một thiên thần hiện ra trước ông ta. "Ta rất tiếc, nhưng người không thể mang của cải theo." ông nhà giàu khẩn nài thiên thần hãy nói với Chúa để xem Ngài có thể uốn cong luật lệ một chút không.

Thiên thần lại hiện ra và thông báo rằng Chúa đã quyết định ban ngoại lệ và cho phép ông ta mang theo một chiếc vali. Quá vui mừng, ông ta lấy ra chiếc vali to nhất, nhét đầy những thỏi vàng ròng, và đặt nó bên cạnh giường.

Ít lâu sau, ông nhà giàu chết và xuất hiện trước cổng thiên đường. Thánh Peter nhìn chiếc vali và nói, "Dừng lại, người không được mang cái đó vào đây!"

Ông nhà giàu bèn giải thích với Thánh Peter rằng ông ta đã được phép và xin Thánh hỏi lại Chúa. Lát sau, Thánh Peter quay trở lại và nói, "Người nói đúng, người được phép mang theo một túi xách, nhưng ta phải kiểm tra bên trong trước khi cho nó qua."

Thánh Peter mở vali để kiểm tra những của cải trần thế mà người kia thấy

quá quý báu không nỡ bỏ lại, và thốt lên,
"Người mang theo đá lát đường à?"

TÍNH TƯƠNG ĐỐI TUYỆT ĐỐI

Nhiều sai lầm triết học nảy sinh từ việc nhìn nhận những chân lý tương đối như thể tuyệt đối. Thomas Jefferson, ảnh hưởng từ nhà triết học Anh John Locke, tuyên bố rằng quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc là “hiển nhiên”, có lẽ vì ông nghĩ chúng là những giá trị phổ quát và tuyệt đối. Nhưng điều này rõ ràng không phải là hiển nhiên đến

mức như thế đối với một người từ nền văn hóa khác - ví dụ, một tín đồ Hồi giáo cực đoan coi mưu cầu hạnh phúc chính là bản tính của những kẻ dị giáo.

Cũng có thể có sai lầm ngược lại. Chúng ta có thể quy tính tương đối cho một thứ tuyệt đối.

Người gác trên một chiếc tàu chiến phát hiện ra có ánh sáng phía trước mũi tàu. Viên thuyền trưởng bảo anh ta đánh tín hiệu cho tàu kia. "Yêu cầu anh đổi hướng hai mươi độ ngay lập tức!"

Câu trả lời đáp lại, "Yêu cầu anh đổi

hướng hai mươi độ ngay lập tức!"

Viên thuyền trưởng nổi cáu, ông ta đánh tín hiệu, "Tôi là thuyền trưởng. Chúng ta sắp đâm vào nhau. Hãy đổi hướng hai mươi độ ngay tức khắc!"

Câu trả lời đáp lại, "Tôi là thủy thủ binh nhì, tôi khẩn thiết yêu cầu ông thay đổi hướng tàu của ông đi hai mươi độ."

Lúc này viên thuyền trưởng giận điên người. Ông ta đánh tín hiệu, "Tôi là một tàu chiến!"

Câu trả lời nhận được, "Tôi là một hải đăng."

Lần tới hãy nghiền ngẫm các ý tưởng sâu sắc này về tính tương đối, khi bạn gọi món ăn Trung Hoa, hay nói đúng hơn là thứ mà người Trung Hoa gọi là món ăn.

oOo

DIMITRI: Vậy là, Tasso ạ, cậu có vẻ là một trong những gã cho rằng không có chân lý tuyệt đối, vì mọi chân lý đều tương đối.

TASSO: Cậu nói đúng.

DIMITRI: Cậu chắc chắn về điều đó

chứ?

TASSO: Tuyệt đối.

X

SIÊU TRIẾT HỌC

Triết học của Triết học. Đừng nhầm
với Triết học về Triết học của
Triết học.

DIMITRI: Giờ thì tôi mới thật hiểu rõ
món này, Tasso ạ.

TASSO: Hiểu rõ cái gì?

DIMITRI: Triết học, tất nhiên rồi!

TASSO: Cậu gọi đây là triết học à?

oOo

Tiếp đầu ngữ *meta* (siêu), về cơ bản có nghĩa là “vượt ra khỏi và bao gồm tất cả những cái bên dưới”, bỗng nhiên xuất hiện khắp nơi trong diễn ngôn triết học, như trong siêu ngôn ngữ (metalanguage), một ngôn ngữ có thể dùng để mô tả ngôn ngữ. Hoặc trong siêu đạo đức, nó tìm hiểu các nguyên tắc đạo đức của chúng ta từ đâu mà ra, và chúng có ý nghĩa gì.

Bởi vậy chỉ có *siêu* thời gian là cái duy nhất có trước khi xuất hiện siêu triết học.

Siêu triết học vật lộn với câu hỏi cấp bách, "Triết học là gì?" Có lẽ bạn nghĩ các nhà triết học hẳn phải biết câu trả lời cho câu hỏi rằng họ thực sự đang làm gì. Điều đó khiến bạn băn khoăn về lý do vì sao họ biết họ muốn trở thành nhà triết học lúc ban đầu. Chúng ta không bao giờ nghe thấy người thợ làm tóc hỏi "Làm tóc là gì?" Nếu người thợ làm tóc bây giờ không biết việc làm tóc là thế nào thì anh ta đã chọn nhầm nghề. Chắc chắn chúng ta không bao giờ muốn để anh ta

bới tóc cho các bà vợ của mình.

Tuy nhiên, các nhà triết học hiện đại vẫn liên tục định nghĩa lại triết học. Ở thế kỷ hai mươi, Rudolf Carnap và các nhà thực chứng logic đã loại trừ khỏi triết học một mảng lớn khi tuyên bố siêu hình học vô nghĩa. Họ nói nhiệm vụ duy nhất của triết học là phân tích các mệnh đề khoa học. (Rudolf Carnap (1891 -1970), nhà triết học người Mỹ gốc Đức, ủng hộ thuyết thực chứng logic.)

Người cùng thời với Carnap, Ludwig Wittgenstein, cha đẻ của triết học ngôn ngữ thông thường, thậm chí còn đi xa hơn. Ông cho rằng cuốn sách lớn đầu tiên

của mình đã khép lại lịch sử triết học, bởi vì ông đã chứng minh rằng tất cả những luận đề triết học là vô nghĩa, *kể cả của chính ông*. Ông tin rằng ông đã khép lại quyển sách về triết học đến mức chuyển sang làm giáo viên dạy tiểu học. Ít năm sau, ông lại mở cuốn sách triết học với quan niệm mới về mục đích của triết học - chỉ là trị liệu, không hơn không kém! Bằng tuyên bố ấy, Ludwig ngụ ý rằng nếu chúng ta biết cách đơn giản hóa thứ ngôn ngữ rắc rối của mình, thì chúng ta tự chữa trị được nỗi buồn chán do những vấn đề triết học vô nghĩa

gây ra.

Ngày nay, “các nhà logic tình thái” - các nhà logic học phân biệt giữa những mệnh đề *có thể* đúng và những mệnh đề *tất yếu* đúng - bản khoăn không biết các mệnh đề của họ rơi vào loại phạm trù nào. Còn với chúng ta thì tất cả có lẽ đều như siêu mệnh đề cả.

Chính trong truyền thống siêu triết học này chúng ta bắt gặp Seamus.

Seamus sắp sửa có cuộc hò hẹn đầu tiên, bèn xin lời khuyên từ anh trai, một tay sát gái. "Chỉ em cách nói chuyện với

con gái thế nào đi."

"Đây là bí quyết," ông anh nói. "Các cô gái Ireland thích nói về ba thứ: thức ăn, gia đình và triết học. Nếu em hỏi một cô gái rằng cô ta thích ăn gì, có nghĩa là em tỏ ra quan tâm đến cô ấy. Nếu em hỏi cô ta về gia đình, thì chứng tỏ em là người có ý định nghiêm túc. Nếu bàn về triết học, chứng tỏ là em đánh giá cao trí thông minh của cô ta."

"Được! Cám ơn anh," Seamus nói. "Đồ ăn, gia đình, triết học, em chơi được."

Đêm ấy, Seamus gặp cô gái trẻ, cậu ta buột miệng, "Em có thích ăn bắp cải không?"

"Ồ, không," cô gái bối rối nói.

“Em có anh trai không?” Seamus hỏi.

"Không."

"Vậy ư? Thế nếu em có anh trai, thì liệu anh ấy có thích ăn bắp cải không?"

Đó là triết học đấy.

oOo

Nhà triết học đương thời của chúng ta là William Vallicella (Nhà triết học Mỹ,

sinh năm 1950) viết, “Siêu triết học là triết học về triết học. Bản thân nó là một ngành của triết học, không giống như triết học về khoa học không phải là một ngành của khoa học, hay triết học về tôn giáo không phải là một ngành của tôn giáo.”

Chính những tuyên bố như thế này khiến cho Vallicella thành một người được săn đón trong những bữa tiệc đồng tính.

Luận đề nền tảng sâu xa của cuốn sách này lại một lần nữa đúng. Nếu có siêu triết học, ắt phải có siêu truyện cười.

Một người bán hàng lưu động đang chạy xe ở vùng nông thôn thì xe bị hỏng. Anh ta đi bộ nhiều dặm tới một ngôi nhà trang trại và hỏi xin chủ nhà cho ngủ nhờ qua đêm. "Được," chủ nhà nói. "Vợ tôi chết đã nhiều năm, hai đứa con gái tôi đứa hăm một đứa hăm ba, nhưng hai đứa đi học đại học cả, còn tôi thì ở nhà một mình, nên tôi có nhiều phòng cho anh."

Nghe vậy, người bán hàng quay đầu và đi bộ ngược trở lại đường cao tốc. Người nông dân gọi với theo, "Anh không nghe tôi nói gì à? Tôi có nhiều phòng."

"Tôi có nghe, nhưng tôi nghĩ tôi đã lạc vào nhầm truyện cười rồi."

Và, tất nhiên, một siêu truyện cười cho bạn:

Một người mù, một người đồng tính nữ và một con ếch bước vào một quán bar.

Người chủ quán nhìn họ và nói, "Cái gì đây-đùa nhau à?"

Còn cuối cùng, một siêu truyện cười động chạm chính trị. Cũng như siêu triết

học cần đến các siêu triết gia để người ta có một số hiểu biết thế nào là triết học nói chung, siêu truyện cười cần những hiểu biết thế nào là truyện cười nói chung. Trong trường hợp này, là một truyện cười Ba Lan.

Một gã đàn ông bước vào một quán rượu đông người và tuyên bố gã có một truyện cười Ba Lan cực sốc để kể. Nhưng gã chưa kịp kể, ông chủ quán bar đã nói, "Từ từ nào, anh bạn. Tôi là người Ba Lan đây."

Và gã kia nói, "ô kê, tôi sẽ kể rất, rất

chậm thôi."

oOo

DIMITRI: Vậy là chúng ta đã bỏ cả buổi chiều để thảo luận về triết học và cậu thậm chí không biết triết học là gì?

TASSO: Vậy tại sao cậu còn hỏi?

TỔNG QUAN: MỘT KẾT LUẬN

Xem xét lại một cách cô đọng và toàn diện những gì chúng ta đã lĩnh hội được hôm nay.

Tasso cầm micro tại Câu lạc bộ Hải Acropolis.

TASSO: Nhưng, hoàn toàn nghiêm túc, thưa quý vị... Quý vị đã nghe nhà kinh nghiệm chủ nghĩa người Anh nói với vợ rằng nàng chẳng là cái gì khác ngoài một mớ dữ kiện cảm giác chưa?

“Ồ thế hả?” nàng nói. “Anh nghĩ cảm giác sẽ như thế nào khi tối tối lên giường với một người đàn ông không có *ding an sich* (vật tự thân)?”

Tôi không đùa đâu, tôi đã có vợ mười năm trước khi nhận ra rằng vợ tôi chỉ là

sự tồn tại và không có bản thể. Ý tôi muốn nói đến sự tồn tại (esse) thực sự được tri giác (was percipi) của cô ấy.

Có chuyện gì thế, quý vị? Ở đây im ắng quá, quý vị có thể nghe thấy tiếng cây đổ trong rừng... ngay cả khi quý vị không ở đó! Schopenhauer đã nói sẽ có những đêm như đêm nay.

Bọn trẻ ngày nay hả? Hôm trước, thằng con tôi hỏi mượn chìa khóa xe của tôi, tôi bảo, “Con ạ, trong thế giới tốt nhất trong tất cả các thế giới có thể này, con nên có xe riêng của con.”

Nhưng nó nói, “Nhưng, ba ơi, đây đâu phải thế giới tốt nhất trong tất cả các thế giới có thể.”

Thế là tôi bảo, “Vậy thì về mà sống với mẹ mày!

Nhân tiện, có một chuyện buồn cười xảy ra trên đường tôi đến đây tối nay: Tôi đã bước vào cùng một dòng sông... hai lần.

Còn nữa, một hôm Plato và con thú mỏ vịt bước vào một quán bar. Gã đứng quầy ném cho triết gia cái nhìn chế nhạo, còn Plato đáp, “Tôi biết nói gì đây? Ở

trong hang trông nó xinh đẹp hơn.”

DIMITRI (từ trong khán giả): Lôi hẳn xuống đi!

oOo

THI CUỐI KHÓA

Sao nhỉ? Các bạn chưa lường đến việc này? Các bạn nghĩ tất cả chỉ để đùa chơi?

Vậy thì, hãy nghĩ lại đi, các bạn. Không có cái gì kết thúc nếu bạn chưa đi đến đích.

Tin vui là nó chỉ chiếm 35% điểm của các bạn. Tin buồn là nó chiếm 85% lòng tự tôn nói chung của các bạn.

Nhưng tin vui nhất là nếu bạn gửi bài thi của bạn đến website của chúng tôi, [http:// platoandaplatypus.com/](http://platoandaplatypus.com/) và bạn nhận được một bằng danh dự cao nhất cho bài viết của bạn, chúng tôi sẽ gửi đến bạn phần thưởng là một chai retsina (vang Hy Lạp) có chữ ký của các tác giả hoặc một cốc nhỏ chứa độc cần do người thắng cuộc tự chọn.

Độc cần: Chất độc có thể đã giết chết nhà triết học Socrates.

Đề thi như sau:

Xem ba truyện cười sau. Dùng không quá ba mươi lăm từ cho mỗi câu chuyện, để mô tả quan điểm triết học hay trường phái tư tưởng mà chúng minh họa, và mô tả cách chúng minh họa. Gian lận tùy ý.

TRUYỆN CƯỜI SỐ 1: [XIN LỖI CÁC BẠN SARDAR CỦA CHÚNG TÔI]

Một gã Sardar đi du lịch bằng tàu hỏa. Gã cảm thấy buồn ngủ, nên đưa cho người ngồi đối diện hai mươi rupi để

đánh thức gã dậy khi tàu đến ga của gã. Ngẫu nhiên anh chàng kia lại là một thợ cạo, và anh ta nghĩ với số tiền hai mươi rupi gã kia đáng được phục vụ nhiều hơn, nên khi gã Sardar đang ngủ, anh ta lặng lẽ cạo râu cho gã.

Tàu đến ga, người thợ cạo đánh thức gã Sardar dậy, gã xuống tàu và về nhà. Vừa bước vào toilet để rửa mặt, gã nhìn vào gương và gào lên.

"Có chuyện gì thế?" vợ gã hét lên hỏi.

Gã Sardar trả lời, "Thằng lừa đảo trên tàu lấy mất của tôi hai mươi rupi rồi

đi đánh thức một người khác!"

TRUYỆN CƯỜI SỐ 2:

Ba gã cùng chết trong một tai nạn và lên thiên đường. Khi họ đến nơi, Thánh Peter nói, "ở đây, trên thiên đường này chỉ có một quy tắc duy nhất: không được giẫm vào lỗ vịt."

Thế rồi họ đi vào thiên đường, quả tình, đâu đâu cũng thấy toàn vịt là vịt. Hầu như không thể đi một bước mà không giẫm phải một con vịt. Mặc dù họ đã hết sức cố tránh giẫm vào chúng, gã đầu tiên bất ngờ đạp trúng một con.

Thánh Peter lập tức hiện ra cùng với một người đàn bà xấu xí nhất mà gã kia từng nhìn thấy. Thánh Peter xích họ lại với nhau và bảo, "Hình phạt của người vì đã giẫm lên vệt là sẽ vĩnh viễn bị xích với người đàn bà xấu xí này!"

Hôm sau, gã thứ hai lại vô tình giẫm trúng một con vệt, Thánh Peter lại hiện ra, và cùng với ngài là một người đàn bà cực kỳ xấu xí khác. Ngài xích họ lại với nhau với cùng hình phạt: họ bị buộc với nhau vĩnh viễn.

Gã thứ ba đã chứng kiến tất cả cảnh ấy và không muốn bị xích vĩnh viễn vào

một người đàn bà xấu, nên rất, rất cẩn thận khi bước đi. Gã đã cố đi được một tháng mà không giẫm phải con vệt nào, nhưng một hôm Thánh Peter đến trước gã với một người đàn bà đẹp lộng lẫy mà gã chưa từng trông thấy, một cô gái tóc vàng hoe cao ráo, đầy đà, và sexy. Thánh Peter xích họ lại với nhau mà không nói một lời. Gã trai băn khoăn: "Tôi tự hỏi mình đã làm gì để xứng đáng được xích cùng với nàng đến vĩnh cửu?"

Người phụ nữ đáp: “Tôi không biết anh, nhưng tôi đã giẫm phải một con vệt.”

TRUYỆN CƯỜI SỐ 3:

Một người đàn ông đang lái xe xuôi theo một con đường.

Một phụ nữ lái xe chạy ngược lên cũng trên con đường đó.

Họ đi qua nhau.

Người phụ nữ hét lên qua cửa xe, "Lợn!"

Người đàn ông hét lại, "Chó cái!"

Người đàn ông quay đầu xe ở khúc cua kế tiếp, đụng phải một con lợn to tướng nằm ngay giữa đường, và chết.

NHỮNG KHOẢNH KHẮC VĨ ĐẠI TRONG LỊCH SỬ TRIẾT HỌC

530 tr. CN. Ngày thứ 83 dưới gốc cây Bồ đề, Thích Ca mỉm cười bi hiểm khi liên tưởng đến một trò chơi cóc-cóc.

Phật Thích Ca, 563-483 tr. CN.

Zeno ở Elea, 490-425 tr. CN.

Socrates, 469-399 tr. CN.

381 tr. CN. Plato thấy những cái bóng trên vách hang đá và cắt nghĩa rằng mùa đông còn kéo dài sáu tuần nữa.

399 tr. CN. Socrates uống độc cần pha xốtđa – kèm một lát chanh.

Plato, 427-347 tr. CN.

Aristotle, 384-322 tr. CN.

Phái Khắc kỷ, bắt đầu TK4 tr. CN.

399 CN. Một bài phê bình trong *Alexandria Asp* gọi chủ nghĩa Plato mới của Hypatia là "văn chương đàn bà" (chick lit).

St. Augustine, 354-430

Hypatia, 370-415

Tk 6
tr. CN

Tk 5
tr. CN

Tk 4
tr. CN.

Tk 4
CN

1328. William Occam sáng chế dao cạo Gillette Mach 3.

William Occam, 1285-1347

1504. Một người thích đùa dân bằng khẩu hiệu "Những Hành động Ngẫu nhiên của Lòng tốt" lên xe ngựa của Nick Machiavelli.

Nicolò Machiavelli, 1469-1527.

1650. René Descartes ngưng tư duy một giây và chết.

1652. Pascal đến trường đua ngựa Longchamp, tại đó ông cả một số tiền lớn lên con ngựa có tên "Chúa trời". Ông đã thua.

Thomas Hobbes, 1588-1679.

René Descartes, 1596-1650.

Blaise Pascal, 1623-1662.

Baruch Spinoza, 1632-1677.

John Locke, 1632-1704.

Gottfried W. von Leibniz, 1646-1716

1731. Giám mục Berkeley giam mình 30 ngày trong một cái thùng làm mất cảm giác và sau đó ra ngoài với đầu óc không thay đổi.

1754. Immanuel Kant đối mặt một ding an sich - và nói ông "không thể nói về nó."

1792. Một bài nhận xét trên báo *Manchester Guardian* liệt cuốn "Chứng minh các quyền của phụ nữ" của Mary Wollstonecraft vào loại "văn chương đàn bà" (chick lit).

George Berkeley, 1685 – 1753

David Hume, 1711 – 1776

Jean-Jacques Rousseau, 1712 – 1778

Adam Smith, 1723 – 1790

Immanuel Kant, 1724 – 1804

Mary Wollstonecraft, 1759 – 1797

1818. Các anh lớn Chico, Groucho, Gummo, Harpo và Zeppo chào đón em bé Karl ra đời.

1844. Chán bị gọi là "Chàng Đan Mạch u sầu", Kierkegaard định đổi quốc tịch.

1900. Nietzsche chết. Thương để chết sáu tháng sau đó vì vỡ tim.

Jeremy Bentham, 1748 – 1832

G.W.F. Hegel, 1770 – 1831

Arthur Schopenhauer 1788 – 1860

John Stuart Mill, 1806 – 1873

Søren Kierkegaard, 1813 – 1855

Karl Marx, 1818 – 1883

William James, 1842 – 1910

Friedrich Nietzsche, 1844 – 1900

Edmund Husserl, 1859 – 1938

1954. Jean-Paul Sartre từ bỏ sự nghiệp triết học của mình để làm một người hầu bàn.

1958. Bài phê bình trên Le Monde liệt cuốn *Giới tính thứ hai* của Simone de Beauvoir vào loại "văn chương đàn bà".

1996. Làm thêm ca đêm ở công ty Giải trí Đồ vật Thế giới (WWE), Kripke chính thức đổi tên thành Nhà Định danh Cứng (The Rigid Designator).

Alfred North Whitehead, 1861 – 1947

Bertrand Russel, 1872 – 1970

Ludwig Wittgenstein, 1889 – 1951

Martin Heidegger, 1889 – 1976

Rudolf Carnap, 1891 – 1970

Gilbert Ryle, 1900 – 1976

Karl Popper, 1902- 1994

Jean-Paul Sartre, 1905 – 1980

Simone de Beauvoir, 1908 – 1986

W.V.O. Quine, 1908 – 2000

John Austin, 1911 – 1960

Albert Camus, 1913 – 1960

Michel Foucault, 1926 – 1984

Saul Kripke, 1940 –

Peter Singer, 1946 –

CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ

Bản chất luận (essentialism): Quan điểm triết học cho rằng mỗi đối tượng đều có những bản chất, hay các đặc tính thuộc bản chất, có thể phân biệt với các đặc tính ngẫu nhiên, không bản chất. Chẳng hạn, đặc tính bản chất của một người đàn ông có vợ là anh ta có vợ (có khi là người vợ giống đực). Nhưng sự hiện diện của chiếc nhẫn cưới trên ngón tay người đàn ông có vợ chỉ là đặc tính

ngẫu nhiên. Anh ta có thể vẫn là người có vợ mà không đeo nhẫn cưới, mặc dầu vợ anh ta có thể cãi vã về điều này.

Bản thể (Noumenal): liên quan đến sự vật tự thân, đối lập với những gì sự vật thể hiện trước cảm giác của chúng ta. Xem *vật tự thân*... nhưng một lần nữa, bạn không thể, đúng không? Trái nghĩa: *Hiện tượng*.

Chủ nghĩa duy lý (rationalism): Quan điểm cho rằng lý trí là con đường chính - hay duy nhất - dẫn đến tri thức.

Nó thường tương phản với chủ nghĩa kinh nghiệm, quan điểm cho rằng kinh nghiệm tri giác là con đường chính dẫn đến tri thức. Theo truyền thống, các nhà duy lý thích lý trí hơn bởi vì cảm giác vốn mang tiếng không đáng tin cậy, và vì vậy tri thức dựa trên chúng là không chắc chắn. Họ thích sự *chắc chắn* tột độ của những kết luận đạt được nhờ lý trí, như "Đây là thế giới tốt nhất trong những thế giới có thể có." Bạn cần phải đến đó...

Chủ nghĩa hiện sinh (existentialism): Trường phái triết học

tìm cách mô tả thực trạng sự tồn tại của cá nhân con người chúng ta, thay vì những phẩm chất người phổ quát, trừu tượng. Theo khẳng định của Sartre, "tồn tại có trước bản chất". Điều đó có nghĩa là đời sống thực của chúng ta là điều cốt yếu nhất trong chúng ta, và chúng ta tự tạo ra bản chất của chính mình. Tư tưởng này tác động sâu sắc đến đạo đức học hiện sinh, nó cổ vũ chúng ta luôn luôn sống "đích thực," ý thức đầy đủ về việc chúng ta có thể chết và không làm tương về những lựa chọn của chúng ta - tóm lại, những mối bận tâm đại loại là thích hợp

nhất để nghiền ngẫm bên tách cà phê kèm
điều thuốc lá trong một tiệm cà phê
Paris, hơn là, chẳng hạn, bên băng
chuyên lắp ráp xe hơi trong một nhà máy
ở Detroit.

Chủ nghĩa kinh nghiệm
(**empiricism**): Quan điểm cho rằng kinh
nghiệm, đặc biệt là kinh nghiệm cảm
giác, là con đường chủ yếu - hay duy
nhất - dẫn đến tri thức. "Làm sao anh
biết có con kỳ lân?" "Bởi vì tôi vừa
trông thấy một con trong vườn!" Giờ thì
chúng ta gọi đây là chủ nghĩa kinh

nghiệm cực đoan. Trái nghĩa với *chủ nghĩa duy lý*.

Chủ nghĩa thực dụng (pragmatism):

Một trường phái triết học nhấn mạnh đến mối liên hệ giữa lý thuyết và thực tế. Chẳng hạn, William James định nghĩa một lý thuyết đúng là một lý thuyết có ích, hay là một lý thuyết sinh ra nhiều hiểu biết mới. Một số người cho định nghĩa của James là hữu ích, một số khác thì không cho là vậy.

Chủ nghĩa vị lợi (Utilitarianism):

Triết lý đạo đức cho rằng hành động đúng là hành động mang lại nhiều điều tốt lành cho những người chịu tác động của nó hơn bất kỳ hành động nào khác. Lợi ích có hạn của triết lý đạo đức này trở nên rõ ràng khi bạn cố gắng làm vừa lòng cả mẹ đẻ và mẹ vợ trong ngày Lễ Tạ Ôn.

Công án (koan): trong Thiên Phật giáo câu đố có mục đích khiến chúng ta bị sốc đến mức đốn ngộ. "Tiếng vỗ của một bàn tay là gì?" như thể một trò lừa. "Tiếng vỗ của hai bàn tay là gì?" thì

không lừa nữa. Xem thêm *Đốn ngộ* (*satori*).

Đạo nghĩa học (deontological ethics): Môn đạo đức học đặt nền tảng trên lý thuyết cho rằng các nghĩa vụ đạo đức dựa trên bốn phận (lấy từ chữ *deon* của tiếng Hy Lạp) hoàn toàn không phụ thuộc vào hậu quả thực tế của hành động. Chẳng hạn, một lãnh tụ chính trị tin rằng bốn phận cao cả của ông ta là bảo vệ cộng đồng khỏi sự tấn công của bọn khủng bố có thể biện luận rằng để thực hiện bốn phận ấy ông ta phải cho đặt máy

nghe trộm ở phòng ngủ của mọi người, bất kể hậu quả của việc này đối với đời sống tình dục của bạn.

Ding an sich: Vật-tự-thân, đối lập với biểu hiện cảm quan của một sự vật. Ý niệm này cho rằng một sự vật bất kỳ hàm chứa trong nó nhiều hơn tổng số những dữ liệu cảm quan của nó (nghĩa là trông, nghe, ngửi, sờ, nếm nó như thế nào), và rằng có vật-tự-thân tồn tại đằng sau tất cả những dữ liệu cảm quan, và nó độc lập với các dữ liệu ấy. Một số nhà triết học cho rằng khái niệm vật-tự-thân thuộc

cùng một phạm trù như con kỳ lân và ông già Noel.

Đốn ngộ (Satori): Trong Thiền tông Phật giáo, một kinh nghiệm giác ngộ trong đó chúng ta đột nhiên thấy rõ chân tính của chúng ta và thế giới. Trích dẫn Red Hot Chili Peppers: "Nếu anh phải hỏi, nghĩa là anh không biết."

Ban nhạc rock của Mỹ, thành lập năm 1983.

Hậu nghiệm (a posteriori): Biết nhờ kinh nghiệm, biết qua trải nghiệm. Để biết một loại bia nào đó uống ngon mà

không gây đầy hơi, chúng ta phải từng có trải nghiệm (uống) ít nhất một loại bia ngon và không bị đầy hơi. Trái nghĩa với *tiên nghiệm*.

Hiện tượng (phenomenal): liên quan đến kinh nghiệm cảm giác của chúng ta về sự vật. "Đó là chiếc mũ đỏ" gắn với kinh nghiệm cảm giác của chúng ta về một vật thể có màu đỏ và có hình dạng chiếc mũ. Nhưng câu "Ôi! Chiếc mũ màu đỏ của cô đúng là một hiện tượng" thì có thể không phải vậy. Trái nghĩa với *Bản thể*.

Hiện tượng học (phenomenology):

Phương pháp nghiên cứu cố gắng mô tả thực tại như nó được tiếp nhận và hiểu bởi ý thức con người, ngược lại với, chẳng hạn, mô tả có tính khoa học. Ví dụ, hiện tượng học mô tả hiện tượng "thời gian sống" hay thời gian như chúng ta trải nghiệm nó, so với "thời gian đồng hồ." Trong phim *Manhattan* khi Woody Allen nói, "chúng ta hầu như chẳng mấy khi làm tình, chỉ có hai lần một tuần" thì anh ta nói đến "thời gian sống"; cũng như khi người vợ trong phim của anh tuyên

bố, "Anh ấy *luôn luôn* muốn làm tình - gần như hai lần một tuần!"

Lập luận hồi quy vô tận (infinite regress argument): Sự chứng minh không giải thích thỏa mãn được hiện tượng vì cần đến một chuỗi bất tận những "giải thích" tương tự nhau. Chẳng hạn, việc giải thích sự tồn tại của thế giới bằng cách thừa nhận có một "Đấng Sáng thế" làm phát sinh câu hỏi vậy phải giải thích được sự tồn tại của Đấng Sáng tạo đó như thế nào. Nếu thừa nhận có một Đấng Sáng tạo khác, sẽ có câu hỏi: "Ai

sáng tạo ra Đấng Sáng tạo đó?" Và sẽ cứ như thế mãi, đến bất tận; hoặc đến lúc phát nôn, tùy cái gì xảy đến trước.

Logic diễn dịch (deductive logic):

Lập luận từ một tập hợp các tiền đề mà từ đó có thể suy ra kết luận một cách hợp lý. Dạng cơ bản nhất của logic diễn dịch là *tam đoạn luận*, ví dụ "Mọi tác giả hài đều là triết gia; Larry, Moe, Curly là những tác giả hài; vậy Larry, Moe, Curly là những triết gia." Trái nghĩa với *logic quy nạp*.

Logic quy nạp (inductive logic): Lập luận đi từ những trường hợp riêng đến một kết luận chung có hàm ý rộng hơn những gì có thể suy ra một cách hợp lý từ những trường hợp riêng ấy. Chẳng hạn, khi quan sát thấy mặt trời mọc hôm nay, hôm qua và mọi ngày từ hôm qua trở về trước, chúng ta đi đến kết luận rằng mặt trời đã luôn mọc và sẽ tiếp tục mọc lên hằng ngày, ngay cả khi kết luận này không thể suy ra được một cách hợp lý từ những trường hợp đã biết. Ghi chú: ví dụ này vô tác dụng với các độc giả của chúng ta ở Bắc Cực. Trái nghĩa với *logic*

diễn dịch.

Mệnh đề phân tích (analytic statement): Mệnh đề đúng theo định nghĩa. Chẳng hạn "Mọi con vịt đều là chim" là mệnh đề phân tích vì khi nói "vịt" chúng ta ngụ ý đến một loài thuộc họ chim. Mặt khác, "Mọi con chim đều là vịt" không phải là mệnh đề phân tích vì tính chất vịt không phải là yếu tố bắt buộc trong khái niệm "chim". Hiển nhiên, "Mọi con vịt đều là vịt" là mệnh đề phân tích, cũng như "Mọi con chim đều là chim". Thật phần khởi khi thấy triết học

có khả năng giúp ích thiết thực cho các môn khác, chẳng hạn điều cần học. Trái nghĩa với *mệnh đề tổng hợp*.

Mệnh đề tổng hợp (synthetic statement): Một mệnh đề không đúng theo định nghĩa. Chẳng hạn "Mẹ anh đi đôi giày quân dụng". Nó thêm vào một thông tin vốn không có trong định nghĩa "mẹ anh". Điều này cũng đúng với mệnh đề hệ quả "Mã Hữu Hữu đi đôi giày quân dụng". Trái nghĩa với *mệnh đề phân tích*.

Mệnh lệnh tuyệt đối tối cao (supreme categorical imperative): Nguyên tắc đạo đức quan trọng nhất của Immanuel Kant, rằng người ta chỉ nên hành động theo những châm ngôn đạo đức nào có thể nhất quán áp dụng như một quy luật phổ biến. Nó khá giống quy tắc vàng với đôi chút biến tướng, nhưng không hoàn toàn như vậy.

Nghịch lý (Paradox): a) một đoạn lập luận sử dụng logic có vẻ chặt chẽ và những tiền đề có vẻ đúng, nhưng vẫn dẫn đến mâu thuẫn; b) hai bác sĩ bất kỳ.

Post hoc ergo propter hoc: Một nguy biện logic, có nghĩa nguyên văn là "xảy ra sau cái này, do đó, do cái này gây ra"; nguy biện rằng vì A xảy ra trước B, do đó A phải là nguyên nhân của B. Cuốn sách *Freakonomics* (Kinh tế học hài hước) dẫn ra cho chúng ta vô số những nguy biện như thế, đặc biệt trong lĩnh vực nuôi dạy con cái. Một ông bố nói "Thằng bé nhà tôi thông minh bởi vì tôi chơi Mozart cho nó nghe khi nó còn trong bụng mẹ," trong khi hai sự việc này thực sự chẳng có mối liên hệ nào. May

ra thẳng bé thông minh vì nó có bố mẹ đã nghe Mozart (tức là họ có giáo dục và do đó có thể cũng thông minh).

Quy luật phi mâu thuẫn (Law of Noncontradiction): Quy tắc logic của Aristotle, rằng một vật không thể đồng thời vừa là A vừa là không A. Sẽ là tự mâu thuẫn khi nói "Quần của anh đang cháy, với quần của anh không đang cháy." Bất chấp luật này của Aristotle, trong hoàn cảnh này cứ dùng vòi mà tưới nước cho mạnh cũng không hại gì.

Telos: Mục đích nội tại. Mục đích nội tại của một quả sồi là trở thành một cây sồi. Tương tự, mục đích nội tại của một nghiên cứu sinh triết học là được phong hàm giáo sư ở Harvard. Đó là mục đích nội tại của anh hay chị ta, cho dù có những cơ hội thăng tiến tuyệt vời ở chuỗi siêu thị Wal-Mart.

Thuyết cảm xúc (emotivism): Khuynh hướng triết học đạo đức cho rằng các phán xét đạo đức không đúng cũng không sai, mà chỉ biểu hiện sự tán thành hay phản đối của chúng ta đối với

một hành động hoặc một cá nhân thực hiện một hành động nhất định hay một loạt hành động. Theo quan điểm triết học này, mệnh đề "Saddam là kẻ ác" chỉ đơn giản có nghĩa là "Saddam không phải là thứ nằm trong bộ nhớ của tôi. Tôi không biết; tôi không quan tâm thằng cha đó."

Tiên nghiệm (a priori): Biết *trước* kinh nghiệm, không phụ thuộc vào kinh nghiệm. Chẳng hạn, dù chưa từng xem một buổi biểu diễn *American Idol* nào, chúng ta vẫn có thể chắc chắn rằng, tất cả những người tham gia vào buổi diễn đều

tin rằng mình là ca sĩ, vì *American Idol* là một cuộc thi hát cho những người - vì những lý do mà bản thân họ biết rõ nhất - tin rằng mình là ca sĩ. Trái nghĩa với *Hậu nghiệm*.

Triết học ngôn ngữ thông thường (ordinary language philosophy): Trào lưu triết học tìm cách hiểu những khái niệm triết học thông qua khảo sát việc sử dụng ngôn ngữ thông thường. Theo các triết gia của trường phái này, nhiều vấn đề khiến các nhà tư tưởng rối trí suốt nhiều thiên niên kỷ, chỉ vì sự mơ hồ và

lệch lạc logic tồn tại ngay trong cách nêu vấn đề. Trào lưu này đánh dấu sự chấm dứt của Kỷ nguyên hoang mang.

HẾT

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh:

Plato and the Platypus Walk into a Bar... Understanding Philosophy Through Jokes của Thomas Cathcart và Daniel Klein.

Người dịch: Tiết Hùng Thái.

Mời các bạn ghé thăm [Đào Tiểu Vũ](#)
[eBook](#) để tải thêm nhiều ebook hơn
nữa.